ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

QUYỂN 1/2

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1993, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP Hà Nội) đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 28/6/2023. Giấy phép Thành lập và Hoạt động cấp lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15/4/1993, Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung Giấy phép số 120/GP-NHNN, cập nhật gần nhất ngày 28/7/2026 – Theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Các Tổ chức tín dụng, hiệu lực từ ngày 01/7/2024, Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 696 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 11 năm 2026)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH/TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH *(trường hợp có tổ hợp bảo lãnh phát hành)* hoặc **ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:** *Không có*

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: *Không có*

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại: website https://www.abbank.vn và Trụ sở chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình tại Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam từ ngày: 20./.11./2026.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Hương

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84-24) 3761 2888

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH
Ký ngày: 20/11/2026 13:34:28

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1993, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP Hà Nội) đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 28/6/2023. Giấy phép Thành lập và Hoạt động cấp lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15/4/1993, Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung Giấy phép số 120/GP-NHNN, cập nhật gần nhất ngày 28/7/2026 – Theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Các Tổ chức tín dụng, hiệu lực từ ngày 01/7/2024, Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 690 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 11 năm 2026)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH/TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH *(trường hợp có tổ hợp bảo lãnh phát hành)* hoặc **ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:** *Không có*

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: *Không có*

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại: website https://www.abbank.vn và Trụ sở chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình tại Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam từ ngày: 20../.11./2026.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Hương

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84-24) 3761 2888

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1993, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP Hà Nội) đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 28/6/2023. Giấy phép Thành lập và Hoạt động cấp lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15/4/1993, Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung Giấy phép số 120/GP-NHNN, cập nhật gần nhất ngày 28/7/2026 - Theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Các Tổ chức tín dụng, hiệu lực từ ngày 01/7/2024, Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	803.391.974 cổ phiếu *(Bằng chữ: Tám trăm linh ba triệu, ba trăm chín mốt nghìn, chín trăm bảy mươi tư cổ phiếu).*
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	8.033.919.740.000 đồng *(Bằng chữ: Tám nghìn không trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 1600; Website: http://kpmg.com.vn

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2025

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Lầu 20, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 5252; Website: www.ey.com/vi_vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3562 4626 Fax: (84-24) 3562 4628

Website: www.abs.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 7
1. Tổ chức phát hành 7
2. Tổ chức tư vấn 7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 9
4. Rủi ro về đợt chào bán 17
5. Rủi ro pha loãng 18
6. Rủi ro quản trị công ty 20
7. Rủi ro khác 21
III. CÁC KHÁI NIỆM 21
1. Khái niệm 21
2. Từ viết tắt 21
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 23
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 23
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 25
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 28
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 29
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 39
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 40
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 54
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 54
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 57
10. Hoạt động kinh doanh 58
11. Chính sách đối với người lao động 80
12. Chính sách cổ tức 83
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 83
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 84
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 84
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 84
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 84
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 84
2. Tình hình tài chính 88
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 94
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 95
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG 98
1. Thông tin về Cổ đông sáng lập 98
2. Thông tin về Cổ đông lớn 98
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng 108

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 137
1. Loại cổ phiếu 137
2. Mệnh giá cổ phiếu 137
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 138
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 138
5. Giá chào bán 138
6. Phương pháp tính giá 138
7. Phương thức phân phối 138
8. Đăng ký mua cổ phiếu 139
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 140
10. Phương thức thực hiện quyền 141
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 142
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền đặt mua cổ phiếu 142
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 143
14. Hủy bỏ đợt chào bán 143
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài và bảo đảm tuân thủ các giới hạn sở hữu trong đợt chào bán 143
16. Các loại thuế có liên quan 146
17. Thông tin về các cam kết 147
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 147
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 148
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 148
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 149
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 149
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN 150
XIII. PHỤ LỤC 151

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Chức năng nhiệm vụ chính của các Khối 32
Bảng 2: Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của ABBank 40
Bảng 3: Cơ cấu Cổ đông tại ngày 30/9/2026 54
Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu (Riêng) 58
Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu (Hợp nhất) 59
Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận (Riêng) 59
Bảng 7: Cơ cấu Lợi nhuận (Hợp nhất) 60
Bảng 8: Nguồn vốn huy động (Riêng) 61
Bảng 9: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất) 61
Bảng 10: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước 62
Bảng 11: Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn vốn 62
Bảng 12: Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ 62
Bảng 13: Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng 63
Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn 63
Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo loại tiền tệ 63
Bảng 16: Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh 64
Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp. 65
Bảng 18: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán 66
Bảng 19: Hoạt động thanh toán quốc tế và trong nước từ năm 2024 đến 30/9/2026 67
Bảng 20: Chứng khoán kinh doanh 68
Bảng 21: Chứng khoán đầu tư 68
Bảng 22: Góp vốn, mua cổ phần 69
Bảng 23: Các hoạt động khác 69
Bảng 24: Giá trị Tài sản cố định (Riêng) 69
Bảng 25: Giá trị tài sản cố định (Hợp nhất) 70
Bảng 26: Danh mục một số khu đất lớn thuộc sở hữu của ABBank 70
Bảng 27: Các dự án đã và đang được triển khai 77
Bảng 28: Cơ cấu lao động của ABBank 81
Bảng 29: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2024 đến hết Quý III/2026 85
Bảng 30: Vốn điều lệ 88
Bảng 31: Vốn kinh doanh 89

Bảng 32: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh..... 89
Bảng 33: Thời gian trích khấu hao tài sản cố định..... 90
Bảng 34: Mức thu nhập bình quân..... 91
Bảng 35: Tình hình công nợ..... 91
Bảng 36: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước..... 92
Bảng 37: Trích lập các quỹ..... 92
Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... 93
Bảng 39: Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ABBank..... 95
Bảng 40: Danh sách Cổ đông lớn tại ngày 30/9/2026..... 99

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Vũ Văn Tiền — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông: Lê Mạnh Hùng — Chức vụ: Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.

Ông: Bùi Quốc Việt — Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Nguyễn Quang Đạt — Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 0409/2026/IB/ABS-ABBANK ngày 04 tháng 9 năm 2026 (Hợp đồng tư vấn) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các chỉ số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam ghi nhận tín hiệu phục hồi và tăng trưởng tích cực kể từ năm 2024 tới nay nhưng cấu trúc tăng trưởng có rủi ro tiềm ẩn (phụ thuộc lớn vào xuất khẩu, tăng trưởng dựa nhiều vào đầu tư nước ngoài, tín dụng và đầu tư công, tập trung nhiều vào lĩnh vực bất động sản trong khi doanh nghiệp sản xuất nội địa còn yếu) làm tăng tính nhạy cảm của nền kinh tế với chu kỳ và bên ngoài. Việc tín dụng tăng nhanh hơn GDP có nguy cơ tạo ra sự bất cân đối, trong ngắn hạn mang tới lợi ích tăng trưởng nhưng trong trung dài hạn có thể làm gia tăng rủi ro chất lượng tài sản và nợ xấu của hệ thống ngân hàng trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế được dự báo là giảm tốc. Những yếu tố vĩ mô trên sẽ có tác động nhất định đến nền kinh tế Việt Nam, tạo ra nhiều thách thức cho ABBank trong việc kiểm soát chất lượng tín dụng, kiểm soát nợ xấu, bảo đảm các chỉ số an toàn...

Để ứng phó với rủi ro tăng trưởng kinh tế suy giảm, ABBank tiếp tục (i) đa dạng hóa danh mục tín dụng, ưu tiên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, (ii) tăng cường công tác thẩm định và giám sát sau cấp tín dụng, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, triển khai các công cụ cảnh báo sớm và (iii) đẩy mạnh phát triển dịch vụ phi tín dụng nhằm giảm phụ

thuộc vào tăng trưởng tín dụng. Các giải pháp này góp phần hỗ trợ ABBank duy trì hoạt động ổn định và an toàn trong bối cảnh kinh tế biến động.

1.2. Lạm phát

Lạm phát gia tăng gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của ngành ngân hàng nói chung và ABBank nói riêng, đặc biệt thông qua chính sách điều hành tiền tệ và biến động lãi suất. Khi áp lực lạm phát tăng cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thường phải điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, dẫn đến mặt bằng lãi suất tăng. Điều này làm chi phí vốn của các ngân hàng gia tăng, thu hẹp biên lãi ròng (NIM) và ảnh hưởng đến khả năng mở rộng tín dụng. Đồng thời, lạm phát làm suy giảm sức mua và thu nhập thực của người dân, khiến nhu cầu vay tiêu dùng và sử dụng dịch vụ tài chính suy yếu, trong khi rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tăng lên. Ngoài ra, lạm phát cao còn tạo áp lực lên tỷ giá và rủi ro thị trường, ảnh hưởng đến danh mục đầu tư và thanh khoản của ngân hàng. Do vậy, rủi ro lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động trực tiếp đến lợi nhuận, khả năng tăng trưởng tín dụng và mức độ ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng.

Để ứng phó với rủi ro lạm phát, ABBank thực hiện các biện pháp: (i) Điều hành lãi suất linh hoạt theo hướng chính sách tiền tệ, kiểm soát chi phí vốn và tăng cường quản trị thanh khoản nhằm đảm bảo an toàn hoạt động và biên lợi nhuận hợp lý; (ii) Thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro tín dụng như: điều chỉnh khẩu vị rủi ro theo lạm phát (hạn chế và kiểm soát chặt chẽ cấp tín dụng tín chấp, cấp tín dụng kinh doanh bất động sản), ứng dụng phương pháp định giá theo rủi ro (risk-based pricing); tăng cường giám sát sau cấp tín dụng, cảnh báo sớm và nhanh chóng thực hiện các giải pháp phù hợp; (iii) Theo dõi chặt chẽ diễn biến lạm phát, lãi suất và tỷ giá để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn thu ngoài lãi và phát triển dịch vụ ngân hàng số, qua đó giảm phụ thuộc vào tín dụng và duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh lạm phát biến động.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống pháp luật trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng đang được hoàn thiện theo hướng tiệm cận các chuẩn mực quốc tế và tăng cường yêu cầu về quản trị, minh bạch và an toàn hoạt động. Việc thay đổi nhanh của các quy định pháp luật có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, yêu cầu điều chỉnh mô hình kinh doanh và ảnh hưởng đến tốc độ triển khai sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.

Tác động của rủi ro pháp lý đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Sự bùng nổ của nền kinh tế số tạo ra thách thức lớn về quản trị dữ liệu trên môi trường số. Việc tuân thủ khắt khe các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và an toàn thông tin tài chính đặt ra áp lực vận hành rất lớn. Việc phân định quyền sở hữu, làm sạch dữ liệu và bảo mật thông tin khách hàng khi kết nối hệ sinh thái ngân hàng mở (Open Banking) là bài toán phức tạp, dễ phát sinh tranh chấp pháp lý nếu xảy ra sự cố rò rỉ dữ liệu hoặc gian lận công nghệ cao.

Bên cạnh đó, việc thắt chặt các giới hạn cấp tín dụng, kiểm soát sở hữu chéo và minh bạch hóa dòng vốn buộc các ngân hàng phải cấu trúc lại danh mục sản phẩm cốt lõi. Sự vận hành song hành giữa các quy định truyền thống và các mô hình thí điểm công nghệ mới (chưa có tiền lệ pháp lý rõ ràng) cũng làm tăng rủi ro tranh chấp quyền lợi với khách hàng,

trực tiếp ảnh hưởng đến quy mô và tốc độ tăng trưởng các mảng kinh doanh chiến lược của Ngân hàng.

Tác động đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Rủi ro pháp lý ảnh hưởng trực tiếp và cấu trúc lại các chỉ tiêu tài chính thông qua hai kênh chính: chi phí tuân thủ và nguồn thu Ngân hàng.

- **Về chi phí**: Ngân hàng phải phân bổ nguồn lực tài chính lớn để nâng cấp hệ thống công nghệ quản trị tuân thủ, bảo mật dữ liệu và đào tạo nhân sự. Đồng thời, những thay đổi trong quy định về xử lý nợ xấu và quyền thu giữ tài sản bảo đảm sẽ tác động trực tiếp đến tiến độ thu hồi nợ, làm biến động chi phí trích lập dự phòng rủi ro và ảnh hưởng tới tỷ lệ an toàn vốn (CAR). Bất kỳ hành vi chậm trễ hoặc vi phạm quy định mới nào cũng có thể dẫn đến các chế tài xử phạt hành chính, gây tổn hại trực tiếp đến lợi nhuận ròng.
- **Về doanh thu**: Các quy định siết chặt các tỷ lệ giới hạn cấp tín dụng, điều kiện giao dịch bất động sản và phát hành trái phiếu doanh nghiệp làm thu hẹp đáng kể dư địa tăng trưởng tín dụng và doanh thu từ các dịch vụ liên kết tài chính truyền thống, buộc Ngân hàng phải tìm kiếm các nguồn thu ngoài tín dụng mới.

Cơ chế chủ động kiểm soát rủi ro pháp lý của ABBank

Để giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực từ rủi ro pháp lý, ABBank luôn đặt tính tuân thủ làm trọng tâm trong mọi quyết định kinh doanh. Ngân hàng chủ động tham gia đóng góp ý kiến dự thảo văn bản pháp luật với cơ quan chủ trì soạn thảo ngay từ giai đoạn xây dựng dự thảo, đồng thời tiến hành đánh giá tác động toàn diện khi văn bản pháp luật được ban hành/trước khi chính thức có hiệu lực. Thực hiện phân tích các cơ hội – thách thức đối với hoạt động của ABBank từ sự thay đổi của pháp luật.

Hệ thống quy định nội bộ và Điều lệ ABBank liên tục được rà soát, điều chỉnh định kỳ để vừa đáp ứng tính tuân thủ nghiêm ngặt, vừa linh hoạt đón đầu các cơ hội kinh doanh do sự thay đổi của pháp luật mang lại. Bằng việc kết hợp giữa đội ngũ tư vấn pháp lý nội bộ giàu kinh nghiệm, ứng dụng giải pháp công nghệ hiện đại và chú trọng đào tạo đạo đức nghề nghiệp, ABBank cam kết tối ưu hóa năng lực quản trị rủi ro pháp lý, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông và duy trì sự phát triển bền vững cho Ngân hàng.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định như áp lực lạm phát, biến động lãi suất và tỷ giá, xu hướng suy giảm nhu cầu tiêu dùng tại một số ngành nghề, cùng với sự phục hồi chưa đồng đều giữa các lĩnh vực kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có thể chịu ảnh hưởng nhất định. Điều này làm gia tăng nguy cơ suy giảm dòng tiền, giảm khả năng trả nợ và phát sinh nghĩa vụ quá hạn đối với các khoản cấp tín dụng của Ngân hàng. Các tác động chính có thể phát sinh bao gồm:

- Gia tăng tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu và nợ tái cơ cấu, kéo theo chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Suy giảm chất lượng tài sản và các chỉ tiêu an toàn hoạt động, ảnh hưởng đến kết quả đánh giá, xếp hạng của cơ quan quản lý, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế

(Moody's, Fitch Ratings...) cũng như niềm tin của nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác trên thị trường.

- Làm tăng tài sản có rủi ro (Risk Weighted Assets - RWA), gây áp lực lên tỷ lệ an toàn vốn (CAR), từ đó ảnh hưởng đến năng lực mở rộng tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn của Ngân hàng.
- Tác động tiêu cực đến khả năng hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, kế hoạch tăng trưởng tín dụng và chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng.

Nhằm kiểm soát và hạn chế rủi ro phát sinh, ABBank luôn chú trọng thực hiện các giải pháp ứng phó:

- Tăng cường quản trị chất lượng tín dụng, ứng dụng hệ thống cảnh báo sớm, ứng dụng các thẻ điểm trong lựa chọn, đánh giá khách hàng, kiểm soát chặt chẽ điều kiện cấp tín dụng, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác xử lý và thu hồi nợ.
- Thực hiện rà soát liên tục chính sách, sản phẩm, giải pháp ứng phó với biến động thị trường, đảm bảo định hướng kinh doanh lựa chọn chân dung khách hàng mục tiêu, kiểm soát rủi ro trong khẩu vị ngân hàng và cân đối với hiệu quả tài chính.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường của ABBank chủ yếu phát sinh từ biến động lãi suất và tỷ giá. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định như căng thẳng địa chính trị, sự thay đổi trong chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn và biến động trên thị trường tài chính quốc tế, các yếu tố rủi ro thị trường có thể ảnh hưởng đến thu nhập, giá trị danh mục kinh doanh và giá trị kinh tế vốn của Ngân hàng.

ABBank thực hiện quản lý rủi ro thị trường theo khẩu vị rủi ro được phê duyệt, thông qua hệ thống hạn mức, ngưỡng cảnh báo và các công cụ đo lường, giám sát phù hợp. Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro thị trường theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thông lệ quốc tế; đồng thời tăng cường ứng dụng các công cụ định lượng, phát triển và hoàn thiện các công cụ đo lường, giám sát rủi ro nhằm nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro thị trường.

Bên cạnh đó, ABBank thường xuyên thực hiện kiểm tra sức chịu đựng (Stress Testing) theo các kịch bản bất lợi về lãi suất, tỷ giá và điều kiện kinh tế vĩ mô nhằm đánh giá tác động của các biến động thị trường đến hoạt động kinh doanh và khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng.

ABBank duy trì mức độ rủi ro thị trường trong giới hạn được phê duyệt và tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, giám sát nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất tác động tới trạng thái sổ ngân hàng, làm ảnh hưởng tới vốn và thu nhập của ABBank, phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ việc thực hiện quyền chọn tự động hoặc quyền lựa chọn hành vi gắn với tài sản và nợ phải trả (bao gồm cả

khoản mục ngoại bảng) trên sổ ngân hàng làm thay đổi giá trị và thời điểm phát sinh dòng tiền.

Bản chất của rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng xuất phát từ sự không phù hợp về kỳ hạn giữa tài sản nhạy cảm với lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm với lãi suất. Khi lãi suất biến động theo chiều hướng bất lợi, rủi ro này có thể làm giảm thu nhập, suy giảm giá trị tài sản, gia tăng giá trị nợ phải trả và làm tăng nghĩa vụ từ các cam kết ngoại bảng của Ngân hàng.

Để quản lý hiệu quả rủi ro này, ABBank đã ban hành các chính sách và quy định liên quan nhằm thiết lập một khuôn khổ quản trị tổng thể, đảm bảo rủi ro lãi suất được nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát một cách thường xuyên và hiệu quả. Công tác quản lý được thực hiện dựa trên hệ thống hạn mức và ngưỡng cảnh báo được thiết lập chặt chẽ.

ABBank thường xuyên theo dõi/giám sát trạng thái rủi ro, thực hiện các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro cần thiết, bao gồm: Duy trì sự cân đối hợp lý giữa tài sản nhạy cảm với lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm với lãi suất; Áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt, bao gồm việc sử dụng lãi suất thả nổi phù hợp đối với cả tài sản và nợ phải trả, tuân thủ quy định hiện hành.

Mức độ rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được phân tích, báo cáo cho Ban lãnh đạo Ngân hàng định kỳ hàng tháng và được xem xét tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ định giá lại, mức độ tác động đến thu nhập/vốn chủ sở hữu và có các điều chỉnh kịp thời để đảm bảo thực hiện được mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ABBank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm:

- Rủi ro danh tiếng là rủi ro do khách hàng, đối tác, Cổ đông, nhà đầu tư hoặc công chúng có phản ứng tiêu cực về uy tín của ABBank;
- Rủi ro chiến lược là rủi ro do Ngân hàng có hoặc không có chiến lược kinh doanh, chính sách ứng phó kịp thời trước các thay đổi môi trường kinh doanh làm giảm khả năng đạt được chiến lược kinh doanh, mục tiêu lợi nhuận của ABBank.

Một số nhân tố rủi ro hoạt động có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng:

Rủi ro tuân thủ và pháp lý

ABBank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng với yêu cầu tuân thủ pháp lý cao và chịu sự giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cơ quan quản lý. Việc không tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về phòng chống rửa tiền, bảo vệ dữ liệu khách hàng, an toàn thông tin hoặc các nghĩa vụ công bố thông tin có thể dẫn đến xử phạt hành chính, hạn chế hoạt động kinh doanh, phát sinh tranh chấp pháp lý và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh cũng như hình ảnh của Ngân hàng trên thị trường.

Rủi ro hoạt động từ con người

Sai sót nghiệp vụ, gian lận nội bộ, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, thiếu năng lực chuyên môn hoặc việc không tuân thủ quy trình nội bộ của cán bộ nhân viên có thể gây tổn thất tài chính, khiếu kiện của khách hàng, xử phạt từ cơ quan quản lý và ảnh hưởng đến chất

lượng dịch vụ. Các vụ việc nghiêm trọng có thể làm suy giảm uy tín thương hiệu và niềm tin của Cổ đông.

Rủi ro từ bên thứ ba và hoạt động thuê ngoài

ABBank sử dụng dịch vụ từ các nhà cung cấp dịch vụ, đối tác công nghệ, đơn vị hỗ trợ vận hành, trung tâm dữ liệu và các bên thứ ba khác, việc các đối tác không đáp ứng cam kết dịch vụ, phát sinh sự cố vận hành, mất an toàn thông tin, hoặc gián đoạn cung cấp dịch vụ có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động liên tục của Ngân hàng, ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng và phát sinh tổn thất tài chính.

Rủi ro gián đoạn hoạt động kinh doanh

Các sự kiện như thiên tai, dịch bệnh, mất điện diện rộng, hỏa hoạn, khủng bố, bất ổn xã hội hoặc các tình huống khẩn cấp khác có thể ảnh hưởng đến khả năng duy trì hoạt động liên tục của Ngân hàng. Nếu không có kế hoạch ứng phó và khôi phục phù hợp, các sự kiện này có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh, giảm doanh thu và làm tăng chi phí vận hành.

Rủi ro quy trình nghiệp vụ

Các quy trình nội bộ chưa đầy đủ, chưa phù hợp hoặc thiếu hiệu quả có thể dẫn đến sai sót giao dịch, chậm xử lý công việc, thất thoát tài sản hoặc không phát hiện kịp thời các hành vi gian lận. Rủi ro này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động, làm gia tăng chi phí vận hành và ảnh hưởng đến khả năng đạt được các mục tiêu kinh doanh.

Rủi ro từ thay đổi môi trường kinh doanh và yêu cầu quản lý

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nguy cơ gian lận công nghệ, tấn công mạng và gián đoạn dịch vụ ngày càng gia tăng, có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tài chính và uy tín của Ngân hàng. Sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, xu hướng tiêu dùng, mức độ cạnh tranh trong ngành ngân hàng và các yêu cầu mới từ cơ quan quản lý có thể yêu cầu ABBank điều chỉnh mô hình hoạt động, quy trình và hệ thống. Việc không thích ứng kịp thời có thể ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

Để quản trị rủi ro hoạt động hiệu quả, ABBank duy trì việc tuân thủ các quy định pháp luật, chỉ đạo hướng dẫn từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan quản lý hữu quan, triển khai mô hình ba tuyến bảo vệ và tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ.

Trong đó:

- Tuyến bảo vệ thứ nhất bao gồm các đơn vị kinh doanh, đơn vị vận hành trực tiếp phát sinh rủi ro và chịu trách nhiệm quản lý rủi ro trong hoạt động hằng ngày.
- Tuyến bảo vệ thứ hai bao gồm các chức năng quản trị rủi ro và tuân thủ, thực hiện xây dựng chính sách, hướng dẫn, giám sát và đánh giá độc lập việc quản lý rủi ro.
- Tuyến bảo vệ thứ ba là Kiểm toán nội bộ, thực hiện đánh giá độc lập về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các biện pháp kiểm soát được thiết kế phù hợp với mức độ trọng yếu của từng hoạt động, tích hợp vào quy trình nghiệp vụ, được theo dõi, đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo rủi ro hoạt động được quản lý trong phạm vi khẩu vị rủi ro đã được ABBank phê duyệt.

3.5. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ABBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn, hoặc vẫn có khả năng thực hiện nhưng phải chịu chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường. Rủi ro thanh khoản phát sinh do chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn hoặc biến động bất thường của dòng tiền.

Nhận thức được các rủi ro trên, ABBank đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm cải thiện cơ cấu nguồn vốn, trong đó chú trọng phát triển ngân hàng số, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thanh toán, gia tăng tiện ích đối với tài khoản thanh toán và đẩy mạnh thu hút khách hàng cá nhân cũng như doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thanh toán thường xuyên. Các giải pháp này, trong trung và dài hạn, được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng, cải thiện hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh, đồng thời từng bước gia tăng tỷ lệ CASA và giảm chi phí vốn.

Bên cạnh đó, ABBank cũng đã hoàn thiện các chính sách, quy định, quy trình, và các hệ thống hạn mức để quản lý rủi ro thanh khoản theo yêu cầu tuân thủ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và nội bộ Ngân hàng. Công tác đo lường/theo dõi/kiểm soát/báo cáo rủi ro thanh khoản được thực hiện định kỳ trên cơ sở số liệu hệ thống từng thời điểm, có phân tích và dự báo nguồn huy động và cấp tín dụng trong kỳ tiếp theo để cảnh báo sớm các nguy cơ.

Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản được phối hợp chặt chẽ giữa các Hội đồng/Khối/Ban/Chức năng và các đơn vị liên quan trên toàn hệ thống, đảm bảo việc theo dõi sát sao diễn biến thanh khoản và kịp thời đưa ra các định hướng, giải pháp phù hợp nhằm duy trì khả năng chi trả an toàn của Ngân hàng.

3.6. *Rủi ro tập trung*

Rủi ro tập trung là do ABBank có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan, đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng do có thể khiến tổn thất xảy ra đồng loạt, khó kiểm soát.

ABBank xây dựng và ban hành Chiến lược quản lý rủi ro tập trung đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nguyên tắc xây dựng, các yêu cầu và nội dung cần có, cụ thể:

- Đối với hoạt động cấp tín dụng: (i) Danh mục tín dụng phải được phân bổ hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực, khu vực địa lý và nhóm khách hàng khác nhau; Không tập trung tỷ trọng tín dụng quá mức vào một ngành hoặc khách hàng có rủi ro cao; Việc đa dạng hóa cần đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu sinh lời và mức độ chấp nhận rủi ro của tổ chức; (ii) Các tiêu chí xác định người có liên quan của khách hàng; quản lý giới hạn cấp tín dụng cho khách hàng, khách hàng và người có liên quan của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật; (iii) Mức độ đa dạng được xác định dựa trên mối tương quan giữa các nhóm ngành, sản phẩm và khách hàng; Ưu tiên mở rộng tín dụng ở các ngành có tương quan rủi ro thấp hoặc ngược chiều với các ngành hiện hữu.
- Đối với hoạt động giao dịch tự doanh: Xây dựng hạn mức tập trung giao dịch tự doanh theo đối tác giao dịch, sản phẩm giao dịch trên cơ sở tỷ trọng số dư của đối tác giao dịch, sản phẩm giao dịch so với tổng số dư giao dịch tự doanh; Tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh/sản phẩm để áp dụng hạn mức tập trung giao dịch tự doanh

theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ đảm bảo mức độ đa dạng theo chiến lược kinh doanh/môi trường kinh doanh trong từng thời kỳ.

ABBank thực hiện quản lý rủi ro tập trung theo các giới hạn được phê duyệt đối với một khách hàng, nhóm khách hàng liên quan, ngành nghề, khu vực địa lý và sản phẩm nhằm bảo đảm mức độ đa dạng hóa danh mục và hạn chế tổn thất tập trung. ABBank thực hiện theo dõi và kiểm soát các giới hạn rủi ro tập trung hàng ngày, tháng, quý, năm đảm bảo các giới hạn cần tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, pháp luật luôn nằm trong ngưỡng quy định, không vượt giới hạn. Mọi phát sinh vượt giới hạn (nếu có) đều được cảnh báo trực tiếp tới các đơn vị liên quan và yêu cầu thực các biện pháp ngay lập tức đưa về giới hạn cho phép.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, ABBank thực hiện các giao dịch và cam kết ngoại bảng theo quy định của pháp luật và thông lệ hoạt động ngân hàng, bao gồm các giao dịch ngoại hối kỳ hạn và các công cụ phái sinh khác, các cam kết cấp tín dụng, bảo lãnh, thư tín dụng (L/C) và các nghĩa vụ tài chính khác. Mặc dù các giao dịch và cam kết này chưa được ghi nhận là tài sản hoặc nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm phát sinh, chúng vẫn tiềm ẩn các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động và tình hình tài chính của ABBank.

Đối với các giao dịch ngoại hối kỳ hạn và các công cụ phái sinh, rủi ro có thể phát sinh từ những biến động bất lợi của tỷ giá, lãi suất và thị trường tài chính, làm ảnh hưởng đến giá trị các giao dịch đã được xác lập hoặc làm gia tăng nghĩa vụ thanh toán của các bên tham gia giao dịch. Trong trường hợp biến động thị trường diễn ra theo chiều hướng bất lợi hoặc đối tác không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, ABBank có thể phát sinh tổn thất tài chính hoặc các khoản phải thu có mức độ rủi ro cao hơn dự kiến.

Đối với các cam kết cấp tín dụng, rủi ro phát sinh từ việc ABBank có nghĩa vụ cung cấp nguồn vốn theo các cam kết đã ký kết khi khách hàng đáp ứng các điều kiện giải ngân theo thỏa thuận. Trong trường hợp tình hình tài chính, năng lực trả nợ hoặc điều kiện kinh doanh của khách hàng suy giảm trong thời gian từ khi cam kết được cấp đến khi thực hiện giải ngân, ABBank có thể đối mặt với nguy cơ gia tăng rủi ro tín dụng và chất lượng tài sản của khoản cấp tín dụng thấp hơn so với thời điểm phê duyệt ban đầu.

Đối với các khoản bảo lãnh và thư tín dụng (L/C), rủi ro có thể phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ đối với bên thụ hưởng theo các cam kết đã ký kết. Khi đó, ABBank có thể phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn theo cam kết bảo lãnh hoặc thư tín dụng đã phát hành. Trong trường hợp khách hàng gặp khó khăn về tài chính hoặc mất khả năng thanh toán, ABBank có thể gặp rủi ro trong việc thu hồi các khoản đã thanh toán thay, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, chi phí dự phòng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Trong trường hợp các nghĩa vụ ngoại bảng chuyển thành nghĩa vụ tài chính thực tế, ABBank có thể phát sinh các khoản phải thu hoặc các khoản cấp tín dụng ngoài dự kiến, làm gia tăng tài sản có rủi ro, ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng đáp ứng các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

ABBank thực hiện nhận diện, theo dõi và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ngoại bảng theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định nội bộ có liên quan.

3.8. Rủi ro về cơ cấu thu nhập

Rủi ro về cơ cấu thu nhập là rủi ro phát sinh khi thu nhập của ngân hàng phụ thuộc đáng kể vào một hoặc một số nguồn thu, sản phẩm, hoạt động kinh doanh nhất định, khiến kết quả hoạt động kinh doanh có thể chịu ảnh hưởng đáng kể khi các nguồn thu này suy giảm hoặc không được duy trì trong các kỳ tiếp theo. Tính bền vững của thu nhập phản ánh khả năng duy trì và tạo ra thu nhập ổn định trong dài hạn từ các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Đối với ngân hàng thương mại, cơ cấu thu nhập tập trung vào các khoản thu có tính chất không thường xuyên hoặc phụ thuộc vào điều kiện thị trường, khả năng xử lý và thu hồi các khoản nợ có thể làm gia tăng biến động kết quả kinh doanh giữa các kỳ, giảm khả năng dự báo lợi nhuận và ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu tài chính trong tương lai. Trường hợp thu nhập từ các nguồn này suy giảm mà không được bù đắp kịp thời bởi thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của ngân hàng có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

Trong năm 2025, thu nhập từ hoạt động thu hồi nợ và các khoản thu khác chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng thu nhập của ABBank. Cơ cấu thu nhập này phản ánh kết quả triển khai các giải pháp xử lý, thu hồi và khai thác các khoản nợ theo kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, góp phần tích cực vào việc cải thiện kết quả hoạt động trong kỳ.

Tuy nhiên, thu nhập từ hoạt động thu hồi nợ phụ thuộc đáng kể vào tiến độ xử lý nợ, khả năng thu hồi thực tế, điều kiện thị trường và các yếu tố khách quan khác. Đây là các nguồn thu có tính chất không thường xuyên và mức độ ổn định thấp hơn so với các nguồn thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh cốt lõi. Do đó, quy mô đóng góp của các nguồn thu này trong các kỳ tiếp theo có thể biến động và không duy trì ở mức tương đương năm 2025.

Nhận diện đặc điểm nêu trên, để hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn thu không phải hoạt động cốt lõi, ABBank tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm gia tăng tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động kinh doanh cốt lõi và nguồn thu mang tính thường xuyên. Cụ thể, Ngân hàng tập trung mở rộng quy mô tín dụng gắn với kiểm soát chất lượng tài sản, phát triển thu nhập từ dịch vụ ngân hàng, thanh toán, ngân hàng số và các sản phẩm tài chính dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp; đồng thời đẩy mạnh khai thác hệ sinh thái khách hàng nhằm gia tăng doanh thu phí và nâng cao giá trị vòng đời khách hàng. Bên cạnh đó, ABBank tăng cường công tác quản trị cơ cấu nguồn thu thông qua việc theo dõi các chỉ tiêu tập trung thu nhập, đánh giá mức độ đóng góp của từng nguồn thu vào kết quả kinh doanh và xây dựng kế hoạch tài chính theo hướng cân bằng hơn giữa thu nhập lãi, thu nhập phí và các nguồn thu khác. Các giải pháp này nhằm từng bước nâng cao chất lượng và tính bền vững của lợi nhuận, góp phần vào nâng cao hiệu quả tài chính của Ngân hàng.

3.9. Rủi ro về trích lập dự phòng

Tại ngày 31/12/2025, Tổng dư nợ cơ cấu của ABBank theo Thông tư số 53/2024/TT-NHNN ngày 04/12/2024 (Thông tư 53) là 81.855 triệu đồng (chỉ chiếm 0,07% cơ cấu danh mục tín dụng). Số tiền còn phải trích để trích lập đủ 100% theo Thông tư 53 là 2.785 triệu đồng.

Tại 30/6/2026, Tổng dư nợ cơ cấu theo Thông tư 53 đã giảm chỉ còn 15.851 triệu đồng (chỉ chiếm 0,01% cơ cấu danh mục tín dụng), ABBank đã hoàn thành trích lập 100% theo quy định là 1.019 triệu đồng.

Với Quy mô dư nợ cơ cấu chỉ chiếm 0,01% cơ cấu danh mục tín dụng và ABBank đã hoàn thành trích lập 100% theo quy định, nên rủi ro về trích lập dự phòng tại ABBank không tiềm ẩn rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

3.10. Rủi ro đặc thù khác

Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và vận hành của Ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác như: ABBank sử dụng hệ thống, phần mềm, hạ tầng và dịch vụ công nghệ thông tin do bên thứ ba cung cấp (outsourcing), từ việc người dùng nội bộ không tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình vận hành, quản trị, quy tắc kiểm soát, an toàn bảo mật, an ninh thông tin hay rủi ro từ thiên tai, hỏa hoạn và các cuộc tấn công mạng. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ và triển khai các công nghệ đổi mới cũng có thể làm phát sinh các rủi ro liên quan đến tích hợp hệ thống, an toàn bảo mật thông tin và tuân thủ các quy định pháp lý.

Để đảm bảo tăng trưởng số nhanh nhưng an toàn, ABBank đã tập trung đầu tư vào các hệ thống công nghệ nền tảng và bảo mật thông tin, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn phục vụ mục tiêu chuyển đổi số như:

- Triển khai các dự án nâng cấp hạ tầng nền tảng và hệ thống lõi: Core Banking lên R24, hệ thống ERP, chữ ký số, HRM, APM, nền tảng AI, điện toán đám mây (Cloud) cùng các ứng dụng hỗ trợ vận hành và con người. Các dự án này giúp ABBank nâng cao khả năng làm chủ công nghệ, giữ hệ thống hoạt động nhanh hơn và an toàn hơn, cũng như hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động số hóa của Ngân hàng.
- Công tác an ninh thông tin được tăng cường toàn diện từ công nghệ, quy trình đến nhận thức người dùng góp phần nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện sớm và ứng phó với các cuộc tấn công mạng, đồng thời kiểm soát hiệu quả nguy cơ rò rỉ, thất thoát dữ liệu qua các kênh công nghệ.
- Hoạt động vận hành công nghệ tiếp tục được tối ưu hóa, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tiết giảm chi phí và cải thiện năng suất vận hành. Mức độ ổn định của các hệ thống được cải thiện tốt hơn rõ rệt so với các năm trước, trong đó các hệ thống phục vụ trực tiếp khách hàng và tại quầy đạt mức sẵn sàng 99,975%.
- ABBank đạt được nhiều chứng chỉ bảo mật và an toàn thông tin quốc tế như: Chứng chỉ ISO 27001:2022 về An toàn thông tin; Chứng chỉ PCI DSS: Tiêu chuẩn Bảo mật Dữ liệu Thẻ thanh toán quốc tế; cũng như đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tuân thủ theo quy định mới của Ngân hàng Nhà nước, tích hợp lớp bảo vệ Bshield, đồng thời hoàn thành kết nối trực tiếp với Trung tâm Nghiên cứu - Ứng dụng dữ liệu dân cư và Căn cước công dân (RAR), góp phần nâng cao trải nghiệm và đảm bảo an toàn cho khách hàng trên nền tảng số.

Rủi ro của ngành ngân hàng

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển tất yếu ngành ngân hàng. Đi đôi với sự phát triển là những thách thức và áp lực cạnh tranh khốc liệt. Ngành ngân hàng nói chung và ABBank nói riêng đối mặt với những áp lực về lạm phát, tỷ giá và chu kỳ kinh tế, chính sách tiền tệ bắt đầu thắt chặt. Sau giai đoạn tăng trưởng mạnh năm 2025 thì bước sang năm 2026 tăng trưởng tín dụng ngành ngân hàng có dấu hiệu giảm xuống và rủi ro tín dụng bắt đầu tăng nhẹ. Nợ nhóm hai và nợ xấu có xu hướng tăng dẫn tới tăng chi phí dự phòng, ăn mòn lợi nhuận và gây áp lực lên vốn. Lãi suất huy động tăng dẫn tới chi phí vốn tăng, NIM giảm.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của ngành ngân hàng là sự cạnh tranh khốc liệt, toàn diện giữa các ngân hàng thương mại về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các ưu đãi nhằm thu hút khách hàng mới và chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch… Sự cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành ngân hàng, cùng với xu hướng số hóa và sự tham gia của các công ty công nghệ tài chính (Fintech), có thể gây áp lực lên tăng trưởng, biên lợi nhuận và khả năng duy trì thị phần của Ngân hàng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của việc chào bán cổ phiếu

Đợt chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu của ABBank được thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán có những biến động nhất định. Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, hoặc nhu cầu/khả năng thực hiện quyền mua của Nhà đầu tư thấp hơn dự kiến cùng với việc đợt chào bán không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, ABBank không huy động được số vốn đúng như dự kiến từ đó có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng vốn từ đợt chào bán. Để giảm thiểu rủi ro này, Đại hội đồng Cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chủ động thực hiện phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không được Cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về chào bán và phân phối cổ phiếu.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của ABBank là để nâng cao năng lực tài chính và bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng của ABBank. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán có thể chịu ảnh hưởng bởi những biến động của tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, môi trường kinh doanh hoặc các yếu tố khách quan khác ngoài khả năng kiểm soát của ABBank. Do đó, hiệu quả vốn trong thực tế có thể khác so với kế hoạch dự kiến, từ đó có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả sinh lời của ABBank. Vì vậy, Nhà đầu tư cần cân nhắc và đánh giá kỹ lưỡng rủi ro này trước khi quyết định đầu tư.

4.3. Rủi ro liên quan đến giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật

Việc phân bổ quyền mua tại Đợt chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu được thực hiện theo một tỷ lệ quy định tại Phương án tăng mức vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ ABBank thông qua tại Nghị quyết ngày 21/8/2026, do đó nếu tất cả Cổ đông được hưởng quyền mua đều thực hiện quyền mua theo đúng tỷ lệ được phân phối thì tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan sẽ không thay đổi. Điều đó có nghĩa, ABBank sẽ đảm bảo tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần của Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, việc vượt trần sở hữu có thể sẽ xuất hiện: (i) Khi Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan nhận chuyển nhượng quyền mua của Cổ đông khác; (ii) Khi phân phối số cổ phiếu lẻ hoặc cổ phiếu chưa phân phối hết (Phân phối lại) cho Cổ đông khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Cổ đông đó, Cổ đông đó và người có liên quan vượt giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật; (iii) Khi Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan thực hiện quyền mua theo đúng số lượng được phân bổ, nhưng tổng số lượng cổ phiếu phát hành thực tế của Đợt chào bán thấp hơn so với số dự kiến do các Cổ đông khác không thực hiện quyền mua. Nhằm giảm thiểu các rủi ro đó, HĐQT ABBank đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-HĐQT.26 ngày 21/9/2026 về phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở

hữu nước ngoài và đảm bảo tuân thủ giới hạn sở hữu trong chào bán, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của ABBank, trong đó có các biện pháp:

- Tuân thủ theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền trong đợt chào bán theo đúng Phương án tăng mức vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua (biện pháp này được bảo đảm do danh sách phân bổ quyền được VSDC thực hiện)
- Thực hiện công bố/thông báo chi tiết tới các Cổ đông, nhà đầu tư về các yêu cầu tuân thủ tỷ lệ, giới hạn sở hữu theo quy định của pháp luật để Cổ đông, nhà đầu tư biết thông tin và chủ động tuân thủ.
- Kiểm soát việc nhận chuyển nhượng quyền mua của Cổ đông, nhà đầu tư và việc phân phối số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết (nếu có), cổ phiếu hình thành từ phần lẻ quyền mua để bảo đảm không dẫn tới việc vi phạm giới hạn sở hữu theo quy định của Luật Các TCTD. ABBank phối hợp với VSDC để theo dõi cập nhật và kiểm soát. Đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền mua của Cổ đông chưa lưu ký, ABBank kiểm tra giới hạn tỷ lệ sở hữu trước khi xác nhận.

Khi tổng hợp kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu, nếu có trường hợp Cổ đông, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phiếu dẫn đến vượt mức giới hạn sở hữu, ABBank sẽ áp dụng nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự nộp tiền mua đối với quyền mua nhận chuyển nhượng cho đến khi tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài, mức giới hạn sở hữu cổ phần của Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan đạt mức tối đa – Theo đó, ABBank sẽ thực hiện hoàn trả lại tiền đặt mua cổ phiếu cho Cổ đông, nhà đầu tư đối với phần vượt tỷ lệ, giới hạn sở hữu trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của ABBank.

Đối với Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan thực hiện quyền mua theo đúng số lượng được phân bổ nhưng tỷ lệ sở hữu cổ phần vẫn bị vượt giới hạn theo quy định của pháp luật (do các Cổ đông khác không thực hiện quyền mua) thì các trường hợp này tiếp tục được duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định tại Điều 63 Luật Các TCTD.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi Ngân hàng chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến trên thị trường của Ngân hàng cũng tăng lên tương ứng.

Tổng số cổ phiếu đã phát hành theo số liệu tại ngày 30/9/2026 là: 1.606.783.948 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 30/9/2026: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu lưu hành tại ngày 30/9/2026: 1.606.783.948 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán: 803.391.974 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 2.602.989.995 cổ phiếu (bao gồm cả số lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến thực hiện cùng đợt chào bán thêm cho Cổ đông hiện hữu)

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến cổ phiếu của ABBank bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau:

5.1. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)

EPS có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn

hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà Ngân hàng huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phần ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, EPS sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận. Khi đó thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn nên thu nhập trên mỗi cổ phiếu có thể sẽ giảm.

$$EPS_{pha\ loãng} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

$EPS_{pha\ loãng}$: Thu nhập trên mỗi cổ phiếu pha loãng sau đợt phát hành thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq}: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau phát hành)

EPS có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

5.2. *Rủi ro pha loãng giá thị trường*

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của Cổ đông hiện hữu, giá tham chiếu của cổ phiếu ABBank sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (R_{cb} \times P_{cb})}{1 + R_{csh} + R_{cb}}$$

Trong đó:

P_{tc}: Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền;

P_{t-1}: Giá cổ phiếu phiên liền trước phiên giao dịch không hưởng quyền;

P_{cb}: Giá chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu;

R_{cb}: Tỷ lệ chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu;

R_{csh}: Tỷ lệ phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ví dụ: Các giả định như sau:

Giá đóng cửa của cổ phiếu ABB tại ngày giao dịch không hưởng quyền là 17.000 đồng/cổ phiếu. Giá chào bán thêm cho Cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến thực hiện với cùng ngày chốt danh sách Cổ đông thực hiện quyền là 12%; tỷ lệ chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu là 50%. Vậy giá cổ phiếu được pha loãng như sau:

$$P_{tc} = \frac{17.000 + (0,5 \times 10.000)}{1 + 0,12 + 0,5} = 13.580 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

Như vậy, giá cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi pha loãng được làm tròn là: 13.500 đồng/cổ phiếu.

5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà Cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra và mức độ rủi ro cũng phụ thuộc vào tình hình thị trường cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tuy nhiên, những rủi ro này cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu Ngân hàng, vì vậy Nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về các vấn đề nêu trên.

5.4. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV) như sau:

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Ngân hàng sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

6. Rủi ro quản trị công ty

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát Ngân hàng trong các mối quan hệ giữa Ban Điều hành và các Cổ đông của ABBank với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của Tổ Chức Đăng Ký Chào Bán. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của Tổ Chức Đăng Ký Chào Bán phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với Tổ Chức Đăng Ký Chào Bán. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Chào Bán.

Hiện tại, ABBank vẫn duy trì hài hòa trong hoạt động quản trị công ty, thực hiện các cơ chế quản trị và kiểm soát nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các xung đột lợi ích phát sinh, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông và các bên liên quan.

ABBank cam kết và thực hành quản trị công ty tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. ABBank đã nghiên cứu để áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong nước và quốc tế như Bộ nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam 2026 dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam (Vietnam Corporate Governance Code 2026 for public companies in Vietnam).

ABBank tuân thủ quy định về quản trị, kiểm soát và điều hành theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp; Thông tư 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 và các văn bản khác có liên quan của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel 2.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh v.v. đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ABBank. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, ABBank cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại cho ABBank và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Khái niệm

– Bản cáo bạch	:	Bản cáo bạch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định về đầu tư chứng khoán.
– Tổ chức phát hành	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
– Tổ chức Kiểm toán	:	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
– Tổ Chức Tư Vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình.
– Điều lệ	:	Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
– Vốn điều lệ	:	Tổng số vốn do tất cả các Cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
– Cổ phần	:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
– Cổ phiếu	:	Là loại chứng khoán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử do Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần.

2. Từ viết tắt

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có ý nghĩa như sau:

– Ngân hàng/ABBank	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
– TMCP	:	Thương mại cổ phần
– CP	:	Cổ phần
– VĐL	:	Vốn điều lệ
– ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng Cổ đông
– TGĐ	:	Tổng Giám đốc
– BKS	:	Ban Kiểm soát
– HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
– CBNV	:	Cán bộ nhân viên

– CCCD	:	Căn cước công dân
– Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư	:	Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và Dữ liệu Quốc gia về dân cư
– Cục CS QLHC về TTXH	:	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
– ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
– ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
– BCTC	:	Báo cáo tài chính
– Thuế GTGT/VAT	:	Thuế giá trị gia tăng
– Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
– TSCĐ	:	Tài sản cố định
– VND	:	Việt Nam đồng
– TTCK	:	Thị trường chứng khoán
– NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
– UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
– SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
– VSDC	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (tiền thân là Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam – VSD)
– TP.	:	Thành phố
– T.	:	Tỉnh
– TCKT	:	Tài chính Kế toán
– KHCN	:	Khách hàng cá nhân
– SME	:	Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
– NHBB	:	Ngân hàng bán buôn
– CASA	:	Tiền gửi không kỳ hạn
– CAR	:	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
– LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
– LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
– NIM	:	Biên lợi nhuận ròng
– TTS	:	Tổng tài sản
– DPRR	:	Dự phòng rủi ro

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

– Tên đầy đủ:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH
– Tên Tiếng Anh:	AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
– Tên viết tắt:	ABBank
– Địa chỉ Trụ sở chính:	Tầng 1, 2, 3 Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
– Điện thoại:	(84-24) 3761 2888
– Fax:	(84-24) 3519 0416
– Website:	www.abbank.vn
– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1993, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 28 tháng 06 năm 2023. (Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 – ngày Luật Các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành – theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 của Luật này, Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, các thông tin cập nhật liên quan đến nội dung đăng ký doanh nghiệp sau thời điểm này được nêu tại mục Giấy phép thành lập và hoạt động bên dưới.
– Giấy phép thành lập và hoạt động:	Giấy phép thành lập công ty số 535/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 5 năm 1993. Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 04 năm 1993, được cấp đổi theo Giấy phép số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 (được cập nhật, sửa đổi nội dung địa chỉ trụ sở chính theo Quyết định số 1901/QĐ-QLGS5 ngày 06 tháng 8 năm 2025; được NHNN cập nhật về thông tin người đại diện theo pháp luật ngày 24 tháng 02 năm 2026; sửa đổi nội dung tên viết tắt theo Quyết định số 38/QĐ-QLGS5 ngày 09 tháng 6 năm 2026; cập nhật bổ sung nội dung hoạt động theo Quyết định số 1466/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2021, Quyết định số 42/QĐ-QLGS5 ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định số 64/QĐ-QLGS5 ngày 29 tháng 6 năm 2026 của NHNN; và cập nhật sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ theo quyết định số 1728/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 7 năm 2026).

- Vốn điều lệ hiện tại: 16.067.839.480.000 đồng (Bằng chữ: *Mười sáu nghìn không trăm sáu mươi bảy tỷ tám trăm ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).
- Vốn điều lệ thực góp hiện tại: 16.067.839.480.000 đồng (Bằng chữ: *Mười sáu nghìn không trăm sáu mươi bảy tỷ tám trăm ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).
- Logo: ABBank
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh Hùng
  Chức danh: Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: ABBank được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của NHNN, gồm các hoạt động sau đây:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác
2	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước
3	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ
5	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại NHNN; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ

10	Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật Chứng Khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN
13	Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN
16	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt đông ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn NHNN
17	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định
18	Lưu ký chứng khoán
19	Ví điện tử
20	Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ
21	Mua nợ
22	Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN
23	Giao đại lý thanh toán theo quy định của NHNN
24	Dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
25	Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế: a) Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT). b) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa. c) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức quốc tế thẻ JCB.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

2.1. Quá trình hình thành phát triển

- **Ngày 15 tháng 04 năm 1993**, ABBank được NHNN cấp Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0031/NH-GP.
- **Ngày 13 tháng 05 năm 1993,** ABBank được thành lập dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần theo Giấy phép thành lập công ty số 535/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp (với tên gọi ban đầu là Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình), mức vốn điều lệ là 1 tỷ đồng;
- **Năm 2004**: Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình được nâng cấp thành ngân hàng quy mô đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP An Bình như hiện nay, đồng thời vốn điều lệ tăng lên mức 70,04 tỷ đồng;

- **Năm 2005**: Đánh dấu sự gia nhập của Cổ đông chiến lược trong nước là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (nay là "Tập đoàn Geleximco – Công ty CP") trở thành Cổ đông lớn của ABBank, theo đó, vốn điều lệ của ABBank đạt 165 tỷ đồng;
- **Ngày 04 tháng 10 năm 2007:** ABBank hoàn tất đăng ký và chính thức trở thành Công ty đại chúng theo Văn bản số 758/UBCK-QLPH của UBCKNN;
- **Năm 2008**: Ngân hàng Malayan Banking Berhad ("Maybank") trở thành Cổ đông chiến lược nước ngoài của ABBank với tỷ lệ sở hữu cổ phần 15%, vốn điều lệ đạt 2.705 tỷ đồng;
- **Năm 2009**: Maybank nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ABBank từ 15% lên 20%;
- **Năm 2010**: ABBank phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá 600 tỷ đồng cho Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") và Maybank;
- **Năm 2013**: IFC chính thức trở thành Cổ đông lớn, sở hữu 10% vốn điều lệ của ABBank. Maybank duy trì tỷ lệ sở hữu 20%, tiếp tục giữ vai trò Cổ đông chiến lược của ABBank;
- **Ngày 13 tháng 12 năm 2019**, ABBank được NHNN chấp thuận chuyển Trụ sở chính từ TP. Hồ Chí Minh ra Hà Nội theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN;
- **Ngày 17 tháng 12 năm 2020**, ABBank được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 78/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 571.311.355 cổ phiếu.
- **Ngày 28 tháng 12 năm 2020**, Cổ phiếu ABBank giao dịch phiên đầu tiên trên sàn UPCOM (Mã chứng khoán: ABB).
- **Tháng 05 năm 2021:** Vốn điều lệ của ABBank đạt trên 10.350 tỷ đồng.
- **Ngày 28 tháng 7 năm 2026**, Vốn điều lệ của ABBank đạt gần 16.068 tỷ đồng.

2.2. *Những thành tựu đã đạt được*

- **Năm 2008**: Triển khai thành công phần mềm ngân hàng lõi (Core Banking), đưa vào hoạt động trên toàn hệ thống;
- **Năm 2012**: Mạng lưới ABBank đạt hơn 140 điểm giao dịch tại 29 tỉnh/thành trên toàn quốc;
- **Năm 2014**: ABBank công bố Tầm nhìn, Sứ mệnh, Mục tiêu và các Sáng kiến chiến lược giai đoạn 2014 – 2018. Tháng 12 năm 2014, ABBank là một trong 4 Ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai dịch vụ Chuyển khoản liên quốc gia;
- **Năm 2015**: Tháng 10/2015, ABBank lần đầu được Moody's xếp hạng tín nhiệm trong nhóm tín nhiệm cao nhất hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, tính trên 03 chỉ số quan trọng: Sức mạnh tài chính cơ sở (B3), tín nhiệm tiền gửi nội tệ và ngoại tệ (B2), tín nhiệm Tổ chức phát hành nội tệ và ngoại tệ (B2). Đồng thời triển vọng cho ABBank được Moody's đánh giá là ổn định. ABBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ thanh toán tiền điện trên hệ thống ATM/POS của ABBank dành cho chủ sở hữu thẻ mang thương hiệu VISA;
- **Năm 2016**: Tháng 05/2016, ABBank nhận giải thưởng Ngân hàng phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam năm 2016 do Global Banking And Finance Review bình chọn.

Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm cho ABBank, ABBank tiếp tục nằm trong nhóm ngân hàng thương mại cổ phần có xếp hạng tín nhiệm cao nhất. Mạng lưới mở rộng từ 146 điểm giao dịch tăng lên 159 điểm giao dịch trên 33 tỉnh/thành;

- **Năm 2017**: Mạng lưới ABBank đạt 165 điểm giao dịch trên 34 tỉnh/thành phố. Moody's nâng mức triển vọng đánh giá đối với ABBank, tiếp tục nằm trong Top 5 ngân hàng TMCP tư nhân xếp hạng tín nhiệm cao nhất tại Việt Nam. ABBank nhận giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm dành cho khách hàng SME tốt nhất Việt Nam năm 2017 do tạp chí Anh Quốc International Finance trao tặng, năm thứ 2 liên tiếp nhận giải thưởng Ngân hàng phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam năm 2017 do Global Banking and Finance Review bình chọn;
- **Năm 2018**: ABBank tròn 25 năm thành lập. Giữa tháng 8/2018, ABBank được Moody's nâng xếp hạng đối tác với Tiền gửi ngoại tệ từ B2 lên B1 và đánh giá Triển vọng cho tiền gửi nội tệ và phát hành tiền tệ nội địa và ngoại tệ từ Tích cực (B2) sang Ổn định (B1). Năm thứ ba liên tiếp ABBank nhận Giải thưởng Ngân hàng Phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam, đồng thời nhận Giải thưởng Ngân hàng có Dịch vụ Chăm sóc khách hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do Global Banking and Finance Review bình chọn;
- **Năm 2019**: Tháng 5/2019, ABBank là 1 trong 7 Ngân hàng đầu tiên chuyển đổi thành công thẻ Từ nội địa sang thẻ Chip nội địa theo tiêu chuẩn VCCS của NHNN. Tháng 12/2019, ABBank chính thức đưa vào vận hành Hệ thống tính toán tài sản có rủi ro (RWA) theo thông tư 41/2016/TT-NHNN, đánh dấu bước đi mang tính chiến lược giúp ABBank nâng cao hiệu quả lợi nhuận và năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển hoạt động kinh doanh và thúc đẩy lộ trình triển khai Basel II của ABBank;
- **Năm 2020:** ABBank vinh dự được tạp chí HR Asia công nhận là một trong những "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2020 – Best Companies to Work for 2020". Triển khai thành công các dự án lớn về Công nghệ thông tin và Quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II, đáp ứng yêu cầu Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung);
- **Năm 2021:** Năm thứ 2 liên tiếp được tạp chí HR Asia vinh danh là một trong những "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2021 – Best Companies to Work for 2021". Được công nhận "tuân thủ hoàn toàn" cả 3 trụ cột chính của Basel II gồm: Quy định tỷ lệ an toàn vốn (CAR); Đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP); Nguyên tắc thị trường (Minh bạch và kỷ luật). ABBank lọt Top 10 về chỉ số tăng trưởng thương hiệu trong ngành Ngân hàng theo Báo cáo "Chỉ số thương hiệu BrandIndex" của YouGov;
- **Năm 2022:** Công bố 5 Giá trị cốt lõi mới và các chuẩn mực hành vi tương ứng trong thời kỳ phát triển mới của ABBank, với phương châm lấy khách hàng là trọng tâm cho mọi hoạt động kinh doanh. Sức khỏe thương hiệu của ABBank đứng vị trí thứ 13 trong số 30 ngân hàng ngoài quốc doanh tại Việt Nam. Chỉ số Thấu hiểu hình ảnh thương hiệu ABBank 2022 đạt 35%, tăng 20% so với năm 2021 (theo Báo cáo Đánh giá sức khỏe thương hiệu 2022 của Mibrand). Năm thứ ba liên tiếp được tạp chí HR Asia vinh danh là một trong những "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2022 – Best Companies to Work for 2022";

- **Năm 2023:** ABBank kỷ niệm 30 năm thành lập (13/5/1993 – 13/5/2023). Khởi động Dự án trọng điểm "Làm mới Chiến lược Ngân hàng giai đoạn 2024 – 2028). Tháng 10/2023, ABBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) trao Chứng nhận ISO 27001:2022 về An toàn thông tin;
- **Năm 2024:** Ngày 01/11/2024, ABBank ra mắt nền tảng Ngân hàng số dành cho doanh nghiệp ABBank Business. Khởi động dự án "Triển khai Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội" (Environmental and Social Management System – ESMS)", dành riêng cho nghiệp vụ Tài trợ Thương mại. ABBank vinh dự được HNX trao giải Doanh nghiệp Đăng ký giao dịch thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2023 – 2024;
- **Năm 2025:** Ngày 17/6/2025 ABBank đạt Giải thưởng "Chất lượng thanh toán quốc tế Xuất sắc" do Wells Fargo trao tặng. Tháng 11/2025, ABBank được J.P. Morgan trao tặng giải thưởng "Chất lượng điện Thanh toán quốc tế Xuất sắc năm 2025"; ABBank tiếp tục được HNX trao giải Doanh nghiệp Đăng ký giao dịch thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2024 – 2025. Ngoài ra, năm 2025, ABBank cũng nhận được giải thưởng Giải thưởng "Sáng tạo Xuất sắc nhất trong lĩnh vực Ngân hàng Gia đình và Dịch vụ Cộng đồng" (Best Innovation in Family Banking & Community Service) từ Backbase;
- **Năm 2026:** Ngày 31 tháng 01 năm 2026: ABBank chính thức công bố bộ nhận diện thương hiệu mới, nâng tầm sứ mệnh phụng sự với định vị "Ngân hàng kiến tạo hạnh phúc", tiếp tục đặt nền móng vững chắc trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại, nhân văn, tạo dựng những giá trị bền vững cho Khách hàng và Cộng đồng.

  Ngày 30 tháng 6 năm 2026: ABBank vinh dự được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tặng Cờ thi đua *"Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành Ngân hàng năm 2025"*.

  Ngày 10 tháng 11 năm 2026: ABBank tiếp tục nhận giải Doanh nghiệp Đăng ký giao dịch thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2025 – 2026 . Đây là lần thứ 3 liên tiếp ABBank được vinh danh suốt trong giai đoạn 2023-2026.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

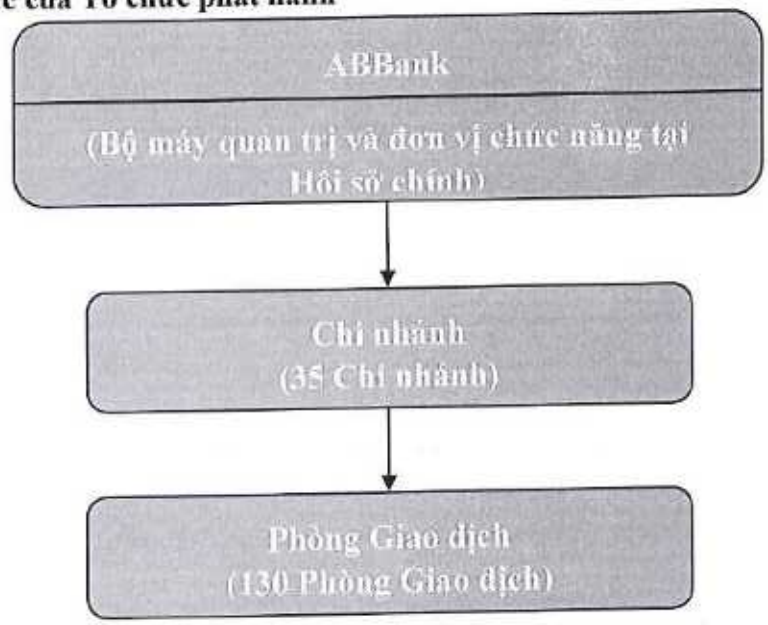

(Nguồn: ABBank)

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của ABBank bao gồm:

- Hội sở với cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý được mô tả chi tiết tại mục IV bên dưới.
- 35 Chi nhánh và 130 Phòng Giao dịch trực thuộc trải dài trên các Tỉnh/Thành trong cả nước;

Hiện tại, ABBank không có công ty mẹ, đồng thời không còn công ty con trực thuộc (Ngày 31/3/2026, ABBank đã hoàn tất việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP An Bình (ABBA), theo đó ABBA và Công ty con trực thuộc ABBA không còn là Công ty con trực thuộc ABBank, kể từ thời điểm này).

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

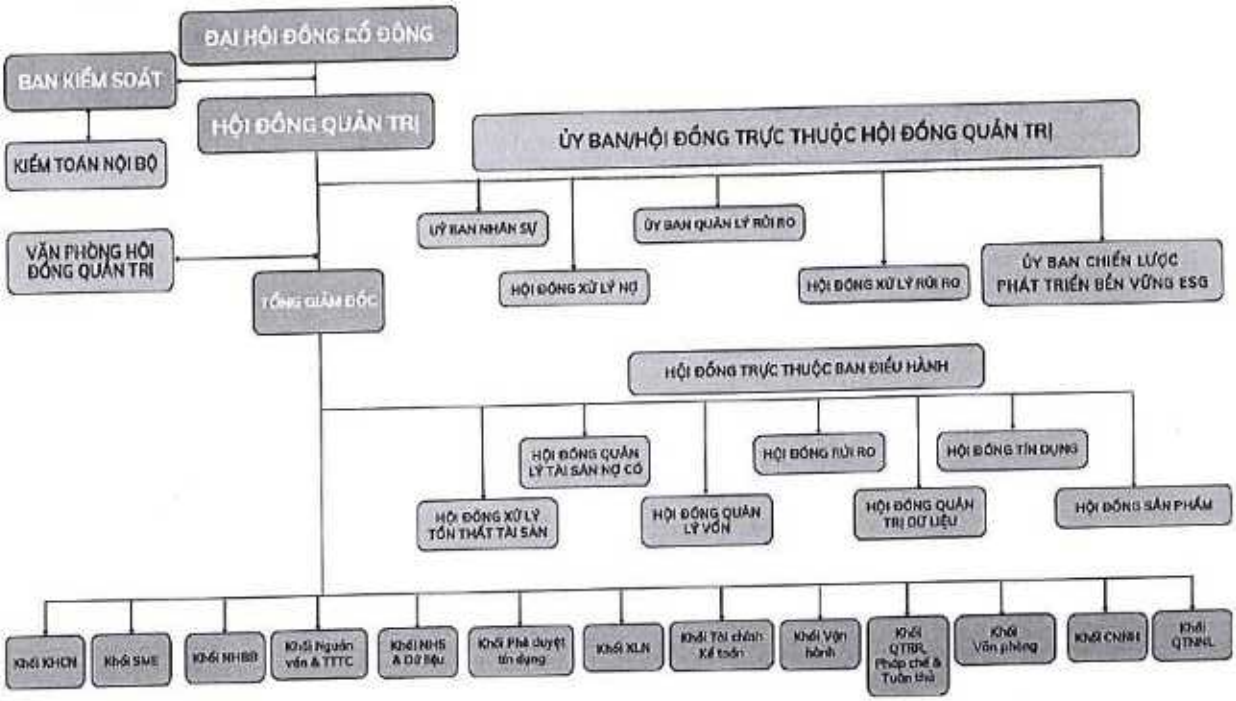

(Nguồn: ABBank)

Ngân hàng TMCP An Bình được tổ chức và hoạt động theo quy định tại các văn bản pháp lý sau:

- Luật các Tổ chức Tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Ngân hàng; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Theo Điều lệ của ABBank và quy định của pháp luật, tổ chức hoạt động của ABBank theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

4.1. Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ABBank. ĐHĐCĐ có các nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng như: Thông qua định hướng phát triển Ngân hàng; Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Quyết định số

lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, BKS; Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của ABBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;...

ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ ABBank.

Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự họp chấp thuận, trừ các trường hợp cần tỉ lệ trên 65% khi thông qua các quyết định như: Phương án thay đổi mức vốn điều lệ; Phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; đầu tư, mua, bán tài sản cố định mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản.

Thông tin chi tiết:

- ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Các Cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
- Thông báo triệu tập/xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản được chuyển đến Cổ đông có quyền dự họp qua email/thư gửi đến địa chỉ của Cổ đông đã đăng ký; thông báo trên website và các kênh công bố thông tin theo đúng quy định về tổ chức họp ĐHĐCĐ.
- Chương trình nghị sự, tài liệu cuộc họp của ĐHĐCĐ và kết quả biểu quyết, biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố trên website của Ngân hàng tại địa chỉ: www.abbank.vn, các kênh công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBank. Ngoài ra, các tài liệu liên quan của Đại hội còn được gửi kèm với chương trình Đại hội (hoặc cung cấp cho những người có quyền tham dự ĐHĐCĐ).

4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị ABBank, có toàn quyền nhân danh ABBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ABBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT ABBank hiện tại hoạt động gồm 06 thành viên, toàn bộ thành viên HĐQT là thành viên không điều hành, trong đó có 02 thành viên độc lập.

Trực thuộc HĐQT có Ủy ban Quản lý rủi ro (RMC), Ủy ban Nhân sự (HRC), Ủy ban Chiến lược phát triển bền vững ESG (Ủy ban ESG). Ngoài ra, cơ cấu thuộc HĐQT và hoạt động mang tính chất hội đồng có Hội đồng Xử lý rủi ro và Hội đồng Xử lý nợ, cụ thể:

- Ủy ban Nhân sự: là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm tham mưu, tư vấn giúp HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong việc quyết định cơ chế , chính sách, quy định liên quan đến quản trị nguồn nhân lực, cơ chế lương, đãi ngộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự cấp cao (trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ).
- Ủy ban Quản lý rủi ro: là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm tham mưu, tư vấn giúp

HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong việc quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng (trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ).

- Ủy ban Chiến lược phát triển bền vững ESG: Có chức năng tham mưu, tư vấn và hỗ trợ HĐQT trong việc định hướng xây dựng, triển khai và giám sát chiến lược phát triển bền vững; các hoạt động, các chương trình, sáng kiến liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (Environmental, Social, & Governance – ESG) của ABBank đảm bảo sự phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng.
- Hội đồng Xử lý rủi ro: là cơ quan được HĐQT thành lập để giúp HĐQT xem xét, quyết định trong việc thực hiện dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của ABBank.
- Hội đồng Xử lý nợ: là cơ quan được HĐQT thành lập với chức năng tham mưu và giúp HĐQT xem xét quyết định trong công tác xử lý nợ.

4.3. Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ ABBank bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. BKS là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ABBank. BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ ABBank, quy định nội bộ, và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

BKS của ABBank hiện bao gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên bán chuyên trách.

ABBank đã thành lập Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát nhằm thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của ABBank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ABBank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

4.4. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất hoạt động của ABBank do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động ABBank. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tiền lương và các chế độ đãi ngộ đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBank.

Tổng Giám đốc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBank. Tổng Giám đốc phải điều hành hoạt động của ABBank theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ ABBank, hợp đồng, thoả thuận, cam kết ký với ABBank và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định của pháp luật và Điều lệ ABBank mà gây thiệt hại cho ABBank thì Tổng Giám đốc phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho ABBank.

4.5. *Ban Điều hành*

Giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của ABBank có các Phó Tổng Giám đốc và một số Giám đốc Khối được cử làm Thành viên Ban Điều hành. Các Phó TGĐ, Thành viên BĐH thực hiện trách nhiệm trong phạm vi được TGĐ phân công, uỷ quyền.

Các Hội đồng thuộc Ban Điều hành, bao gồm:

- Hội đồng Quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO): ALCO chịu trách nhiệm chính về việc tham mưu, tư vấn, phối hợp phát triển, thực thi và xem xét các quy chế, chiến lược, và chính sách liên quan đến việc quản lý bảng cân đối kế toán, quản lý vốn và quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng. Được thành lập để quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.
- Hội đồng Rủi ro (ERC): Có nhiệm vụ đánh giá mức độ rủi ro, kiểm tra tất cả các vấn đề rủi ro; đề xuất trình RMC giải quyết và ra quyết định đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của ERC.
- Hội đồng Tín dụng (CC): Được thành lập nhằm mục đích thực hiện và đảm bảo hoạt động cấp tín dụng trên toàn hệ thống ABBank an toàn và hiệu quả.
- Hội đồng Quản trị dữ liệu (DGC): Được thành lập nhằm mục đích dẫn dắt, giám sát chặt chẽ hoạt động quản trị dữ liệu trong hệ thống ABBank.
- Hội đồng Quản lý vốn (CMC): Được thành lập nhằm tham mưu, tư vấn và bảo đảm thực thi các hoạt động đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn tại ABBank theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của ABBank.
- Hội đồng sản phẩm: Được thành lập nhằm tham mưu cho TGĐ khi đưa ra quyết định triển khai các sản phẩm mới hoặc điều chỉnh các sản phẩm hiện hữu, đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược của Ngân hàng.
- Hội đồng Xử lý tổn thất tài sản: Được thành lập nhằm tham mưu, giúp việc cho TGĐ trong công tác xử lý tổn thất tài sản tại ABBank theo Quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của ABBank.

4.6. *Chức năng, nhiệm vụ của các Khối*

Bảng 1: Chức năng nhiệm vụ chính của các Khối

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
1	Khối Khách hàng Cá nhân	– **Chức năng:** Phát triển mảng KHCN, bao gồm việc xây dựng chiến lược, phát triển sản phẩm, tổ chức kinh doanh nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và đóng góp vào mục tiêu chung của Ngân hàng. – **Nhiệm vụ chính:** Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình, kế hoạch kinh doanh, thúc đẩy bán tất cả các sản phẩm/ dịch vụ mảng KHCN của ABBank cho đối tượng khách hàng mục tiêu theo chiến lược của ABBank tại tất cả các ĐVKD trên toàn hệ thống; Tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện và quản trị hiệu quả việc thực hiện các kế hoạch đã xây dựng; Thực hiện công tác thẩm định tín dụng KHCN và quản trị chất lượng thẩm định tín dụng KHCN.

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
2	Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)	– **Chức năng:** Phát triển mảng SME, bao gồm từ việc xây dựng chiến lược, phát triển sản phẩm, tổ chức kinh doanh, đến quản lý rủi ro nhằm tối đa hóa hiệu quả kinh doanh và đóng góp vào mục tiêu chung của Ngân hàng. – **Nhiệm vụ chính:** Xây dựng và triển khai mô hình, kế hoạch kinh doanh, kênh phục vụ và quản lý hiệu quả nguồn lực để đạt chỉ tiêu kinh doanh, tối ưu hóa doanh thu và chi phí; Thiết kế, triển khai và quản lý các sản phẩm, giải pháp tài chính, chương trình chăm sóc khách hàng và hợp tác đối tác phù hợp với nhu cầu khách hàng SME, nhằm gia tăng giá trị và cơ hội kinh doanh; Tìm kiếm, thiết lập và mở rộng liên kết đối tác nhằm gia tăng cơ hội kinh doanh và khai thác hiệu quả khách hàng thuộc hệ sinh thái/chuỗi giá trị; Tổ chức triển khai & quản lý bán hàng; Thực hiện thẩm định hồ sơ tín dụng và thẩm định thực tế đối với Khách hàng SME theo quy định của ABBank và pháp luật về cấp tín dụng.
3	Khối Ngân hàng bán buôn	– **Chức năng:** Xây dựng, triển khai thực thi kế hoạch, quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh đối với phân khúc khách hàng bán buôn nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ của ABBank đến các khách hàng một cách hiệu quả với chất lượng tốt nhất theo chiến lược, kế hoạch của ABBank từng thời kỳ. – **Nhiệm vụ chính:** Xây dựng định hướng kinh doanh đối với phân khúc khách hàng bán buôn theo lĩnh vực kinh tế tiềm năng và lựa chọn khách hàng mục tiêu trong từng thời kỳ dựa trên nghiên cứu, phân tích thị trường; Thiết kế, xây dựng, triển khai và quản lý hiệu quả các giải pháp khách hàng, các chương trình bán hàng và chăm sóc khách hàng dựa trên am hiểu nhu cầu của khách hàng/nhóm khách hàng theo phân khúc/hệ sinh thái/chuỗi giá trị mục tiêu phù hợp với định hướng kinh doanh; Tổ chức bán hàng đối với phân khúc khách hàng bán buôn tại Trung tâm kinh doanh/Điểm kinh doanh bao gồm: triển khai xây dựng và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng nhằm nắm bắt nhu cầu về tài chính ngân hàng của khách hàng; thực hiện bán hàng và các dịch vụ sau bán hàng cho khách hàng thông qua hệ thống ABBank và các kênh bán hàng khác phù hợp theo chiến lược của ABBank; Thực hiện thẩm định hồ sơ tín dụng theo thẩm quyền được giao và thẩm định thực địa đối với phân khúc NHBB theo quy định của ABBank và phát luật về cấp tín dụng.
4	Khối Nguồn vốn & Thị trường tài chính	– **Chức năng:** Đầu mối thực thi các biện pháp đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống; Kinh doanh vốn, kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh phù hợp với định hướng chiến lược

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
		kinh doanh của ABBank; Quản lý và phát triển quan hệ định chế tài chính. - **Nhiệm vụ chính:** Thực hiện các giao dịch trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường ngoại tệ và các sản phẩm phái sinh, các sản phẩm tài chính ngân hàng khác với các ĐCTC trong và ngoài nước nhằm tối đa hóa lợi nhuận, hỗ trợ quản lý bảng cân đối tài sản hiệu quả và tuân thủ theo các quy định của ABBank; Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại tệ theo chức năng ngành dọc trên toàn hệ thống ABBank; Vận hành các nghiệp vụ bên trong Khối theo chức năng; Tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh ngoại tệ nhằm hoàn thành các chỉ tiêu được giao và an toàn; Nghiên cứu, đánh giá và dự báo biến động kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng, đánh giá các nhu cầu của các nhóm khách hàng mục tiêu (ĐCTC, khách hàng doanh nghiệp lớn, SME, và khách hàng cá nhân) nhằm xây dựng, cải tiến và phát triển các sản phẩm, giải pháp phù hợp, đề xuất các biện pháp kinh doanh trên thị trường tiền tệ, ngoại hối và áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, tỷ giá; Thiết lập, khai thác, duy trì, phát triển mối quan hệ, hợp tác với các ĐCTC trong và ngoài nước trong hoạt động ngân hàng đại lý theo chiến lược của ABBank.
5	Khối Vận hành	- **Chức năng:** Thực hiện chức năng vận hành tín dụng, thanh toán nội địa, thanh toán quốc tế, giao dịch nguồn vốn, tài trợ thương mại, vận hành số - thẻ, dịch vụ khách hàng 24/7 (Call Center), quản lý vận hành giao dịch quầy, quỹ và pháp lý chứng từ tại ĐVKD, đánh giá chất lượng dịch vụ, cải tiến và quản lý quy trình vận hành. - **Nhiệm vụ chính:** Quản lý hoạt động dịch vụ khách hàng; Quản lý hoạt động chuyển tiền nội địa, chuyển tiền quốc tế, tài trợ thương mại, vận hành thẻ và số, giao dịch nguồn vốn; Quản lý hoạt động vận hành tín dụng; Quản lý hoạt động cải tiến quy trình vận hành; Tổ chức triển khai thực hiện, quản lý và giám sát việc thực hiện công tác vận hành Ngân hàng đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của ABBank trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng, đồng thời đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực, tối đa hóa hiệu quả phù hợp với định hướng chiến lược của ABBank.
6	Khối Công nghệ Ngân hàng	- **Chức năng:** Phát triển, quản trị, vận hành hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu hoạt động, kinh doanh theo các mục tiêu chiến lược của ABBank, đảm bảo việc cung cấp lợi ích công nghệ và kinh doanh, kiểm soát rủi ro, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của ABBank và

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
		tuân thủ quy định của Nhà nước về an toàn bảo mật, cũng như các thông lệ tốt nhất về quản trị, vận hành hiệu quả hệ thống CNTT. – **Nhiệm vụ chính:** Xây dựng chiến lược, phát triển hệ thống CNTT phù hợp với định hướng chiến lược của ABBank; Chủ động nghiên cứu, đề xuất các ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT để tối ưu hoá nguồn lực Ngân hàng, hạ thấp rủi ro và chi phí, nâng cao hiệu suất và hiệu quả trong quản lý Ngân hàng, phát triển các nghiệp vụ cho hoạt động của toàn hệ thống ABBank; Tăng cường mối quan hệ kinh doanh-công nghệ; xây dựng, phát triển và triển khai các ứng dụng, sản phẩm công nghệ, tích hợp vào hệ thống CNTT của Ngân hàng nhằm phát triển kinh doanh trong từng giai đoạn, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành, kinh doanh của Ngân hàng theo quy định và chuẩn mực quốc tế; Số hóa các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển kinh doanh tại ABBank; Đảm bảo tính sẵn sàng liên tục của cơ sở hạ tầng và các dịch vụ CNTT, giảm thiểu thời gian dừng hệ thống; Quản lý, vận hành toàn bộ các hệ thống và trang thiết bị CNTT của Ngân hàng, liên tục cải tiến hoạt động vận hành nhằm tối ưu hóa chi phí và nâng cao trải nghiệm của người dùng; Thực hiện đảm bảo an toàn an ninh dữ liệu và các hệ thống CNTT.
7	Khối Phê duyệt Tín dụng	– **Chức năng:** Triển khai và thực hiện hoạt động phê duyệt các khoản cấp tín dụng, định giá và kiểm soát chất lượng thẩm định giá trong thẩm quyền được giao phù hợp với chính sách tín dụng và mục tiêu chiến lược của ABBank từng thời kỳ. – **Nhiệm vụ chính:** Quản lý, xây dựng các quy trình nghiệp vụ phê duyệt tín dụng, tuân thủ các quy định, chính sách và yêu cầu về quản lý rủi ro của ABBank từng thời kỳ; Thực hiện phê duyệt hồ sơ cấp tín dụng theo thẩm quyền được giao; Quản lý chất lượng phê duyệt tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền; Thực hiện định giá tài sản đảm bảo và quản lý chất lượng định giá tài sản bảo đảm tại ABBank.
8	Khối Quản trị Rủi ro, Pháp chế và Tuân thủ	– **Chức năng:** Tham mưu, tư vấn trong công tác quản trị rủi ro, trực tiếp xây dựng và phát triển khung quản trị rủi ro toàn ngân hàng, đồng thời dẫn dắt triển khai quản trị các rủi ro trọng yếu (Rủi ro tín dụng, Rủi ro hoạt động, Rủi ro thị trường, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Rủi ro tập trung, và các rủi ro khác phát sinh từ hoạt động trọng yếu) trên toàn hệ thống; Tham mưu, xử lý rủi ro pháp lý, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho toàn hệ thống ABBank; Giám sát tuân thủ đối với mọi hoạt động của ABBank trong việc tuân thủ quy định của

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
		pháp luật; Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, phòng chống gian lận và tham nhũng trên toàn hệ thống. - **Nhiệm vụ chính:** Xây dựng, rà soát, cập nhật, đề xuất phê duyệt, giám sát thực hiện KVRR, HMRR, chiến lược QTRR toàn ngân hàng và hồ sơ rủi ro toàn hàng; Xây dựng, cập nhật và triển khai hệ thống các chính sách, quy định liên quan quản lý rủi ro, các phương pháp, mô hình đánh giá, công cụ đo lường rủi ro và thực hiện quản trị các mô hình đo lường rủi ro; Xây dựng chính sách, chiến lược, các quy định và triển khai thực hiện các công tác liên quan đến việc tuân thủ trong hoạt động trên toàn hệ thống ABBank, đồng thời tổ chức triển khai, dẫn dắt hệ thống tuân thủ trong hoạt động, phát triển văn hóa tuân thủ cho cán bộ nhân viên của ABBank trên toàn hệ thống; Xây dựng kế hoạch cho hoạt động phòng chống rửa tiền, phòng chống gian lận và tham nhũng; Tổ chức triển khai thực hiện công tác giám sát, hỗ trợ và báo cáo đối với hoạt động phòng chống rửa tiền, phòng chống gian lận và tham nhũng theo quy định; Tư vấn, đánh giá, hỗ trợ pháp lý cho toàn hệ thống; Triển khai các quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước với vấn đề liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; tổ chức quản lý và giám sát rủi ro dữ liệu cá nhân; đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân; cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra khỏi lãnh thổ Việt Nam/xuyên biên giới
9	Khối Văn phòng	- **Chức năng:** Tham mưu, tư vấn và quản lý, giám sát, điều phối hoạt động triển khai dự án, quản trị các dự án trọng điểm; Xây dựng & triển khai chiến lược thương hiệu, truyền thông theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra của ABBank; Thực hiện các chức năng hành chính văn phòng, mua sắm, phát triển mạng lưới; Tham mưu, tư vấn, hỗ trợ TGĐ & BĐH trong công tác điều hành hoạt động Ngân hàng. - **Nhiệm vụ chính:** Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý hoạt động triển khai dự án tại Ngân hàng; Xây dựng chiến lược thương hiệu, thiết kế và quản lý, giám sát thực thi bộ nhận diện thương hiệu, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông nội bộ và bên ngoài; Xây dựng và triển khai các chương trình CSR nhằm đóng góp tích cực cho xã hội, cộng đồng và môi trường đồng thời nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và tạo giá trị bền vững cho Ngân hàng; Nâng cao hiệu suất vận hành, kiểm soát và tối ưu hóa các hoạt động mua sắm, hành chính tập trung, phát triển và nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
		mở rộng mạng lưới chi nhánh, đảm bảo tính hiệu quả, chuyên nghiệp, tối ưu hóa chi phí cho Ngân hàng; Hỗ trợ Ban TGĐ trong việc kiểm soát & quản trị các hoạt động liên quan đến điều hành Ngân hàng; Thực hiện các nhiệm vụ của Hành chính văn phòng, quản lý tài sản, mua sắm tập trung; phát triển mạng lưới.
10	Khối Tài chính- Kế toán	- **Chức năng:** Xây dựng chiến lược, xác định các mục tiêu tài chính và định hướng phát triển cho Ngân hàng, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững; Tổ chức xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn để đạt được mục tiêu tài chính đề ra; Đảm bảo hoạt động tài chính và kế toán của Ngân hàng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và được ghi nhận chính xác, kịp thời theo các chuẩn mực kế toán; Đảm bảo tối ưu hiệu quả bảng cân đối kế toán trên cơ sở khẩu vị rủi ro của Ngân hàng; Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nhà đầu tư, tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập đảm bảo thông tin hiệu quả, minh bạch; Đảm bảo tính chính xác, toàn vẹn của dữ liệu trọng yếu của ABBank. - **Nhiệm vụ chính:** Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan Lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm cho toàn ngân hàng và các khối kinh doanh, xây dựng chiến lược hoạt động của ngân hàng, kế hoạch tài chính trung và dài hạn và quản lý ngân sách để phù hợp với mục tiêu của hoạt động của Ngân hàng; Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, quy trình quản trị dữ liệu và quản lý chất lượng dữ liệu của ABBank; Giám sát và quản lý hệ thống tiêu chí KPIs; Đảm bảo tính chính xác của sổ cái, các giao dịch tài chính và tính trung thực của báo cáo tài chính; Quản lý danh mục đầu tư của Sổ ngân hàng để tối ưu hóa lợi nhuận đồng thời giảm thiểu rủi ro; Thực hiện công tác kế toán và công tác kiểm soát kế toán, thống kê kế toán ngân hàng nhằm đảm bảo chuẩn mực kế toán theo quy định của pháp luật về Kế toán, thống kê, quy định của NHNN và quy định của ABBank.
11	Khối Quản trị Nguồn Nhân lực	- **Chức năng:** Tham mưu, tư vấn về chiến lược, chính sách, quy định liên quan đến quản trị nguồn nhân lực theo định hướng chiến lược của ABBank, đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nguồn lực và tuân thủ quy định của pháp luật; Tổ chức thực hiện công tác quản trị nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với định hướng, chiến lược và nhu cầu hoạt động của Ngân hàng thông qua các hoạt động: tuyển dụng, đào tạo phát triển, quản lý hiệu quả làm việc, chế độ đãi ngộ, văn hóa doanh nghiệp, quan hệ lao động và gắn kết nhân viên, quản trị

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
		nhân tài và phát triển tổ chức, xây dựng lực lượng kế cận. - **Nhiệm vụ chính:** Xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện chiến lược về nguồn nhân lực; thực thi và giám sát các chương trình hành động đảm bảo chiến lược về nguồn nhân lực được thực thi thành công; Xây dựng, triển khai, cải tiến các quy chế, quy trình, chính sách quản trị nguồn nhân lực nhằm thu hút, duy trì, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại ABBank; Nghiên cứu, áp dụng mô hình quản trị nguồn nhân lực tiên tiến theo thông lệ thị trường nhằm xây dựng, thực thi chiến lược phát triển nguồn nhân lực của ABBank; Đảm bảo số lượng, chất lượng nguồn nhân lực tại các đơn vị, quản trị hệ thống thông tin nhân sự đảm bảo tối ưu và hiệu quả; Xây dựng văn hóa và môi trường làm việc gắn kết tại ABBank.
12	Khối Ngân hàng số và Dữ liệu	- **Chức năng:** Xây dựng chiến lược và tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh số, phát triển sản phẩm/giải pháp ngân hàng số nhằm thúc đẩy tăng trưởng khách hàng, doanh thu, giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng trên các nền tảng số; Phát triển hệ sinh thái số, năng lực dữ liệu và các giải pháp công nghệ số nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh, điều hành và chuyển đổi số của ABBank theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm và tăng trưởng dựa trên dữ liệu. - **Nhiệm vụ chính:** Xây dựng và chịu trách nhiệm tổ chức triển khai chiến lược phát triển ngân hàng số, kinh doanh số và dữ liệu phù hợp với định hướng kinh doanh của ABBank từng thời kỳ; Xây dựng, phát triển và quản lý các sản phẩm, dịch vụ và hành trình số dành cho KHCN và KHDN; Nghiên cứu và chủ trì quy trình thiết kế trải nghiệm/sản phẩm số dựa trên cách tiếp cận lấy Khách hàng làm trọng tâm của ABBank; Phát triển hệ sinh thái đối tác số, fintech và các mô hình hợp tác nhằm mở rộng quy mô khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh số.
13	Khối Xử lý Nợ	- **Chức năng:** Thực hiện chức năng quản lý, xử lý và hỗ trợ xử lý nợ đối với khoản nợ có vấn đề, nợ xấu trên toàn hệ thống; Tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền trong công tác quản lý và xử lý nợ có vấn đề. - **Nhiệm vụ chính:** Làm đầu mối xây dựng kế hoạch và thực hiện/hỗ trợ xử lý các khoản nợ có vấn đề/nợ xấu theo quy định từng thời kỳ; Đầu mối lập và quản lý danh mục nợ có vấn đề/nợ xấu do Khối làm đầu mối xử lý; Hỗ trợ các ĐVKD xử lý khoản nợ có vấn đề, nợ xấu theo thẩm quyền.

(Nguồn: ABBank)

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ

Không có

5.2. Danh sách công ty con

5.2.1. Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình (ABBA)

- Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3519 0425
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0104394729 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13/3/2025.
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động đại lý bảo hiểm; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: hoạt động tư vấn đầu tư, dịch vụ thu hộ hoạt động theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP An Bình, hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp; tiếp nhận, quản lý các khoản nợ xấu, nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ của Ngân hàng TMCP An Bình để xử lý thu hồi vốn nhanh nhất; bán tài sản đảm bảo nợ vay thuộc Ngân hàng TMCP An Bình; cơ cấu nợ tồn đọng; xử lý tài sản đảm bảo; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh; thực hiện mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng và các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản; cung cấp dịch vụ ủy thác và giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng; trung gian dàn xếp mua bán nợ; kinh doanh bất động sản; cho thuê máy móc thiết bị, xe có động cơ, đồ dùng cá nhân và gia đình và đồ dùng hữu hình khác; dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa; và dịch vụ hỗ trợ tổng hợp bao gồm cung cấp, đáp ứng dịch vụ tổng hợp theo yêu cầu khách hàng như: quản lý và trông coi tài sản, sắp xếp và di chuyển hàng hóa trong kho, quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua từ và bán các khoản nợ cho các tổ chức tín dụng; kinh doanh hàng hóa bất động sản; cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản, kho bãi và tiếp vận.
- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của ABBank trước ngày 31/3/2026: 100% vốn điều lệ.
- Giá trị vốn góp: 260.000.000.000 đồng.

Ngày 31/3/2026, ABBank đã hoàn tất việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP An Bình. Theo đó, ABBA không còn là công ty con của ABBank.

5.2.2. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA (ABBAS) – Là công ty do ABBA trực tiếp sở hữu 100% vốn.

- Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3519 0425
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) cấp lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/9/2025.

- Hoạt động kinh doanh chính:
- Hoạt động bảo vệ cá nhân;
- Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của ABBank trước ngày 31/3/2026: 100% vốn điều lệ của ABBAS thông qua Công ty con của ABBank là ABBA.
- Giá trị vốn góp: 2.000.000.000 đồng

Sau ngày 31/3/2026, do ABBank đã hoàn tất việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại ABBA nên ABBA không còn là công ty con của ABBank. Theo đó, ABBAS không còn là công ty con do Ngân hàng sở hữu gián tiếp qua ABBA.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của ABBank tại ngày 15/04/1993 là 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ ABBank là 16.067.839.480.000 đồng (Bằng chữ: Mười sáu nghìn không trăm sáu mươi bảy tỷ tám trăm ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của ABBank như sau:

Bảng 2: Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của ABBank

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Thành lập	1993	-	1.000.000	Cổ đông sáng lập và Cổ đông thường góp vốn thành lập ABBank	- Giấy phép thành lập số 535/GP-UB do UBND TP. HCM cấp ngày 17/5/1993; - Giấy Chứng nhận ĐKKD số 059066 do Trọng tài Kinh tế TP. HCM cấp ngày 17/5/1993; - Giấy phép hoạt động số 0031/NH-GP do NHNN cấp ngày 15/4/1993.
Lần 1	03/1998	200.000	1.200.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	Quyết định số 102/1998/QĐ-NHNN5 do NHNN cấp ngày 21/3/1998[1]

[1] *Đợt tăng vốn lần 1 và lần 2 được thực hiện từ năm 1998 và 2001, do thời gian khá lâu và trải qua nhiều giai đoạn thay đổi về tổ chức, nhân sự và địa điểm Trụ sở, do vậy hồ sơ lưu trữ của*

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 2	10/2001	3.800.000	5.000.000	Phát hành cho Cổ đông mới	- Công văn số 986/NHTP.2001 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 12/10/2001; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/5/2002.[2]
Lần 3	06/2003	21.804.000	26.804.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và Cổ đông mới	- Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 21/02/2002; - Công văn số 494/NHTP.2003 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 05/5/2003; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/6/2003.
Lần 4	12/2003	9.300.000	36.104.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và Cổ đông mới	- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/6/2003; - Nghị quyết ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình số 227/NHAB-03 ngày 20/6/2003; - Phương án hoạt động năm 2003 kèm theo Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ ngày 20/6/2003; - Công văn số 1338/NHNN-HCM02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 26/12/2003; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2003.

Ngân hàng cho đến thời điểm hiện nay không còn đầy đủ (như Nghị quyết, biên bản họp thông qua việc tăng vốn, chấp thuận của NHNN thông qua, báo cáo kết quả phát hành, v.v).

[2] [Xem ghi chú số 1]

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 5	08/2004	33.940.000	70.044.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và Cổ đông mới	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 09/3/2004 và Phương án hoạt động năm 2004 đính kèm; - Công văn số 967/NHNN-HCM02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 22/06/2004; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/8/2004.
Lần 6	07/2005	94.956.000	165.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và Cổ đông mới	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 05/4/2005 và Phương án hoạt động kinh doanh năm 2005 đính kèm; - Công văn số 1513/NHNN-HCM.02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 13/07/2005; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/7/2005.
Lần 7	06/2006	335.000.000	500.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và Cổ đông mới, CP thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Quyết định và Biên bản họp ĐHĐCĐ ABBank ngày 17/02/2006; - Công văn số 677/NHNN-HCM.02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 02/06/2006; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/6/2006.
Lần 8	10/2006	490.000.000	990.000.000	Phát hành chào bán CP cho Cổ đông hiện hữu và cho CBNV, thưởng cho	- Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản ngày 20/7/2006 về Tăng vốn điều lệ và phương án tăng vốn điều lệ;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				Cổ đông hiện hữu	- Công văn số 1254/NHNN-HCM.02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 15/9/2006; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/10/2006.
Lần 9	11/2006	141.950.500	1.131.950.500	Thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Quyết định của ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản ngày 30/9/2006; - Công văn số 1517/NHNN-HCM.02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 06/11/2006; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/11/2006.
Lần 10	10/2007	1.168.049.500	2.300.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và CBNV, CP trả cổ tức cho Cổ đông hiện hữu, phát hành cho CĐ chiến lược	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ABBank ngày 02/02/2007 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2007 đính kèm; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/6/2007 và Phương án tăng vốn điều lệ 2007 bổ sung đính kèm; - Công văn số 863/NHNN-HCM02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 13/06/2007; - Quyết định số 133b/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2007 về việc tăng vốn điều lệ năm 2007 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng gửi UBCKNN số 79/BC-NHAB.07 ngày 31/10/2007 của HĐQT;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24/10/2007.
Lần 11	09/2008	405.882.350	2.705.882.350	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Maybank	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 31/3/2008 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2008 đính kèm; - Công văn số 875/NHNN-HCM.02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 02/6/2008; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN theo thông báo số 122/TB-HĐQT.08 ngày 30/9/2008 của HĐQT; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/10/2008.
Lần 12	08/2009	144.256.130	2.850.138.480	Phát hành riêng lẻ cho Maybank và CP thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/3/2009 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2019 đính kèm; Phương án tăng vốn điều lệ năm 2019; - Công văn số 1553/NHNN-HCM.02 do NHNN – CN Tp HCM cấp ngày 22/7/2009; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn số 80/CV-HĐQT.09 ngày 15/9/2009 của HĐQT; - Tin bài đăng trên trang website của UBCKNN ngày 25/8/2009 thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBank. - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01/9/2009.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 13	12/2009	632.374.480	3.482.512.960	Phát hành riêng lẻ, CP thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/3/2009, Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2019 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Công văn số 8611/VPCP-KHTH của Văn phòng Chính phủ ngày 02/12/2009; - Công văn số 9598/NHNN-TTGSNH và công văn số 9699/NHNN-TTGSNH của NHNN ngày 08/12/2009; - Công văn số 2657/NHNN-HCM02 và công văn số 2658/NHNN-HCM02 của NHNN - CN TP. Hồ Chí Minh ngày 10/12/2009; - Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 11/12/2009 và ngày 21/12/2009 thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBank; - Công văn số 2864/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 11/12/2009; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn 99/CV-HĐQT.09 ngày 17/12/2009; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15/12/2009.
Lần 14	01/2011	348.251.300	3.830.764.260	CP thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 24/3/2010, Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2010 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Công văn số 8731/NHNN-TTGSNH ngày 10/11/2010 của NHNN; - Công văn số 3930/UBCK-QLPH ngày 29/11/2010 và Công văn số 3982/UBCK-QLPH ngày 02/12/2010 của UBCKNN; - Quyết định số 235/QĐ-HĐQT.10 ngày 02/12/2010 của HĐQT ABBank về phương án xử lý cổ phiếu lẻ; - Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06/12/2010 và thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBank; - Quyết định Tăng vốn điều lệ số 245/QĐ-HĐQT.10 ngày 16/12/2010 của HĐQT; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo Công văn số 04/CV-HĐQT.11 ngày 06/01/2011 của HĐQT; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/01/2011.
Lần 15	11/2011	369.235.500	4.199.999.760	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 27/5/2011 và Báo cáo của HĐQT về hoạt động 2010 và định hướng hoạt động 2011 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Công văn số 7498/NHNN-TTGSNH ngày 26/9/2011 của NHNN; - Công văn số 3732/UBCK-QLPH ngày 9/11/2011 của UBCKNN;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Quyết định số 180/QĐ-HĐQT.11 ngày 17/11/2011 của HĐQT; - Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ theo Công văn số 07/TB-HĐQT.11 ngày 20/12/2011 của HĐQT; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 13/12/2011.
Lần 16	04/2013	598.000.000	4.797.999.760	Chuyển đổi trái phiếu của Maybank và IFC thành cổ phiếu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 28/5/2012 và Phương án Tăng vốn điều lệ đính kèm; - Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-HĐQT.12 ngày 29/10/2012 về việc điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ 2012 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Công văn số 2567/NHNN-TTGSNH ngày 12/4/2013 của NHNN; - Công văn số 1468/UBCK-QLPH ngày 16/4/2013 của UBCKNN; - Quyết định số 37/QĐ-HĐQT.13 ngày 15/4/2013 về việc Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2010 thành cổ phiếu; và Quyết định số 40/QĐ-HĐQT.13 ngày 18/4/2013 về Thực hiện tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; - Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ tại công văn số 17/CV-HĐQT.13 ngày 22/4/2013; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 26/4/2013.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19/8/2013 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của ABBank với mức vốn điều lệ là: 4.797.999.760.000 đồng.
Lần 17	09/2016	521.496.530	5.319.496.290	CP thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 27/4/2015 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Công văn số 5017/NHNN-TTGSNH ngày 05/7/2016; - Công văn số 6756/UBCK-QLCB ngày 07/10/2016 của UBCKNN; - Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ theo công văn số 10-1/TB-HĐQT.16 ngày 09/9/2016 của HĐQT; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 04/10/2016. - Quyết định số 621/QĐ-NHNN ngày 30/3/2017 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của ABBank với mức vốn điều lệ là: 5.319.496.290.000 đồng
Lần 18	07/2019	393.617.260	5.713.113.550	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho CĐ hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 25/4/2018 và Tờ trình tăng vốn điều lệ 2018 đính kèm; - Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản tổng hợp kết quả lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để chia cổ tức ngày 30/11/2018 và Phương

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					án tăng vốn kèm theo; - Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT.19 ngày 03/4/2019 của HĐQT về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để chia cổ tức cho Cổ đông; - Công văn số 2717/NHNN-TTGSNH ngày 16/04/2019 của NHNN; - Công văn số 3709/UBCK-QLCB ngày 18/6/2019 của UBCKNN; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo công văn số 21/CV-HĐQ.19 ngày 10/7/2019; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/7/2019. - Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của ABBank với mức vốn điều lệ là: 5.713.113.550.000 đồng
Lần 19	Tháng 12/2021	1.256.884.980	6.969.998.530	Phát hành quyền mua cổ phần cho Cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 20%) và phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chương trình ESOP, tỷ lệ 2%)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 và Tờ trình ĐHĐCĐ về Phương án tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT.21 ngày 26/5/2021 về Phương án tăng vốn điều lệ ABBank; - Công văn của NHNN số 4963/NHNN-TTGSNH ngày 08/7/2021 về việc tăng vốn điều lệ của ABBank; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 230/GCN-UBCK ngày 26/10/2021 của UBCKNN;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Công văn số 8628/UBCK-QLCB ngày 16/12/2021 của UBCKNN về việc nhận được tài liệu phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP; - Công văn số 9108/UBCK-QLCB và số 9110/UBCK-QLCB ngày 31/12/2021 của UBCKNN; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 19/01/2022; - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 78/2020/GCNCP-VSD-1 đăng ký thay đổi lần thứ 1 do VSD cấp ngày 24/01/2022.
Lần 20	02/2022	2.439.472.290	9.409.470.820	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 và Tờ trình ĐHĐCĐ về Phương án tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT.21 về Phương án tăng vốn điều lệ ABBank; - Công văn số 4963/NHNN-TTGSNH ngày 08/7/2021 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của ABBank; - Quyết định HĐQT số 284/QĐ-HĐQT.21 ngày 29/12/2021 về việc Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của ABBank năm 2021; - Công văn số 9151/UBCK-QLCB ngày 31/12/2021 của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của ABBank;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Công văn số 952/UBCK-QLCB ngày 24/02/2022 của UBCKNN về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của ABBank; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 28/02/2022; - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 78/20202/GCNCP-VSD-2 đăng ký thay đổi sửa đổi lần thứ 02 do VSD cấp ngày 11/3/2022.
Lần 21	05/2023	940.896.800	10.350.367.620	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 20/4/2022; Tờ trình ĐHĐCĐ và Phương án tăng mức vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-HĐQT.22 ngày 28/9/2022 về sửa đổi, bổ sung Phương án tăng mức vốn điều lệ ABBank; - Công văn số 7343/NHNN-TTGSNH ngày 19/10/2022 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của ABBank; - Quyết định HĐQT số 79/QĐ-HĐQT.23 ngày 10/4/2023 về việc Triển khai phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Công văn số 2276/UBCK-QLCB ngày 27/4/2023 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Công văn số 3543/UBCK-QLCB ngày 12/6/2023 của UBCKNN về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0301412222, thay đổi lần thứ 29 ngày 28/6/2023; - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 78/2020/GCNCP-VSD-3 đăng ký thay đổi lần thứ 03 do VSD cấp ngày 22/6/2023.
Lần 22	5/2026	3.104.201.230	13.454.568.850	Đợt 1: Chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 16/9/2025; - Văn bản chấp thuận số 9241/NHNN-QLGS ngày 22/10/2025 của NHNN; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 563/GCN-UBCK ngày 31/12/2025 của UBCKNN. - Công văn số 1884/UBCK-QLCB ngày 09/3/2026 của UBCKNN V/v tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của ABBank.
	5/2026	517.518.000	13.972.086.850	Đợt 2 - Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 16/9/2025; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 05/1/2026; - Công văn số 1005/UBCK-QLCB ngày 30/01/2026 V/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của ABBank. - Công văn số 1957/UBCK-QLCB ngày 11/3/2026 V/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của ABBank. - Quyết định số 1115/QĐ-NHNN ngày 25/5/2026 của NHNN V/v

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại giấy phép thành lập và hoạt động của ABBank. - Văn bản số 3506/VSDC-ĐKCP.NV ngày 27/3/2026 của VSDC về việc điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký – mã chứng khoán ABB.
Lần 23	7/2026	2.095.752.630	16.067.839.480	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026; Tờ trình ĐHĐCĐ và Phương án tăng mức vốn điều lệ; - Công văn số 5206/NHNN-QLGS ngày 17/6/2026 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của ABBank; - Nghị quyết HĐQT số 26/QĐ-HĐQT.26 ngày 19/6/2026 về việc Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Công văn số 5894/UBCK-QLCB ngày 25/6/2026 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của ABBank; - Công văn số 6722/UBCK-QLCB ngày 20/7/2026 của UBCKNN về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của ABBank; - Quyết định số 1728/QĐ-NHNN ngày 28/7/2026 của NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của ABBank; - Văn bản số 9898/VSDC-ĐKCP.NV ngày 30/7/2026 của VSDC về việc điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký – mã chứng khoán ABB.

(Nguồn: ABBank)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục liền trước năm 2026 và đến thời điểm hiện tại, ABBank không có khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Căn cứ Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2026 do VSDC cung cấp, danh sách Cổ đông của Ngân hàng TMCP An Bình gồm 19.476 Cổ đông, nắm giữ 1.606.783.948 cổ phần phổ thông đang lưu hành. Cơ cấu Cổ đông của Ngân hàng như sau:

Bảng 3: Cơ cấu Cổ đông tại ngày 30/9/2026

STT	Cổ đông	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**19.441**	**1.405.231.291**	**14.052.312.910.000**	**87,456**
1	Cổ đông tổ chức	39	271.244.555	2.712.445.550.000	16,881
2	Cổ đông cá nhân	19.402	1.133.986.736	11.339.867.360.000	70,575
II	**Cổ đông nước ngoài**	**35**	**201.552.657**	**2.015.526.570.000**	**12,544**
1	Cổ đông tổ chức	8	200.307.183	2.003.071.830.000	12,466
2	Cổ đông cá nhân	27	1.245.474	12.454.740.000	0,078
III	**Cổ phiếu Quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0**
IV	**Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**19.476**	**1.606.783.948**	**16.067.839.480.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2026 do VSDC cung cấp)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến ngày 30/9/2026, ABBank đang lưu hành 05 gói trái phiếu riêng lẻ đăng ký tại VSDC với tổng giá trị là 4.000 tỷ đồng, trong đó:

- Phát hành trước ngày 30/9/2026: 05 gói lưu hành với tổng giá trị 4.000 tỷ đồng. Trong đó, ngày 09/10/2026, ABBank đã thực hiện mua lại trước hạn 03 gói trái phiếu trị giá 3.500 tỷ đồng;

- Phát hành sau ngày 30/9/2026: Không phát sinh;

Do đó tính đến ngày 15/10/2026 ABBank chỉ còn 02 gói trái phiếu riêng lẻ đăng ký lưu ký tại VSDC đang lưu hành với giá trị là 500 tỷ đồng, thông tin các gói trái phiếu hiện còn đang lưu hành tính đến ngày 15/10/2026 như sau:

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành Ngày đáo hạn	Số lượng (trái phiếu) Mệnh giá (tỷ đồng / 1 trái phiếu)	Giá trị phát hành thành công (tỷ đồng) Giá trị đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất kỳ hiện tại (%)	Loại trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn
1	ABB12513	13/10/2025 13/10/2032	450 1	450 450	7,48	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm, là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 phù hợp quy định của Luật Các TCTD	Số tiền thu được từ các đợt phát hành Trái Phiếu được ABBank sử dụng để tăng vốn cấp 2, cụ thể để cho vay khách hàng cá nhân, doanh nghiệp tại ABBank phù hợp quy định pháp luật
2	ABB12514	27/10/2025	50	50	7,48	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được	Số tiền thu được từ các đợt phát hành Trái Phiếu được ABBank sử dụng để tăng vốn cấp 2, cụ

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành Ngày đáo hạn	Số lượng (trái phiếu) Mệnh giá (tỷ đồng / 1 trái phiếu)	Giá trị phát hành thành công (tỷ đồng) Giá trị đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất kỳ hiện tại (%)	Loại trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn
		27/10/2032	1	50		bảo đảm, là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 phù hợp quy định của Luật Các TCTD	thế để cho vay khách hàng cá nhân, doanh nghiệp tại ABBank phù hợp quy định pháp luật

(Nguồn: ABBank)

Trong đó, các trái phiếu có ngày phát hành trước và còn dư nợ tại ngày 30/6/2026 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt phát hành. Ý kiến của Kiểm toán viên như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với Thuyết minh số 2 - "Cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu" của Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu".*

Từ ngày 30/6/2026 đến ngày 30/9/2026, ABBank đã thực hiện mua lại trước hạn 01 gói trái phiếu trị giá 1.000 tỷ đồng và đáo hạn 01 gói trái phiếu trị giá 400 tỷ đồng phát hành ngày 28/9/2016 (ngày đáo hạn 28/9/2026) (được phát hành trước ngày Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt). Sau ngày 30/9/2026, 03 mã trái phiếu đăng ký, lưu ký tại VSDC được Tổ chức phát hành thực hiện mua lại trước hạn toàn bộ (theo đó, 03 mã trái phiếu này đã đáo hạn toàn bộ), cụ thể như sau:

STT	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn/Ngày mua lại	Số lượng (trái phiếu)	Mệnh giá (tỷ đồng / 1 trái phiếu)	Giá trị phát hành thành công (tỷ đồng)	Giá trị đáo hạn/Giá trị mua lại (tỷ đồng)
I	**Trái phiếu mua lại trước hạn**					
1	ABB12515	09/10/2026	300	1	300	300
2	ABB12516	09/10/2026	2.600	1	2.600	2.600
3	ABB12517	09/10/2026	600	1	600	600

STT	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn/Ngày mua lại	Số lượng (trái phiếu)	Mệnh giá (tỷ đồng / 1 trái phiếu)	Giá trị phát hành thành công (tỷ đồng)	Giá trị đáo hạn/Giá trị mua lại (tỷ đồng)
II	**Trái phiếu đáo hạn** ***(là các trái phiếu tại mục I đã được mua lại trước hạn toàn bộ)***					
1	ABB12515	09/10/2026	300	1	300	300
2	ABB12516	09/10/2026	2.600	1	2.600	2.600
3	ABB12517	09/10/2026	600	1	600	600

(Nguồn: ABBank)

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Giới hạn nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại: (i) Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, Nghị định 69/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2014/NĐ-CP; (ii) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Theo đó, giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ, trừ trường hợp nhà đầu tư chiến lược nước ngoài;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ;
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 30% vốn điều lệ.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty

Căn cứ Khoản 5, Điều 13 Điều lệ của ABBank được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/4/2025 (được sửa đổi, bổ sung, cập nhật lần gần nhất có hiệu lực từ ngày 28/7/2026), tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được quy định như sau: "*Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tại ABBank là 16,5% vốn điều lệ ABBank. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và Người có liên quan của nhà đầu tư đó tại ABBank; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ABBank thực hiện theo quy định chung của Chính phủ*".

Tổng mức giới hạn sở hữu nước ngoài đã được ABBank hoàn thành các thủ tục hồ sơ thông báo theo quy định (văn bản xác nhận việc nhận được hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài của UBCKNN theo Công văn số: 4735/UBCK-PTTT ngày 27/8/2025).

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Tại thời điểm ngày 30/9/2026, theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC cung cấp, số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng là 201.552.657 cổ phiếu, tương ứng 12,544% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

10. Hoạt động kinh doanh

Do số liệu tại các Bảng 12, 14, 15, 16, 17, 18 và 21 theo BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 của ABBank giống nhau nên nguồn tại các Bảng này được ghi theo BCTC riêng đã được kiểm toán.

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

ABBank cung cấp các dịch vụ đa dạng nhằm phục vụ tất cả các đối tượng khách hàng dựa trên ba phân khúc cốt lõi bao gồm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa & nhỏ và khách hàng doanh nghiệp. Các sản phẩm và dịch vụ chính bao gồm:

- Sản phẩm tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn; Tiền gửi thanh toán;
- Sản phẩm cho vay: cho vay sản xuất thương mại dịch vụ; cho vay mua nhà; cho vay sửa chữa, xây dựng, trang trí nội thất; cho vay trả góp, sinh hoạt, tiêu dùng; cho vay cầm cố sổ tiết kiệm và các sản phẩm dịch vụ cho vay khác;
- Thanh toán quốc tế: Thư tín dụng (L/C); Chuyển tiền; Nhờ thu; Kiều hối – MoneyGram;
- Các sản phẩm dịch vụ khác: chuyển tiền trong nước; kinh doanh ngoại tệ; dịch vụ ngân quỹ; thu chi hộ; bảo lãnh; xác nhận khả năng tài chính; Mobile Banking; Internet Banking, v.v…

Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.989.882	69,25	13.568.172	68,33	14.304.973	72,51
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	849.253	6,54	673.408	3,39	1.483.782	7,52
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối	2.116.592	16,31	2.072.068	10,43	1.041.366	5,28
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3.562	0,03	223	0,00	5.040	0,03
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	290.920	2,24	49.662	0,25	331.767	1,68
Thu nhập từ hoạt động khác	650.071	5,01	3.460.281	17,43	2.293.829	11,63
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	80.635	0,62	34.016	0,17	268.765	1,36
Tổng	**12.980.915**	**100**	**19.857.830**	**100**	**19.729.522**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.027.696	69,55	13.604.093	68,35
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	879.352	6,77	698.131	3,51
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối	2.116.592	16,31	2.072.068	10,41
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	6.407	0,05	3.108	0,02
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	290.920	2,24	49.662	0,25
Thu nhập từ hoạt động khác	646.787	4,98	3.460.511	17,39
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	11.296	0,09	15.314	0,08
Tổng	**12.979.050**	**100**	**19.902.887**	**100**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 của ABBank)

Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.997.322	65,43	5.052.802	58,89	4.038.207	51,75
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	528.464	11,54	295.623	3,45	765.621	9,81
Lợi nhuận từ kinh doanh ngoại hối	245.756	5,36	-1.546	-0,02	258.614	3,31
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	588	0,01	-839	-0,01	5.032	0,06
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	109.475	2,39	-104.237	-1,21	195.801	2,51
Lãi thuần từ hoạt động khác	618.929	13,51	3.304.193	38,51	2.270.727	29,10
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	80.635	1,76	34.016	0,40	268.765	3,44
Tổng	**4.581.169**	**100**	**8.580.012**	**100**	**7.802.767**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

Bảng 7: Cơ cấu Lợi nhuận (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.035.257	67,14	5.088.792	59,41
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	499.749	11,06	260.547	3,04
Lãi từ kinh doanh ngoại hối	245.756	5,44	-1.546	-0,02
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3.385	0,07	2.007	0,02
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	109.475	2,42	-104.237	-1,22
Thu nhập từ hoạt động khác	615.635	13,62	3.304.400	38,58
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	11.296	0,25	15.314	0,18
Tổng	**4.520.553**	**100**	**8.565.277**	**100**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 của ABBank)

10.1.2. Huy động vốn

Huy động vốn là một hoạt động được ABBank chú trọng. Các sản phẩm huy động vốn của Ngân hàng theo định hướng đa dạng và tối ưu hóa chi phí vốn, đồng thời nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ số. ABBank tập trung phát triển các sản phẩm tiền gửi linh hoạt, phù hợp với nhu cầu tích lũy và đầu tư của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Song song với đó, ABBank đẩy mạnh các giải pháp quản lý dòng tiền và thanh toán, góp phần gia tăng nguồn tiền gửi thanh toán và củng cố nền tảng nguồn vốn bền vững.

Thị trường 1: Là mảng thị trường tập trung vào các đối tượng là cá nhân và các tổ chức kinh tế. Ngoài các sản phẩm huy động truyền thống, ABBank không ngừng đưa ra các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích, cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của cá nhân và tổ chức như: (i) chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, (ii) trái phiếu. Ngoài ra, nhờ có chính sách lãi suất phù hợp cùng với các chương trình khuyến mãi với quà tặng hấp dẫn và mạng lưới hoạt động rộng khắp trong cả nước, thương hiệu của ABBank đã chiếm được vị trí vững chắc trong tiềm thức dân cư và các doanh nghiệp nên việc huy động vốn cũng trở nên thuận lợi.

Thị trường 2: Là mảng thị trường tập trung vào các định chế tài chính. Bên cạnh việc kinh doanh liên ngân hàng, ABBank còn nhận vốn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các dự án trọng điểm, đóng góp chung vào sự phát triển của nền kinh tế.

Hoạt động huy động vốn của ABBank biến chuyển tốt qua các năm và tập trung chủ yếu vào khu vực dân cư và các tổ chức kinh tế, duy trì tỷ trọng hợp lý giữa nguồn vốn huy động từ thị trường 1 và thị trường 2, từ đó nâng cao dự trữ thanh khoản và thực hiện đúng chiến lược tái cơ cấu bảng cân đối của ABBank.

Bảng 8: Nguồn vốn huy động (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	3.732.769	2,29	6.741.277	3,31	1.198.736	0,47
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	45.930.839	28,23	31.118.108	15,28	65.214.774	25,78
Tiền gửi của khách hàng	90.729.587	55,77	133.421.056	65,50	152.913.845	60,45
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	381.690	0,23	11.130	0,01	0,00	0,00
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	9.364	0,01	3.313	0,00	1.391	0,00
Phát hành giấy tờ có giá	19.230.000	11,82	27.800.183	13,65	27.395.071	10,83
Các khoản nợ khác	2.668.329	1,64	4.593.293	2,26	6.225.972	2,46
Tổng	**162.682.578**	**100**	**203.688.360**	**100**	**252.949.789**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

Bảng 9: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	3.732.769	2,29	6.741.277	3,31
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	45.930.839	28,23	31.118.108	15,28
Tiền gửi của khách hàng	90.719.121	55,76	133.411.372	65,50
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	381.690	0,23	11.130	0,01
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	9.364	0,01	3.313	0,00
Phát hành giấy tờ có giá	19.230.000	11,82	27.800.183	13,65
Các khoản nợ khác	2.685.098	1,65	4.608.653	2,26
Tổng	**162.688.881**	**100**	**203.694.036**	**100**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 của ABBank)

Bảng 10: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	152.469.018	99,83	190.335.913	99,98	238.554.215	99,94
Ngoài nước	256.446	0,17	44.446	0,02	139.773	0,06
Tổng cộng	**152.725.464**	**100**	**190.380.359**	**100**	**238.693.988**	**100**

(Nguồn: ABBank)

10.1.3. Hoạt động tín dụng

ABBank luôn chủ trương cấp tín dụng an toàn, thận trọng và phân tán, nhằm giảm thiểu rủi ro. Việc tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, không cạnh tranh bằng cách nới lỏng điều kiện tín dụng. ABBank theo đuổi chiến lược bán lẻ và tập trung phát triển thúc đẩy cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tổng dư nợ của Ngân hàng giai đoạn từ năm 2024 đến hết Quý III năm 2026 như sau:

Tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn

Bảng 11: Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn vốn

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Tổng dư nợ cho vay (triệu đồng)	98.738.176	113.891.373	134.591.803
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (%)	10,03	11,40	12,75
Tỷ lệ nợ quá hạn (theo quy định của NHNN từng thời kỳ) (%)	3,30	1,00	1,75
Tỷ lệ nợ xấu (theo quy định của NHNN từng thời kỳ) (%)	2,48	0,53	0,80
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	68,02	62,55	55,62

(Nguồn: ABBank)

Tỷ lệ nợ khó đòi

Bảng 12: Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	93.607.645	94,80	112.024.831	98,36	130.384.906	96,87
Nợ cần chú ý	1.439.320	1,46	869.441	0,76	2.296.591	1,71
Nợ dưới tiêu chuẩn	630.133	0,64	177.703	0,16	541.670	0,40
Nợ nghi ngờ	954.041	0,97	250.317	0,22	375.610	0,28
Nợ có khả năng mất vốn	2.107.037	2,13	569.081	0,50	993.026	0,74
Tổng cộng	**98.738.176**	**100**	**113.891.373**	**100**	**134.591.803**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập Dự phòng rủi ro tín dụng

Bảng 13: Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
Dự phòng chung	724.734	849.917	1.001.991	724.734	849.917
Dự phòng cụ thể	981.156	350.161	655.669	981.156	350.161
Tổng cộng	**1.705.890**	**1.200.078**	**1.657.660**	**1.705.890**	**1.200.078**

(Nguồn: ABBank)

Phân loại hoạt động tín dụng

- *Theo thời hạn*

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	58.571.030	59,32	71.492.194	62,77	88.680.973	65,89
Nợ trung hạn	19.110.583	19,35	18.288.425	16,06	16.479.248	12,24
Nợ dài hạn	21.056.563	21,33	24.110.754	21,17	29.431.582	21,87
Tổng cộng	**98.738.176**	**100**	**113.891.373**	**100**	**134.591.803**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

- *Theo tiền tệ*

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo loại tiền tệ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bằng VND	96.811.407	98,05	112.721.680	98,97	132.947.900	98,78
Bằng ngoại tệ	1.926.769	1,95	1.169.693	1,03	1.643.903	1,22
Tổng cộng	**98.738.176**	**100**	**113.891.373**	**100**	**134.591.803**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

- *Theo ngành nghề*

Bảng 16: Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	15.350.871	15,55	27.203.176	23,89	27.857.054	20,70
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.179.833	11,32	13.419.895	11,78	7.440.646	5,53
Xây dựng	7.681.082	7,78	6.873.109	6,03	5.880.493	4,37
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6.971.186	7,06	8.069.127	7,08	6.625.023	4,92
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	4.275.573	4,33	2.890.704	2,54	11.631.037	8,64
Thông tin và truyền thông	2.609.604	2,64	142.604	0,13	131.733	0,10
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.886.807	1,91	1.061.488	0,93	48.028	0,04
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	930.574	0,94	640.008	0,56	521.805	0,39
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	493.490	0,50	874.252	0,77	288.096	0,21
Vận tải kho bãi	447.202	0,45	697.059	0,61	345.483	0,26
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	352.129	0,36	491.928	0,43	78.517	0,06
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	285.138	0,29	422.090	0,37	125.964	0,09
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	149.846	0,15	1.231.152	1,08	590.123	0,44
Khai khoáng	124.421	0,13	12.720	0,01	1.072	0,00
Giáo dục và đào tạo	45.999	0,05	290.139	0,25	135.479	0,10
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	43.092	0,04	605.098	0,53	198.161	0,15
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	36.023	0,04	108.703	0,10	65.373	0,05
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	1.730	0,0018	16.060	0,0141	0	0,00
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản	475	0,0005	0	0,0000	355.259	0,26

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình						
Hoạt động của các tổ chức, cơ quan quốc tế	0	0,00	2.110	0,00	0	0,00
Hoạt động dịch vụ khác	2.552.689	2,59	2.846.936	2,50	90.091	0,07
Cho vay cá nhân *(*)*	43.320.412	43,87	45.993.015	40,38	72.182.365	53,63
Tổng cộng	**98.738.176**	**100**	**113.891.373**	**100**	**134.591.803**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

(*) Mục Cho vay cá nhân chỉ bao gồm các khoản cho vay cá nhân phục vụ đời sống tiêu dùng.

- *Theo đối tượng khách hàng*

Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Cá nhân	43.320.412	43,87	63.229.925	55,52	80.197.488	59,6
Công ty cổ phần	35.922.414	36,38	27.586.988	24,22	32.756.008	24
Công ty trách nhiệm hữu hạn	17.972.245	18,20	21.979.623	19,30	20.472.643	15
Doanh nghiệp nhà nước	1.020.090	1,03	620.113	0,54	685.454	1
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	496.736	0,50	441.859	0,39	480.210	0,4
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	6.279	0,01	867	0,00	0	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Công ty hợp danh	0	0,00	31.998	0,03	0	0,00
Tổng cộng	**98.738.176**	**100**	**113.891.373**	**100**	**134.591.803**	**100**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

10.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

ABBank đủ điều kiện cung ứng các dịch vụ ngoại hối sau:

- Cung cấp các giao dịch hối đoái dưới hình thức giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi,

quyền lựa chọn, hợp đồng tương lai và các giao dịch hối đoái khác theo thông lệ quốc tế;
- Huy động vốn, cho vay và bảo lãnh bằng ngoại tệ dưới các hình thức theo quy định của NHNN;
- Phát hành, đại lý phát hành thẻ quốc tế;
- Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán (trong nước và quốc tế); nhận và chi, trả ngoại tệ;
- Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bằng ngoại tệ;
- Ủy nhiệm cho tổ chức tín dụng khác và tổ chức kinh tế làm đại lý cung ứng một số dịch vụ ngoại hối, bao gồm dịch vụ đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ và các dịch vụ khác;
- Cung cấp các dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản bằng ngoại hối;
- Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư bằng ngoại hối (mua, bán, sáp nhập, bảo lãnh và làm đại lý phát hành chứng khoán ngoại tệ, v.v.);
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;
- Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác theo thông lệ quốc tế và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Bảng 18: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Thu nhập từ dịch vụ thanh toán	307.513	528.443	1.048.963
Chi về dịch vụ thanh toán	233.326	298.701	675.469
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	245.756	-1.546	258.614
Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán	73.187	229.742	373.494

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

- **Dịch vụ thanh toán quốc tế và trong nước**

Thời gian qua, ABBank đẩy mạnh tối ưu hóa và tự động hóa quy trình trong hoạt động thanh toán liên ngân hàng, đáp ứng tiêu chuẩn dịch vụ ngày càng cao của Khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ và tính cạnh tranh sản phẩm dịch vụ Ngân hàng. ABBank đã cập nhật và nâng cấp hệ thống lõi và hệ thống Thanh toán, chuẩn hóa tin điện theo chuẩn của NHNN, tăng độ tin cậy, chính xác và an toàn trong giao dịch, đồng thời áp dụng các công cụ tối ưu hóa vận hành để tinh gọn và tối ưu quy trình. ABBank là một trong số rất ít Ngân hàng trên thị trường ứng dụng công nghệ Robotics Automation Process (RPA) vào trong hoạt động nghiệp vụ thanh toán, giúp nâng cao khả năng tự động hóa trong hoạt động thanh toán.

Đối với mảng dịch vụ thanh toán quốc tế, ABBank không ngừng cải tiến hệ thống cũng như sản phẩm để đưa tới cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất. ABBank luôn là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc triển khai các sáng kiến giải pháp của SWIFT như SWIFT GPI, Swift payment prevalidation, Swift Go, mang lại những tiện ích vượt trội về tốc độ xử lý cũng như an toàn giao dịch. Liên tiếp các năm 2024, 2025, ABBank được Wells Fargo, JPMorgan Chase là các ngân hàng Đại lý hàng đầu thế giới trao tặng giải thưởng về chất lượng dịch vụ Thanh toán quốc tế. Trong nội bộ, ABBank cũng chú trọng nâng cấp phát triển hệ thống, cải tiến sản phẩm, quy trình để đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng nhưng đồng thời cũng kiểm soát chặt chẽ rủi ro và tuân thủ các quy định của NHNN cũng như các quy định quốc tế. Hệ thống luân chuyển chứng từ BPM mới đưa

vào sử dụng trong tháng 9/2026 đem lại nhiều tiện ích, hỗ trợ đắc lực cho công tác vận hành nhanh chóng và hiệu quả.

Bảng 19: Hoạt động thanh toán quốc tế và trong nước từ năm 2024 đến 30/9/2026

Nghiệp vụ	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	30/9/2026
Chuyển tiền trong nước đi	Nghìn tỷ VND	6.134	11.015	9.867
Chuyển tiền trong nước về	Nghìn tỷ VND	5.685	11.173	9.765
Chuyển tiền quốc tế đi	triệu USD	583	474	421
Chuyển tiền quốc tế về	triệu USD	1.073	1.105	860
Thanh toán TTTM xuất khẩu	triệu USD	83	103	37
Thanh toán TTTM nhập khẩu	triệu USD	188	190	298

(Nguồn: ABBank)

- **Dịch vụ kinh doanh ngoại hối**

ABBank liên tục duy trì trạng thái ngoại tệ trong mức quy định của NHNN. Doanh thu từ loại dịch vụ này chủ yếu từ các hợp đồng giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, v.v. ABBank đã thiết lập các hạn mức trạng thái cho từng loại ngoại tệ và được theo dõi tập trung tại Hội sở chính. Ngoài ra, các biện pháp phòng ngừa rủi ro cũng được áp dụng để đảm bảo trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Về hoạt động kinh doanh ngoại tệ, ABBank luôn ưu tiên nguồn lực để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu về giao dịch ngoại tệ của khách hàng.

10.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện nay, ABBank đã có quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại khoảng 58 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các ngân hàng lớn có mạng lưới chi nhánh rộng khắp trên thế giới cũng đã thiết lập quan hệ đại lý với ABBank, ví dụ như JP Morgan Chase, Commerzbank, Standard Chartered Bank, ANZ, WellsFargo v.v. Các định chế tài chính phát triển như IFC, ADB, Norfund, DEG cũng đã cấp hạn mức bảo lãnh, vay vốn cho ABBank nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

Ngân hàng thực hiện mở và duy trì tài khoản Nostro của các ngoại tệ mạnh như USD, EUR, JPY, AUD, SGD, CNY, CAD tại các ngân hàng quốc tế hàng đầu, nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho ABBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ LC, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. Việc ABBank không ngừng thúc đẩy quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý trên toàn cầu đã tạo nền tảng vững chắc cho ngân hàng trong việc xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại. Nhờ đó, ABBank đã liên tục được các định chế tài chính uy tín ghi nhận và trao tặng nhiều giải thưởng danh giá trong lĩnh vực này suốt nhiều năm qua.

Năm 2025, ABBank vinh dự được Ngân hàng Wells Fargo trao tặng Giải thưởng "Chất lượng Thanh toán Quốc tế Xuất sắc", ghi nhận nỗ lực và thành tích nổi bật của ABBank trong việc duy trì tỷ lệ điện thanh toán đạt chuẩn cao (luôn trên 99,9%), đảm bảo tốc độ, độ chính xác và an

toàn trong xử lý giao dịch quốc tế. Giải thưởng này chính là sự ghi nhận của một trong những định chế tài chính nước ngoài hàng đầu trên thế giới và uy tín về tốc độ xử lý giao dịch thanh toán chuyển tiền của ABBank ngày càng được nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng.

ABBank vinh dự được nhận giải "Chất lượng điện Thanh toán quốc tế xuất sắc 2025" do JP Morgan trao tặng. Đây là năm thứ hai liên tiếp (2024–2025) ABBank nhận danh hiệu này. Giải thưởng ghi nhận sự xuất sắc trong việc xử lý tự động các điện thanh toán quốc tế - với tỷ lệ điện thanh toán quốc tế đạt chuẩn xuyên suốt năm 2025 lên tới 100% của ABBank thể hiện hệ thống công nghệ hiện đại, năng lực vận hành ổn định và đội ngũ nghiệp vụ chuyên nghiệp.

Những giải thưởng này là minh chứng cho cam kết lâu dài của ABBank trong việc mang đến trải nghiệm thanh toán quốc tế an toàn, chuyên nghiệp và đạt chuẩn toàn cầu cho khách hàng, đồng thời thể hiện vị thế ngày càng vững mạnh của ABBank trên thị trường tài chính quốc tế.

10.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

Hoạt động đầu tư kinh doanh khác của ABBank bao gồm (i) chứng khoán kinh doanh, (ii) chứng khoán đầu tư, (iii) góp vốn, mua cổ phần và các hoạt động khác.

- *Chứng khoán kinh doanh*

Bảng 20: Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3.562	223	5.040	6.407	3.108
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2.974	1.062	8	3.022	1.101
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**588**	**-839**	**5.032**	**3.385**	**2.007**

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

- *Chứng khoán đầu tư*

Bảng 21: Chứng khoán đầu tư

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	290.920	49.662	275.316
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	51.360	280.448	135.967
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-14.241	-23.451	56.451
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	-115.844	150.000	0
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**109.475**	**-104.237**	**195.801**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

- *Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần*

Bảng 22: Góp vốn, mua cổ phần

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ góp vốn, mua cổ phần	80.635	34.016	13.765	11.296	15.314
Đầu tư vào công ty con	*69.339*	*18.702*	*0*	*0*	*0*
Đầu tư dài hạn khác	*11.296*	*15.314*	13.765	11.296	*15.314*
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	0	0	255.000	0	0
Tổng	**80.635**	**34.016**	**268.765**	**11.296**	**15.314**

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

- *Lãi thuần từ các hoạt động khác*

Bảng 23: Các hoạt động khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất	
	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
Thu nhập từ hoạt động khác	650.071	3.460.281	2.293.829	646.787	3.460.511
Chi phí hoạt động khác	31.142	156.088	23.102	31.152	156.111
Lãi thuần từ hoạt động khác	**618.929**	**3.304.193**	**2.270.727**	**615.635**	**3.304.400**

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

10.2. Tài sản

Bảng 24: Giá trị Tài sản cố định (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản hữu hình**	**1.334.260**	**585.367**	**1.352.346**	**561.572**	**1.367.655**	**538.789**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	490.578	353.975	513.285	366.357	513.114	358.279
2	Máy móc và thiết bị	636.510	187.520	632.908	161.751	653.586	151.404
3	Phương tiện vận chuyển	164.196	35.877	162.336	27.829	158.039	24.161

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/9/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	31.748	4.558	32.995	3.236	34.964	3.501
5	Tài sản cố định khác	11.228	3.437	10.822	2.399	7.952	1.444
II	**Tài sản vô hình**	**869.013**	**481.647**	**983.088**	**541.812**	**989.040**	**508.222**
1	Quyền sử dụng đất	346.394	336.027	346.394	333.918	346.394	332.335
2	Phần mềm máy vi tính	521.741	145.620	544.841	129.239	550.794	105.760
3	Tài sản vô hình khác	878	0	91.853	78.655	91.852	70.127
	Tổng cộng	**2.203.273**	**1.067.014**	**2.335.434**	**1.103.384**	**2.356.695**	**1.047.011**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

Bảng 25: Giá trị tài sản cố định (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản hữu hình**	**1.335.517**	**585.486**	**1.353.557**	**561.633**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	490.578	353.975	513.285	366.357
2	Máy móc và thiết bị	636.510	187.520	632.908	161.751
3	Phương tiện vận chuyển	165.321	35.877	163.461	27.829
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	31.880	4.677	33.081	3.297
5	Tài sản cố định khác	11.228	3.437	10.822	2.399
II	**Tài sản vô hình**	**869.013**	**481.647**	**983.088**	**541.812**
1	Quyền sử dụng đất	346.394	336.027	346.394	333.918
2	Phần mềm máy vi tính	521.741	145.620	544.841	129.239
3	Tài sản vô hình khác	878	0	91.853	78.655
	Tổng cộng	**2.204.530**	**1.067.133**	**2.336.645**	**1.103.445**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 của ABBank)

Bảng 26: Danh mục một số khu đất lớn thuộc sở hữu của ABBank

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
1	170 Hai Bà Trưng, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở	Làm trụ sở ABBank TP.HCM
2	126 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Lò Đúc

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
3	25 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Trước đây làm trụ sở ABBank Sóc Trăng, hiện đang tạm để trống
4	222-224 Hùng Vương, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Làm trụ sở ABBank Long An
5	255 Lê Duẩn, Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Đà Nẵng
6	370 Lê Hồng Phong, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Vũng Tàu
7	268-270 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Bình Thuận
8	Bản Hua Mường, Xã Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Sốp Cộp
9	Tiểu khu 4, Xã Mai Sơn, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Mai Sơn
10	300 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Bình Dương
11	26 Hà Nội, Phường Thuận Hóa, TP. Huế	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Thừa Thiên Huế
12	450 đường Chu Văn Thịnh, tổ 12, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Quyết Thắng
13	Số 03 đường Tô Hiệu, tổ 4, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Sơn La
14	212, đường Trần Huy Liệu, tổ dân phố 7, Phường Mộc Sơn, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Mộc Châu
15	180, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ 5, Xã Sông Mã, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Sông Mã
16	Lô 3+4, tòa A8, dự án An Bình city, Số 232 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, TP. Hà Nội	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở	Làm trụ sở ABBank Nam Thăng Long
17	Tầng 1 tòa nhà Gemek Tower, Lô A44-HH2, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, TP. Hà Nội	Văn bản chuyển nhượng	Làm trụ sở ABBank An Khánh
18	Thửa đất số 341 tờ bản đồ số 12, diện tích 1.500,0m2 tại đường Lê Nin, Phường Hưng Dũng, TP. Vinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Dự kiến làm trụ sở ABBank Nghệ An
19	Sàn thương mại tầng 1 và 2 thuộc dự án Gelexia Riverside tại ô quy hoạch	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng	Làm trụ sở ABBank Nam Hà Nội

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
	C11/ODK2 tòa nhà CT2A gồm 2 phần diện tích thương mại CT2A-1-6.1 và CT2A-2-6.2, 885 Tam Trinh, Phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội	đất ở	
20	Tầng 1 - 2, Tòa An Bình Plaza, số 97 Trần Bình, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Làm trụ sở ABBank Tây Hà Nội
21	41 Bà Triệu, Phường Vỹ Dạ, TP. Huế	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Tài sản thu hồi nợ
22	Tổ 11 Phường Chiền Lề, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn la	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Tài sản thu hồi nợ

(Nguồn: ABBank)

10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

10.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Quản lý rủi ro tín dụng

Trong năm 2025, ABBank tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các chính sách, quy định nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và các quy định pháp luật, các định hướng tín dụng của Ngân hàng.

Để nâng cao năng lực quản trị rủi ro, ABBank từng bước ứng dụng phân tích dữ liệu hành vi khách hàng, am hiểu khách hàng để phục vụ ra quyết định kinh doanh nhanh chóng, chính xác từ quản trị đến điều hành. ABBank đã ứng dụng các mô hình đo lường ước tính tổn thất tín dụng: PD, LGD, EAD, EL trong việc lựa chọn khách hàng, quản trị danh mục, dự báo chất lượng tín dụng, ước lượng chi phí dự phòng; ứng dụng các mô hình phê duyệt trước, phê duyệt tự động dựa trên dữ liệu hành vi và lịch sử tín dụng nội bộ – nhằm vừa rút ngắn thời gian phê duyệt, vừa kiểm soát rủi ro ở cấp danh mục. Dựa trên phân tích danh mục hiện hữu để xác định nhóm khách hàng tiềm năng cho upsell/cross-sell cả mảng tín dụng và phi tín dụng, đồng thời giảm dần tỷ trọng các phân khúc rủi ro cao, dịch chuyển danh mục khách hàng theo hướng nâng cao chất lượng. Đồng thời dựa trên các mô hình phân tích đánh giá để phân khúc các khách hàng và xây dựng các chính sách rủi ro phù hợp với đặc điểm của từng phân khúc.

ABBank thực hiện công tác kiểm soát, theo dõi thường xuyên, liên tục các chỉ tiêu an toàn và đưa ra các cảnh báo kịp thời việc tuân thủ hạn mức rủi ro; cung cấp đầy đủ thông tin, báo cáo rủi ro tín dụng cho NHNN, Cổ đông chiến lược Maybank, HĐQT, RMC, Ban Điều hành.

Tất cả sản phẩm, chính sách và chương trình tín dụng đều được áp dụng theo chính sách về mức độ rủi ro – hiệu quả. Sản phẩm sẽ được đánh giá và phân loại theo các ngưỡng rủi ro - cảnh báo và được giám sát chặt chẽ. Việc phân tích dữ liệu nội bộ và dữ liệu bên ngoài xác định sớm khách hàng có tiềm năng và rủi ro tiềm ẩn và có hành động phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro.

Quản trị rủi ro hoạt động

ABBank tiếp tục vận hành khung quản lý rủi ro theo mô hình ba tuyến bảo vệ. Đồng thời, HĐQT đóng vai trò giám sát cấp cao đối với công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng thông qua việc phê duyệt và định kỳ rà soát các chính sách về QLRR hoạt động và các văn bản QLRR hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của ABBank. HĐQT đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện của Ban Điều hành nhằm đảm bảo sự kết nối liên tục trong toàn bộ hoạt động quản lý rủi ro của ABBank.

Công tác quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng số vẫn được đặc biệt quan tâm thông qua việc đánh giá rủi ro và rủi ro gian lận trong các sản phẩm và tính năng của khối Ngân hàng số và dữ liệu, giúp ABBank vận hành các dự án công nghệ hiệu quả hơn.

Việc chủ động nắm bắt và kiểm soát rủi ro cũng được ABBank đẩy mạnh thông qua hình thức tuyên truyền, cảnh báo trước đến CBNV về những thủ đoạn lừa đảo ngày càng tinh vi của tội phạm trong thời đại công nghệ số. Việc thiết lập và thúc đẩy văn hóa quản lý rủi ro trong ngân hàng đảm bảo tạo ra sự kết nối giữa các tuyến bảo vệ, giúp mỗi cá nhân/đơn vị hiểu rõ vai trò trách nhiệm của mình trong công tác phòng ngừa giảm thiểu rủi ro, tạo cách thức giao tiếp chủ động và minh bạch bằng cách khuyến khích nhân viên báo cáo và trao đổi trung thực các vấn đề phát sinh hàng ngày tại ABBank để đạt được kết quả tích cực.

Phát triển và thực hiện các chương trình đào tạo về quản lý rủi ro từ cơ bản đến chuyên sâu, xuyên suốt trên toàn hàng nhằm đảm bảo những nguyên tắc trọng yếu trong công tác quản lý rủi ro được hiểu đúng và thực thi một cách nhất quán. Việc này cũng giúp trang bị kiến thức để tất cả cán bộ nhân viên đều có thể nhận biết các nguy cơ về rủi ro phát sinh trong môi trường làm việc hàng ngày, từ đó nâng cao chất lượng quản lý rủi ro.

Nhằm hỗ trợ kịp thời ĐVKD trong việc duy trì kinh doanh liên tục, ABBank đã luôn duy trì cơ chế thường xuyên ứng trực, điều phối các Đơn vị kinh doanh thực thi các phương án hoạt động trong trường hợp xảy ra các sự cố, áp dụng các phương án phục hồi để khôi phục lại việc kinh doanh đang bị ảnh hưởng bởi sự cố, đảm bảo hệ thống được tái vận hành trong thời gian ngắn nhất và giảm thiểu tác động đến các hoạt động kinh doanh khác. Trong năm 2026, ABBank đã lên kế hoạch diễn tập Ứng phó Cướp/Khủng bố tại 7 ĐVKD phân bố khắp các khu vực Bắc – Trung – Nam. Tính đến 6 tháng đầu năm 2026, ABBank đã hoàn thành diễn tập tại 2 trong số 7 ĐVKD. Chương trình nhận được sự hưởng ứng tích cực từ các ĐVKD, giúp CBNV có thêm kỹ năng mềm để ứng phó trước các tình huống nguy hiểm, đe dọa an ninh Ngân hàng.

Rủi ro thị trường

ABBank tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro thị trường theo yêu cầu của Thông tư 83/2025/TT-NHNN. Ngân hàng duy trì hệ thống hạn mức rủi ro, khẩu vị rủi ro và các ngưỡng cảnh báo rủi ro. Trong năm 2026, ABBank tăng cường công tác giám sát, dự báo và cảnh báo sớm rủi ro thị trường thông qua việc phát triển các mô hình định lượng phục vụ công tác quản trị rủi ro. Đáng chú ý, Ngân hàng đã xây dựng mô hình dự báo đường cong lợi suất trái phiếu chính phủ, tạo nền tảng cho việc nhận diện sớm các biến động của thị trường lãi suất, hỗ trợ đánh giá rủi ro danh mục đầu tư, đo lường tác động đến thu nhập và giá trị kinh tế vốn, đồng thời phục vụ công tác kiểm tra sức chịu đựng (Stress Testing) theo các kịch bản thị trường bất lợi.

ABBank cũng không ngừng hoàn thiện các mô hình, phương pháp luận và công cụ định lượng nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, đáp ứng yêu cầu quản trị ngày càng cao trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động. Song song với đó, ABBank đã triển khai nhiều sáng kiến ứng dụng công nghệ và tự động hóa trong công tác quản trị rủi ro. Các công cụ được phát triển trên nền tảng Python góp phần tự động hóa quy trình tổng hợp và xử lý dữ liệu, chuẩn hóa nguồn dữ liệu phục vụ đo lường rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro đối tác, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát, tăng tính chính xác của báo cáo và rút ngắn đáng kể thời gian xử lý, cung cấp thông tin quản trị kịp thời cho công tác điều hành và ra quyết định.

Bên cạnh việc tuân thủ đầy đủ ba trụ cột của Basel II, ABBank từng bước hoàn thiện khung quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, trong đó ABBank tiếp tục rà soát, bổ sung phương pháp luận cũng như nâng cấp công cụ dùng để đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB) nhằm phù hợp với định hướng của Basel và lộ trình quy định tại Thông tư 83/2025/TT-NHNN của NHNN. Song song với việc tuân thủ các tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định Thông tư 22/2019/TT-NHNN của NHNN và các văn bản bổ sung sửa đổi, ABBank thực hiện theo dõi nội bộ hai chỉ số quản lý rủi ro thanh khoản theo chuẩn Basel III, bao gồm Tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản (LCR) và Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR), đồng thời áp dụng các chỉ tiêu quản trị nội bộ theo hướng thận trọng và chặt chẽ hơn so với yêu cầu tối thiểu.

10.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Tình hình thực hiện

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được ABBank đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Trước xu hướng của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 nói chung và chuyển dịch số của ngành Ngân hàng nói riêng, Quản trị rủi ro chủ động, hiệu quả là nền tảng quan trọng trong giai đoạn chuyển đổi của ABBank. Ngân hàng tuân thủ đầy đủ hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm 03 tuyến bảo vệ độc lập, tăng cường quản trị rủi ro thông minh gắn với mô hình, công cụ, dữ liệu.

ABBank đang thực hiện tính toán và quản lý tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tuân thủ quy định của Thông tư 14/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 của Ngân hàng nhà nước. ABBank đạt 11,4% CAR vào cuối năm 2025, cao hơn so với quy định tối thiểu 8% của Ngân hàng Nhà nước.

Giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Trong năm 2026, Ngân hàng đã bắt đầu triển khai Dự án Tính toán vốn bằng phương pháp xếp hạng nội bộ theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN nhằm tăng cường năng lực đo lường và quản trị rủi ro, tăng cường quản trị mô hình và quản trị dữ liệu rủi ro, chuẩn hóa hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn Basel III. Qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch, năng lực và sức chống chịu rủi ro của Ngân hàng.

Đồng thời, khung văn bản quản trị rủi ro và hệ thống quản lý rủi ro được Ngân hàng tiếp tục kiện toàn, đảm bảo quản lý toàn diện, đầy đủ các rủi ro trọng yếu trong hoạt động Ngân hàng (Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro lãi suất sổ Ngân hàng, rủi ro tập trung…); Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng, cập nhật định kỳ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược kinh doanh và thực tiễn hoạt động của Ngân hàng.

10.4. Thị trường hoạt động

10.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Ngân hàng TMCP An Bình được thành lập ngày 13/05/1993, với tầm nhìn trở thành một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam tập trung vào lĩnh vực bán lẻ. Theo đuổi chiến lược hoạt động gắn với hiệu quả và bền vững cùng phương châm "lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động kinh doanh", trong suốt chặng đường hơn 32 năm phát triển, ABBank luôn được đánh giá là một Ngân hàng uy tín, là người đồng hành tận tâm, đáng tin cậy của các Khách hàng, Đối tác và Nhà đầu tư. Hiện nay, mạng lưới của ABBank đã được mở rộng lên tới 165 điểm giao dịch (bao gồm 35 chi nhánh và 130 phòng giao dịch) và vươn tới 8 vùng trên cả nước.

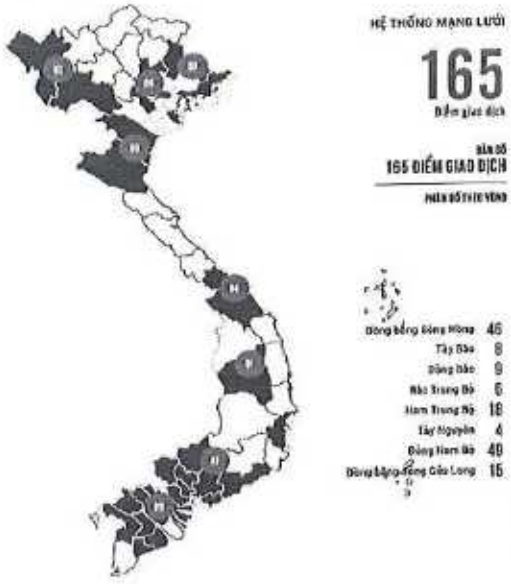

(Nguồn: ABBank)

Với mục tiêu chiến lược trở thành một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam, tập trung vào lĩnh vực bán lẻ, ABBank tập trung rà soát và nâng cao hiệu quả của mạng lưới các chi nhánh và phòng giao dịch hiện hữu trước khi triển khai kế hoạch mở mới theo định hướng từ NHNN, mặt khác ABBank sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới đến các địa bàn trọng yếu, đặc biệt là các tỉnh/thành phố tại khu vực phía Bắc có tốc độ tăng trưởng tốt cũng như được đánh giá cao về môi trường kinh doanh, đầu tư.

10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Khách hàng của ABBank khá đa dạng từ khách hàng cá nhân đến khách hàng doanh nghiệp trong nước, quốc tế, các định chế tài chính, các tổ chức tín dụng… Năm 2024 số lượng KHCN và SME tăng lần lượt 7,17% và 4,81% so với năm 2023. Với định hướng hoạt động kinh doanh tập trung chuyển đổi số mạnh mẽ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, số lượng giao dịch trên kênh ngân hàng số đạt 52,5 triệu giao dịch/năm, tăng 70,08% so với năm trước.

Trong năm 2025, số lượng khách hàng cá nhân mới trên mảng Ngân hàng số tăng 92% so với năm 2024; tổng giao dịch trên kênh số đạt 75 triệu giao dịch, tăng 36,4%, số lượng giao dịch thanh toán hóa đơn tăng 114%. Đối với mảng Ngân hàng số doanh nghiệp, số lượng khách hàng mới tăng 95% so với năm 2024, 76% giao dịch chuyển tiền quốc tế được thực hiện online ngay trong năm đầu ra mắt.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, ABBank tiếp tục mở rộng tập khách hàng và phát triển hệ sinh thái dịch vụ trên các nền tảng số dành cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Trong Quý III/2026, Ngân hàng thu hút khoảng 118 nghìn khách hàng cá nhân mới, tăng 50% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khoảng 80% khách hàng mới đến từ các chương trình và đối tác số. Số lượng khách hàng sử dụng ứng dụng ABBank tăng 30%, số lượng giao dịch trên kênh số tăng 42% và tỷ lệ khách hàng mới phát sinh hoạt động trong tháng đầu tiên tăng 10% so với cùng kỳ năm trước.

ABBank tiếp tục mở rộng các kênh tiếp cận khách hàng thông qua chương trình giới thiệu khách hàng, hợp tác mở tài khoản với Viettel Store và các chương trình trải nghiệm thương hiệu; đồng thời bổ sung các tính năng, tiện ích về thẻ và thanh toán trên ứng dụng ABBank, bao gồm kho ưu đãi, theo dõi quá trình phát hành thẻ, tra cứu lịch sử giao dịch và sao kê thẻ tín dụng. Trong kỳ, Ngân hàng ra mắt Giải pháp Tích lũy An Gia, kết hợp giữa tiết kiệm và đầu tư, với khoảng 12.000 khách hàng đã sử dụng sản phẩm.

Đối với khách hàng doanh nghiệp, ABBank tiếp tục phát triển nền tảng ABBank Business và mở rộng tập khách hàng thông qua hợp tác với FAST, đơn vị cung cấp phần mềm kế toán tại Việt Nam. Trong Quý III/2026, số lượng giao dịch trên ABBank Business tăng 3,3 lần so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ khách hàng mở mới tài khoản qua eKYC doanh nghiệp đạt 60%; khoảng 70% giao dịch chuyển tiền quốc tế và 30% giao dịch phát hành bảo lãnh được thực hiện trực tuyến. Các kết quả này phản ánh định hướng tiếp tục số hóa sản phẩm, dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng và nâng cao trải nghiệm trên các kênh giao dịch của ABBank.

10.4.3. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

- **Vị thế của ABBank:**

Hình 3: So sánh vị thế của các Ngân hàng TMCP

STT	Mã	Tên ngân hàng	Sàn	Tổng tài sản (đồng)	Vốn chủ sở hữu (đồng)	Tổng thu nhập hoạt động (đồng)	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	Vốn hóa thị trường (đồng)
1	ABB	Ngân hàng An Bình	UPCoM	276.575.110.000.000	23.625.321.000.000	7.802.767.000.000	3.440.294.000.000	28.851.412.570.288
2	ACB	ACB	HOSE	1.104.379.502.000.000	104.013.132.000.000	27.945.666.000.000	13.311.703.000.000	122.473.303.292.700
3	BAB	Ngân hàng Bắc Á	HNX	220.904.474.000.000	13.865.394.000.000	3.271.445.000.000	669.237.000.000	12.447.547.732.800
4	BID	BIDV	HOSE	3.493.270.820.000.000	203.019.891.000.000	67.541.045.000.000	23.646.949.000.000	279.627.349.554.350
5	BVB	Ngân hàng Bản Việt - BVBank	HOSE	145.222.192.000.000	8.141.678.000.000	2.841.252.000.000	659.037.000.000	10.140.976.500.000
6	CTG	VietinBank	HOSE	2.951.844.765.000.000	207.465.557.000.000	80.140.267.000.000	31.614.818.000.000	253.008.339.110.000
7	EIB	Eximbank	HOSE	241.495.133.000.000	26.631.796.000.000	4.692.172.000.000	663.653.000.000	31.759.386.349.350
8	HDB	HDBank	HOSE	1.142.906.273.000.000	94.304.272.000.000	34.062.348.000.000	14.765.723.000.000	137.645.098.882.500
9	KLB	KienlongBank	HOSE	115.968.174.000.000	9.733.438.000.000	3.668.698.000.000	1.368.426.000.000	8.763.163.542.900
10	LPB	LPBank	HOSE	694.183.076.000.000	46.592.026.000.000	19.178.663.000.000	8.361.398.000.000	131.440.412.400.000
11	MBB	MBBank	HOSE	1.837.857.452.000.000	164.141.608.000.000	58.955.963.000.000	24.400.066.000.000	197.850.935.240.250
12	MSB	MSB Bank	HOSE	439.959.891.000.000	46.857.045.000.000	11.029.555.000.000	4.414.028.000.000	53.164.800.000.000
13	NAB	Ngân hàng Nam Á	HOSE	462.764.712.000.000	28.160.647.000.000	8.157.134.000.000	3.789.637.000.000	26.553.514.068.600
14	NVB	Ngân hàng Quốc Dân	HNX	238.220.873.000.000	25.165.933.000.000	3.942.221.000.000	1.573.915.000.000	41.822.248.339.300
15	OCB	Ngân hàng Phương Đông	HOSE	363.725.939.485.331	37.119.642.619.695	9.218.502.470.945	3.261.973.550.386	30.931.352.272.600
16	PGB	PG Bank	UPCoM	92.637.468.000.000	8.364.306.000.000	1.861.385.000.000	503.592.000.000	7.159.233.547.956
17	SGB	Sài Gòn Công thương	UPCoM	35.373.251.000.000	4.247.009.000.000	726.781.000.000	55.353.000.000	4.654.574.542.800
18	SHB	SHB	HOSE	993.511.757.000.000	79.200.472.000.000	26.388.928.000.000	11.447.370.000.000	61.185.408.945.100
19	SSB	SeABank	HOSE	429.375.613.000.000	43.248.567.000.000	8.307.889.000.000	3.153.522.000.000	63.305.600.000.000
20	STB	NH Sài Gòn Tài Lộc (SACOMBANK)	HOSE	1.057.397.840.000.000	64.136.639.000.000	27.793.919.000.000	4.277.778.000.000	139.505.982.984.000
21	TCB	Techcombank	HOSE	1.318.165.136.000.000	197.324.622.000.000	45.203.770.000.000	23.014.208.000.000	230.657.125.475.700
22	TPB	TPBank	HOSE	596.511.612.000.000	52.133.054.000.000	15.799.085.000.000	5.924.450.000.000	40.084.977.314.850
23	VAB	Ngân hàng Việt Á	HOSE	156.490.302.317.381	11.110.258.341.390	2.055.366.322.601	955.941.856.697	8.118.675.369.000
24	VBB	VietBank	HOSE	212.947.075.000.000	13.450.741.000.000	2.994.051.000.000	1.050.648.000.000	15.755.031.833.200
25	VCB	Vietcombank	HOSE	2.682.408.935.000.000	253.761.146.000.000	72.982.528.000.000	33.054.175.000.000	484.629.155.452.000
26	VIB	VIBBank	HOSE	599.583.841.000.000	49.765.518.000.000	17.329.136.000.000	6.071.487.000.000	49.867.406.464.200
27	VPB	VPBank	HOSE	1.610.786.686.000.000	208.078.254.000.000	65.475.456.000.000	23.968.287.000.000	234.000.000.000.000

(Nguồn: Fiingroup)

ABBank nằm trong nhóm ngân hàng tầm trung có nền tảng tốt nhờ vào khung quản trị rủi ro vững mạnh, mặc dù có quy mô nhỏ hơn các ngân hàng top đầu nhưng lại sở hữu lợi thế linh hoạt và khả năng thích ứng nhanh. Chiến lược số hóa, đa dạng sản phẩm và tập trung vào phân khúc KHCN và SME giúp ABBank tạo được bản sắc riêng. Bên cạnh đó, ABBank hướng đến mô hình ngân hàng thân thiện, lấy con người làm trung tâm, xây dựng môi trường làm việc tích cực và dịch vụ khách hàng tận tâm.

- **Thị phần của ABBank:**

Chỉ tiêu hợp nhất (tại ngày 30/9/2026)	Tổng số của 27 ngân hàng (tỷ đồng)	ABBank (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Dư nợ khách hàng	15.675.759	132.934	0,85
Huy động khách hàng	14.171.847	152.914	1,08

Thị phần của ABBank còn ở mức khiêm tốn, tính đến cuối Quý III/2026, dư nợ cho vay của ABBank tương đương 0,85% tổng dư nợ, huy động tương đương 1,08% tổng huy động của 27 ngân hàng TMCP lớn trên thị trường. Việc triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh giai đoạn 2025 - 2027, ABBank đang từng bước cải thiện thị phần của Ngân hàng trên thị trường.

10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Thời gian qua, ABBank tập trung triển khai các dự án nền tảng và hệ thống với mục tiêu tăng cường năng lực vận hành và hiệu năng các hệ thống, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và tăng cường bảo mật, tuân thủ. Bên cạnh đó, nền tảng Ngân hàng số liên tục được cập nhật các tính năng mới để đáp ứng nhu cầu của cả KHCN và KHDN, nâng cao trải nghiệm của khách hàng và đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch tăng trưởng kinh doanh của ngân hàng.

Với nền tảng công nghệ vững chắc đã xây dựng, ABBank tự tin triển khai các dự án phát triển hệ thống và ứng dụng hỗ trợ trực tiếp hoạt động kinh doanh và tăng cường trải nghiệm khách hàng đa kênh. Đồng thời ABBank luôn chú trọng đáp ứng các chuẩn mực quốc tế thông qua việc đầu tư phát triển hệ thống AML, các báo cáo và công cụ tài chính chuẩn IFRS.

Bảng 27: Các dự án đã và đang được triển khai

STT	Tên dự án	Hiện trạng
Triển khai trong năm 2024		
1	Triển khai nền tảng số OmniChanel cho KHCN và KHDN	Ứng dụng ABBank Business (KHDN) đã được triển khai chính thức tới toàn bộ khách hàng từ tháng 5/2024. Ứng dụng ABBank (KNCN) đã triển khai tới toàn bộ khách hàng trong quý II/2025 ABBank liên tục cập nhật và đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới phục vụ nhu cầu khách hàng.
2	Dự án Nâng cấp hệ thống thẻ	Đã hoàn thành triển khai và đưa vào vận hành chính thức từ tháng 7/2024 giúp nâng cao hiệu suất xử lý giao dịch, cho phép cung cấp thêm nhiều sản phẩm dịch vụ, tăng cường bảo mật và nâng cao trải nghiệm của Khách hàng.
3	Dự án nâng cấp hạ tầng T24 lên phiên bản R24	Hoàn thành triển khai và đưa hệ thống vào vận hành chính thức tháng 5/2025.
4	Dự án nâng cấp hệ thống Quản lý sự kiện và thông tin bảo mật (SIEM) & Giải pháp điều tra và tự động đáp trả tấn công mạng (SOAR)	Hoàn thành triển khai các hạng mục theo đúng kế hoạch tháng 08/2024 và đã đi vào hoạt động giúp Ngân hàng tăng cường bảo mật, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo tuân thủ quy định.

STT	Tên dự án	Hiện trạng
5	Dự án Xây dựng hệ thống tường lửa cho Cơ sở dữ liệu	Hoàn thành triển khai vào tháng 08/2024 nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống dữ liệu tại ABBank
6	Dự án Giải pháp mô phỏng tấn công và chủ động ngăn chặn vi phạm bảo mật (BAS)	Hoàn thành triển khai các hạng mục theo đúng kế hoạch tháng 12/2024 nhằm đảm bảo khả năng phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng một cách chủ động.
Triển khai trong năm 2025 tới hết Quý III/2026		
1	Triển khai nền tảng số OmniChanel cho KHCN và KHDN	Ứng dụng Ngân hàng số ABBank (KHCN) và ABBank Business (KHDN) liên tục được cập nhật các tính năng mới để đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng, đảm bảo tuân thủ và an toàn thông tin. Tiêu biểu là việc hoàn thiện nâng cấp chuẩn xác thực FIDO 2 quốc tế
2	Dự án kết nối hệ thống chuyển mạch tài chính & bù trừ điện tử MDP – Mobiphone Digital Payment	Hoàn thành triển khai và kết nối với hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử của Mobifone trong Quý II/2026. Từ đó, đa dạng hóa hạ tầng thanh toán phục vụ chuyển tiền liên ngân hàng và đảm bảo duy trì hoạt động 24/7
3	Ứng dụng xác thực và ký số	Đã triển khai chính thức từ Quý I/2025, hỗ trợ hoạt động vận hành khi thực hiện xác thực chữ ký số và phê duyệt xứng từ bằng chữ ký số với nội bộ và đối tác, khách hàng.
4	Xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử (ECM)	Hoàn thành triển khai cấu phần 1 của nhóm hồ sơ thanh toán quốc tế trong tháng 05/2026. Tiếp tục triển khai cấu phần 2 với các nhóm hồ sơ còn lại
5	Xây dựng hệ thống số bóc tách thông tin (OCR)	Hoàn thành triển khai với những mẫu biểu ưu tiên cao nhất trong tháng 06/2026 và liên tục đưa vào triển khai các mẫu biểu tiếp theo
6	Xây dựng hệ thống phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại ABBank (AML)	Bắt đầu triển khai từ Quý I/2026 sau quá trình lựa chọn đối tác chặt chẽ và chuyên nghiệp, cũng như xây dựng đầu bài yêu cầu chiến lược, toàn diện từ phía ABBank
7	Dự án Báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS	Đang triển khai giai đoạn cuối và dự kiến hoàn thiện trong quý III/2026 với phạm vi bao gồm lập và trình bày Báo cáo tài chính theo IFRS lần đầu áp dụng và Công cụ IFRS phục vụ chuyển đổi báo cáo từ VAS sang IFRS hàng năm
8	Dự án tính toán vốn bằng phương pháp xếp hạng nội bộ Thông tư số 14/2025/TT-NHNN	Bắt đầu triển khai từ tháng 01/2026 với mục tiêu tuân thủ yêu cầu của NHNN, đáp ứng Basel III và củng cố, nâng cao năng lực quản trị rủi ro nội bộ
9	Dự án Số hóa giao dịch tại quầy	Bắt đầu triển khai từ tháng 01/2026 nhằm hiện đại hóa không gian giao dịch tại quầy, tối ưu vận hành với việc áp dụng công nghệ và nâng cao trải nghiệm khách hàng tại các ĐVKD thuộc hệ thống ABBank

STT	Tên dự án	Hiện trạng
10	Dự án Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ (Infrastructure Modernization)	Đã được phê duyệt triển khai từ tháng 8/2026 để đáp ứng nhu cầu hạ tầng phục vụ các hoạt động hiện tại và tăng trưởng trong tương lai.
11	Dự án Phát triển Kinh doanh Thẻ (Card Business Enablement)	Đã được phê duyệt triển khai từ tháng 9/2026 để đáp ứng mục tiêu kinh doanh dịch vụ thẻ của Ngân hàng.

(Nguồn: ABBank)

Các Dự án sau khi đưa vào vận hành đã và đang đóng góp nhiều hiệu quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của ABBank, giúp ABBank đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế.

10.6. Chiến lược kinh doanh

10.6.1. Tổng quan chiến lược và thời gian thực hiện

Năm 2025 khép lại giai đoạn bản lề quan trọng trong hành trình của ABBank, một giai đoạn không chỉ để củng cố nội lực, mà để chuẩn bị cho sự chuyển mình mạnh mẽ. Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, ABBank lựa chọn con đường phát triển thận trọng nhưng quyết liệt: xây nền móng vững chắc để sẵn sàng bứt phá thông qua việc tập trung vào năm trụ cột chiến lược:

Nâng tầm quản trị rủi ro: Hệ thống quản trị được chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế, tăng cường năng lực nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro trên toàn hệ thống. Những cải thiện này không chỉ củng cố nền tảng an toàn vốn mà còn góp phần quan trọng để Moody's nâng triển vọng xếp hạng tín nhiệm của ABBank, phản ánh niềm tin ngày càng gia tăng của thị trường quốc tế đối với định hướng chiến lược và năng lực tài chính của Ngân hàng.

Làm sạch và tái cấu trúc danh mục tín dụng: ABBank chủ động rà soát, xử lý các khoản tiềm ẩn rủi ro, đồng thời định hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất – kinh doanh hiệu quả và kinh tế xanh, chuẩn bị cho chu kỳ tăng trưởng mới an toàn và chất lượng hơn.

Hiện đại hóa nền tảng công nghệ: Ngân hàng tiếp tục đầu tư vào hạ tầng lõi, nâng cao hiệu năng và bảo mật, tạo tiền đề cho chuyển đổi số sâu rộng trong giai đoạn tiếp theo.

Tái cấu trúc nguồn nhân lực: Bộ máy được tinh gọn, hiệu quả hơn; chính sách ESOP được triển khai như một cam kết gắn kết dài hạn. Con người không chỉ là nguồn lực, mà là động lực của mọi sự đổi thay.

Thúc đẩy tài chính xanh và phát triển bền vững: Năm 2025, ABBank hoàn thành Chương trình "Nâng cao năng lực về Ngân hàng xanh" với sự đồng hành của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và PwC Việt Nam. Việc chính thức nhận chứng chỉ từ ADB vào đầu năm 2026 là dấu mốc quan trọng, khẳng định sự sẵn sàng của ABBank trong việc tích hợp các chuẩn mực tài chính bền vững vào chiến lược kinh doanh và quản trị rủi ro môi trường – xã hội.

Những nền tảng được củng cố trong năm 2025 không chỉ giúp ABBank vững vàng hơn, mà còn tạo ra niềm tin mới từ thị trường, đối tác và nhà đầu tư.

Bước sang năm 2026, ABBank không chỉ đặt mục tiêu phục hồi mà mang trong mình một khát vọng lớn hơn: vươn tầm bứt phá, khẳng định vị thế vững chắc trên bản đồ tài chính Việt Nam, hướng tới mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam.

Ba trụ cột xuyên suốt – Khách hàng, Nhân sự và Hiệu quả tài chính – tiếp tục là kim chỉ nam cho mọi quyết sách, bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng, trách nhiệm xã hội và giá trị dài hạn cho Cổ đông.

10.6.2. Nguồn lực và nguồn vốn dự kiến

Về tổ chức và nguồn lực:

Đằng sau mỗi dấu ấn bứt phá được ghi nhận là những con người ABBank đang bền bỉ lao động, kiến tạo giá trị mỗi ngày. Năng suất lao động theo lợi nhuận trước thuế tăng so với cùng kỳ năm 2025 và vượt mức bình quân của thị trường.

Tỷ lệ chi phí nhân sự trên lợi nhuận trước thuế được duy trì ở mức thấp hơn đáng kể so với mức bình quân thị trường và giảm so với năm 2025 cho thấy hiệu quả trong công tác quản trị, phân bổ và sử dụng nguồn lực.

Các chính sách điều chỉnh lương khởi điểm và tăng lương trên toàn hệ thống đã được triển khai – một tưởng thưởng xứng đáng cho những đóng góp và tinh thần đồng hành của đội ngũ cán bộ nhân viên.

Thông qua các chính sách đãi ngộ gắn với hiệu quả kinh doanh và chính sách ESOP dành cho cán bộ nhân viên, ABBank đang từng bước xây dựng một đội ngũ không chỉ cùng làm việc, mà cùng sở hữu, cùng gắn bó và cùng kiến tạo tương lai.

Về Nguồn vốn dự kiến:

Từ nghiệp vụ huy động vốn trên thị trường: Ngân hàng đặt mục tiêu đa dạng hóa nguồn vốn, phát triển sản phẩm huy động mới và mở rộng phân khúc khách hàng. Tổng huy động dự kiến tiếp tục giữ vững mức tăng trưởng, với tỷ lệ CASA mục tiêu đạt 30%. Chỉ tiêu LDR kỳ vọng được kiểm soát ở mức dưới 70%, phù hợp định hướng tăng cường an toàn thanh khoản, củng cố nền vốn và hỗ trợ chiến lược phát triển bền vững.

Từ việc tăng vốn điều lệ: với kế hoạch tăng thêm 10.765.455.450.000 đồng vốn điều lệ vào nửa cuối năm 2026 và đầu năm 2027 thông qua Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu, Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động với mục đích cấp tín dụng cho khách hàng sẽ giúp củng cố năng lực tài chính và tăng cường nguồn vốn phục vụ hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng. Đây là nền tảng để ABBank mở rộng cho vay theo định hướng phát triển bền vững, tập trung xây dựng các hệ sinh thái dịch vụ tích hợp và đồng kiến tạo giá trị cùng khách hàng, đối tác và cộng đồng địa phương. Qua đó, vừa giúp Ngân hàng nâng cao quy mô hoạt động theo nguyên tắc an toàn, hiệu quả và trách nhiệm, đồng thời tạo giá trị bền vững cho Cổ đông, khách hàng và cộng đồng.

Ngoài ra, ABBank còn tận dụng các nguồn vốn khác nhằm triển khai chiến lược giai đoạn 2026 – 2028 như: nguồn lợi nhuận sau thuế để lại (sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt), nguồn vốn tự có hiện tại.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Số lượng người lao động tính đến thời điểm 30/9/2026 của ABBank là 3.630 người. Tại thời điểm 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/9/2026, tổng số người lao động tại ABBank được phân loại như sau:

Bảng 28: Cơ cấu lao động của ABBank

Tiêu chí phân loại	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Theo trình độ học vấn	**3.709**	**3.383**	**3.630**
Sau đại học	243	225	247
Đại học	3.135	2.855	3.073
Cao đẳng	190	173	180
Trung cấp	54	51	48
Khác	87	79	82
Theo loại hợp đồng lao động	**3.709**	**3.383**	**3.630**
Hợp đồng không xác định thời hạn	1.930	1.850	1.900
Hợp đồng có xác định thời hạn	1.714	1.362	1.644
Thử việc	65	171	86

(Nguồn: ABBank)

Số lượng người lao động bình quân của ABBank năm 2024 và 2025 lần lượt là 3.808 người và 3.489 người.

11.2. Chính sách quản trị nguồn nhân lực

ABBank xác định nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt bảo đảm sự phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Ngân hàng triển khai quản trị nguồn nhân lực theo định hướng gắn chặt với chiến lược kinh doanh, trong đó trọng tâm là nâng cao hiệu quả sử dụng lao động và tối ưu chất lượng đội ngũ. Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) được chuẩn hóa và áp dụng thống nhất toàn hệ thống, làm cơ sở cho các quyết định về nhân sự, thu nhập và phát triển nghề nghiệp.

Trong giai đoạn 2024–2026, ABBank định hướng quản trị nhân sự dựa trên hai trụ cột chính là nâng cao năng suất lao động và thiết lập cơ chế đãi ngộ dựa trên hiệu quả. Kết quả đạt được cho thấy sự cải thiện rõ nét về hiệu quả hoạt động, với năng suất lao động tăng từ khoảng 0,2 tỷ đồng/CBNV/năm năm 2024 lên 1,04 tỷ đồng/CBNV/năm năm 2025 và đạt 1,6 tỷ đồng/CBNV/năm trong 9 tháng đầu năm 2026. Đồng thời, tỷ lệ chi phí nhân sự trên lợi nhuận trước thuế được kiểm soát ở mức khoảng 34%, thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung của thị trường, phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị và phân bổ nguồn lực.

Song song với việc nâng cao hiệu quả, ABBank chủ động bổ sung và phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm như kinh doanh, chuyển đổi số và công nghệ, đồng thời tinh gọn các vị trí hỗ trợ để tối ưu năng suất trên mỗi nhân sự. Thu nhập của cán bộ nhân viên được thiết kế gắn chặt với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh, qua đó tạo động lực thúc đẩy hiệu suất và đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động.

- **Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

ABBank chú trọng đầu tư vào đào tạo và phát triển nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và duy trì đà tăng trưởng năng suất lao động. Trong năm 2025, Ngân hàng triển khai hơn 500 chương trình đào tạo với trên 94.000 lượt cán bộ nhân viên tham gia, tập trung vào các kỹ năng chuyên môn, năng lực quản trị và chuyển đổi số. Các chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, kết hợp giữa đào tạo trực tuyến và thực hành tại đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng trong công việc.

Đặc biệt, chương trình phát triển lãnh đạo ABBank Excel Leadership (ABBELL) được xây dựng theo chuẩn mực quốc tế đã góp phần hình thành đội ngũ quản lý kế cận có năng lực, tư duy hệ thống và khả năng triển khai chiến lược. ABBank đồng thời chú trọng xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng cho từng nhóm vị trí, hỗ trợ cán bộ nhân viên nâng cao năng lực cá nhân và gắn bó lâu dài với Ngân hàng.

- **Hiện đại hóa và hệ thống hóa công tác quản trị nguồn nhân lực**

ABBank đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự, tiêu biểu là việc triển khai hệ thống quản trị nhân sự HRIS, tạo nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu và tự động hóa quy trình. Các sáng kiến như hồ sơ nhân sự điện tử, hợp đồng lao động điện tử và các kênh hỗ trợ trực tuyến đã giúp giảm đáng kể thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và cải thiện trải nghiệm của cán bộ nhân viên.

Việc hệ thống hóa và số hóa công tác nhân sự không chỉ giúp tối ưu chi phí vận hành mà còn hỗ trợ Ban lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị và năng suất lao động trên toàn hệ thống.

- **Chính sách phúc lợi**

ABBank triển khai chính sách phúc lợi toàn diện nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên. Ngoài việc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Ngân hàng áp dụng các chế độ đãi ngộ cạnh tranh như bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ nhân viên và người thân, khám sức khỏe định kỳ tại các cơ sở y tế uy tín, và các chương trình hỗ trợ chăm sóc sức khỏe chuyên sâu.

Ngân hàng cũng triển khai các chính sách hỗ trợ như nghỉ mát, hỗ trợ phương tiện đi lại và thưởng giữa năm, góp phần tạo động lực làm việc và nâng cao mức độ gắn kết nội bộ. Chính sách thai sản được áp dụng cho cả nam và nữ, cùng với các chế độ hỗ trợ trong thời gian mang thai và nghỉ thai sản, thể hiện sự quan tâm toàn diện đến người lao động.

Song song, ABBank duy trì các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, cải thiện điều kiện làm việc và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Các giải pháp quản trị nguồn nhân lực đã giúp ABBank nâng cao rõ rệt năng suất lao động, cải thiện chất lượng đội ngũ và thiết lập hiệu quả cơ chế đãi ngộ gắn với hiệu suất. Trong 6 tháng cuối năm 2026, Ngân hàng tiếp tục tập trung nâng cao NSLĐ, tối ưu hiệu quả hoạt động và gia tăng giá trị cho đội ngũ nhân sự, hướng tới mục tiêu thuộc nhóm ngân hàng có hiệu quả hoạt động cao trên thị trường.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Hiện nay, ABBank thực hiện phát hành cổ phiếu cho người lao động (nếu có) theo phương án tăng vốn được ĐHĐCĐ phê duyệt từng thời kỳ. Theo đó, Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT ban hành dựa trên các nội dung theo phương án tăng vốn đã được phê duyệt.

Ngày 03/3/2026, ABBank đã phát hành thành công 51.751.800 cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình lựa chọn dành cho người lao động (Chương trình ESOP). Nối tiếp thành công đó, ngày 28/4/2026, ĐHĐCĐ đã thông qua Phương án tăng mức vốn điều lệ của ABBank và đã được NHNN chấp thuận; Theo đó, ABBank dự kiến sẽ phát hành 80.339.498 cổ phiếu ESOP, đặc biệt trong đó có khoảng hơn 16 triệu cổ phiếu ESOP phát hành theo hình thức thưởng cho CBNV từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối nhằm ghi nhận những đóng góp

của CBNV vào sự phát triển của ABBank. Điều này giúp tiếp tục khẳng định giá trị cốt lõi coi nhân sự là tài sản và cam kết đồng hành cùng người lao động của ABBank.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của ABBank và theo quy định của pháp luật, cổ tức chi trả cho Cổ đông trên vốn điều lệ sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng. Việc quyết định phương án chi trả cổ tức sẽ do ĐHĐCĐ phê duyệt trên cơ sở phương án trình của HĐQT, sau khi đã cân đối đến những yếu tố như trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư…

Năm 2024, do tập trung nguồn lực vào công tác tái cấu trúc, tăng cường đầu tư vào phát triển mạng lưới, con người, công nghệ… ABBank đã giữ lại toàn bộ lợi nhuận năm 2024 để tái đầu tư (tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2024 là 0%).

ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại là 15%. Theo đó, căn cứ phê duyệt của NHNN về phương án tăng mức vốn điều lệ và văn bản của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu, ABBank đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho Cổ đông vào ngày 10/7/2026 theo đúng quy định.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Đợt chào bán/phát hành chứng khoán gần nhất của ABBank bao gồm 02 đợt:

- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 563/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2025, theo đó, ABBank đã phát hành 310.420.123 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu;
- Và, phát hành thành công 51.751.800 cổ phiếu bán cho CBNV theo Chương trình ESOP, theo Công văn số 1005/UBCK-QLCB ngày 30/01/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP của ABBank.

Tất cả số tiền thu được từ 02 đợt chào bán/phát hành trên được sử dụng cho mục đích cấp tín dụng cho khách hàng theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ngày 16/9/2025. Việc sử dụng vốn thu được đã được phản ánh tại Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ 02 đợt chào bán/phát hành cổ phiếu nêu trên do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập tại Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 16/09/2025 cho giai đoạn từ ngày 25/05/2026 đến ngày 28/08/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu."

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập tại Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát

hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chương trình ESOP) theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 16/09/2025 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 05/01/2026 cho giai đoạn từ ngày 25/05/2026 đến ngày 28/08/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chương trình ESOP) của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP."

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Tính đến thời điểm 30/9/2026, ABBank có các trái phiếu riêng lẻ đang lưu hành chi tiết tại Mục 8.3. Phần IV - Các loại chứng khoán khác.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, ABBank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật. Các trái phiếu này đều được ABBank sử dụng đúng mục đích sử dụng vốn và được công bố thông tin theo đúng quy định.

Ngoài ra, ABBank có các cam kết với các tổ chức khác trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

ABBank không có các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê sử dụng đất có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ngân hàng và hiện không có cổ phần ưu đãi.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có các thông tin trọng yếu.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Ngân hàng TMCP An Bình cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Hoạt động kinh doanh của ABBank đạt tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong những năm gần đây là kết quả của những chiến lược đúng đắn của ĐHĐCĐ và Ban Lãnh đạo Ngân hàng đề ra. Một số chỉ tiêu phản ánh chủ yếu như sau:

Bảng 29: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2024 đến hết Quý III/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất		
	Năm 2024	Năm 2025	% tăng / giảm	Lũy kế đến Quý III/2026	Năm 2024	Năm 2025	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản	176.619.414	220.391.553	24,78	276.575.110	176.713.113	220.494.731	24,78
Thu nhập lãi thuần	2.997.322	5.052.802	68,58	4.038.207	3.035.257	5.088.792	67,66
Tổng thu nhập hoạt động	4.581.169	8.580.012	87,29	7.802.767	4.520.553	8.565.277	89,47
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.190.339	5.546.626	153,23	5.692.279	2.156.009	5.565.356	158,13
Lợi nhuận trước thuế	778.548	3.521.981	352,38	4.301.255	744.218	3.540.711	375,76
Lợi nhuận sau thuế	627.225	2.797.718	346,05	3.440.294	585.556	2.808.626	379,65
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	0	74,91	0	0	0	74,62	0
Tỷ lệ cổ tức (%)	0	15	0	0	0	15	0
Các chỉ tiêu khác:							
-Dư nợ cho vay	98.738.176	113.891.373	15,35	134.591.803	98.738.176	113.891.373	15,35
-Tiền gửi khách hàng	90.729.587	133.421.056	47,05	152.913.845	90.719.121	133.411.372	47,06
-Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,48	0,53	- 1,95	0,80	2,48	0,53	- 1,95

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

Năm 2024

Nắm bắt được những tín hiệu tích cực từ thị trường, kết quả kinh doanh của ABBank đạt sự tăng trưởng khả quan hơn so với năm 2023, cụ thể:

Tổng tài sản đạt 176.713 tỷ đồng tăng 9,02% so với cuối năm 2023, dư nợ cho vay đạt 98.738 tỷ đồng tăng 0,64% so với năm 2023.

Tổng nguồn vốn của ABBank năm 2024 đạt 176.713 tỷ đồng, tăng trưởng 9,02% so với cuối năm 2023. Trong đó, tiền gửi khách hàng của ABBank đạt 90.719 tỷ đồng, giảm 9.3% so với năm 2023.

LNTT của ABBank đạt 744 tỷ đồng, tổng thu nhập đạt 4.520 tỷ đồng trong đó thu nhập lãi thuần tăng nhẹ 10,04% so với cùng kỳ 2023 và đạt 3.035 tỷ đồng do Ngân hàng đã kiểm soát chi phí vốn tốt hơn và cải thiện được hiệu quả từ hoạt động cho vay; thu thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 500 tỷ đồng, tập trung vào hoạt động dịch vụ cốt lõi theo đúng định hướng của Ngân hàng. Ngoài ra, các hoạt động kinh doanh ngoại hối & mua bán chứng khoán cũng cải thiện đáng kể, cụ thể thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 246 tỷ đồng và thu từ hoạt động mua bán chứng khoán đạt 113 tỷ đồng.

Trong năm 2024, ABBank đã trích lập 1.412 tỷ đồng cho chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, nhằm đảm bảo công tác quản trị rủi ro, hoạt động bền vững của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng thực hiện điều chỉnh lãi suất cho vay để kịp thời hỗ trợ đối với các doanh nghiệp và cá nhân theo chỉ đạo của Chính phủ.

Năm 2025

Tính đến cuối năm 2025, Tổng giá trị tài sản của Ngân hàng đạt hơn 220 nghìn tỷ đồng, tăng 24,8% so với năm 2024, trong đó dư nợ cho vay khách hàng đạt gần 114 nghìn tỷ đồng, tăng 15,4%.

Về Nguồn vốn, tiền gửi khách hàng đạt hơn 133 nghìn tỷ đồng, tăng 47,1% so với năm 2024. Cùng với đó, phát hành giấy tờ có giá tăng 44,6%, đạt 27,8 nghìn tỷ đồng, góp phần đa dạng hóa cơ cấu huy động. Nền tảng vốn tiếp tục được củng cố với vốn chủ sở hữu đạt 16,8 nghìn tỷ đồng, tăng 19,8% so với năm 2024.

Trên nền tảng quy mô mở rộng và cơ cấu nguồn vốn cải thiện, Ngân hàng ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng bứt phá với Tổng thu nhập hoạt động đạt 8.565 tỷ đồng, tăng 89,47% so với năm 2024. Động lực tăng trưởng đến từ Thu nhập lãi thuần tăng 67,66%, cùng với sự cải thiện mạnh của các nguồn thu ngoài lãi. Nhờ đó, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 5.565 tỷ đồng, tăng 158,13% so với cùng kỳ.

Hiệu quả vận hành cũng cải thiện rõ rệt khi tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm xuống và duy trì ở mức tối ưu 35,0% góp phần vào lợi nhuận trước thuế ở mức 3.541 tỷ đồng.

Kết quả trên phản ánh sự cải thiện đồng bộ về quy mô, chất lượng nguồn vốn và hiệu quả, tạo nền tảng thuận lợi để ngân hàng tiếp tục mở rộng hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị cho khách hàng, Cổ đông trong thời gian tới.

Lũy kế 9 tháng năm 2026

Tổng tài sản đạt 276.575 tỷ đồng, tăng 25,5% so với cuối năm 2025; Dư nợ cho vay khách hàng đạt 134.592 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cuối năm 2025. Tiền gửi khách hàng đạt 152.914 tỷ đồng, tăng 14,6% so với cuối năm 2025. Tổng thu nhập hoạt động tiếp tục cải thiện, đạt 7.803 tỷ đồng. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) duy trì ở mức 27,05%. Lợi nhuận trước thuế 06 tháng đầu năm lên tới trên 4.301 tỷ đồng, đạt 95,6% kế hoạch cả năm. Chỉ số ROE trong 6 tháng đầu năm đạt 22,75% duy trì ở nhóm ngân hàng có hiệu quả sinh lời cao trên thị trường. Tại ngày 30/9/2026, Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) đạt 55,62%, tối ưu cho hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó tỷ lệ an toàn vốn (CAR) trên 12%. Chất lượng tài sản tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, nợ xấu duy trì trong ngưỡng an toàn 0,80%, cùng các nỗ lực thu hồi và xử lý nợ, góp phần củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập đối với BCTC năm 2024 và năm 2025: Chấp nhận toàn phần

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Hoạt động kinh doanh năm 2024, 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 của ABBank chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, bao gồm nhóm các nhân tố khách quan và nhóm các nhân tố chủ quan, vừa gây khó khăn nhưng cũng mang lại những thuận lợi nhất định cho ABBank:

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Giai đoạn 2024-2025, trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn cùng nhiều yếu tố bất định, kinh tế Việt Nam vẫn phục hồi mạnh mẽ, nằm trong Top các nền kinh tế có GDP tăng trưởng cao của khu vực và trên thế giới. Kết quả này đến từ tổng hòa các giá trị và lợi thế như: tình hình chính trị ổn định, nền kinh tế với những động lực phát triển nhanh, thị trường tiêu thụ lớn, sức hút nguồn vốn FDI mạnh, nhiều hiệp định thương mại tự do hậu thuẫn cho hoạt động xuất nhập khẩu. Cùng với đó, Việt Nam đã khẳng định năng lực thích ứng với những biến động, có các chính sách linh hoạt và kịp thời để hỗ trợ nền kinh tế vượt qua những thách thức và tiếp đà hồi phục. Trong năm 2024-2025, tình hình hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng nói chung và ABBank nói riêng chịu tác động bởi những nhân tố sau:

Những nhân tố thuận lợi

- Chính phủ triển khai các chính sách thúc đẩy tăng trưởng, cải cách cơ cấu và thu hút đầu tư, đồng thời, nâng cao niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, thu nhập người dân dự kiến tiếp tục cải thiện, thị trường lao động ổn định hơn sẽ thúc đẩy tiêu dùng cuối cùng. Ngoài ra, đầu tư công đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng và chuyển đổi số, tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, tạo hiệu hứng lan tỏa cho khu vực tư nhân và toàn nền kinh tế Việt Nam.
- NHNN điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, đảm bảo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định giá trị đồng tiền;
- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, ABBank đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường. Thương hiệu ABBank ngày càng khẳng định tính chuyên nghiệp và được nhiều người biết đến, quan hệ Ngân hàng ngày càng mở rộng. ABBank cũng đẩy mạnh phát triển kênh sở hữu và tăng cường truyền thông số trên nhiều kênh số như Website, Facebook, Instargram, Zalo, Youtube.... Đặc biệt, kênh Facebook tăng trưởng mạnh mẽ về độ phủ gấp 3 lần, lượt tương tác cũng gấp 3 lần so với năm 2024.
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng;
- Ngân hàng có nhiều phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, ABBank đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2025, tăng cả về quy mô và chất lượng.
- ABBank kiên định chiến lược phát triển bền vững, tập trung cho bán lẻ và số hóa gắn với nỗ lực nâng cao trải nghiệm và giá trị cho khách hàng.

Những yếu tố bất lợi

- Nền kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn do tác động của những bất ổn về địa chính trị,

nguy cơ chiến tranh thương mại trên thế giới, sự thiếu ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu;

- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi.
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay… tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2026 là một năm với rất nhiều cơ hội có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng cũng như ABBank, dự kiến có những cơ hội tăng trưởng đáng kể nhờ sự ổn định kinh tế và các chính sách vĩ mô hỗ trợ.

- Thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam giúp khuyến khích phát triển các sản phẩm tài chính xanh, liên kết các sàn giao dịch trong nước với quốc tế, thúc đẩy dòng vốn đầu tư từ nước ngoài & phát triển dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ.
- Triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam tạo ra cơ hội kinh doanh cho các tổ chức, nhà đầu tư thực hiện các dịch vụ giao dịch tài sản mã hóa.
- Đầu tư công tiếp tục là lực đẩy trọng tâm cho kỳ vọng tăng trưởng, đặc biệt qua các dự án hạ tầng chiến lược nhằm tạo động lực đầu tư dài hạn và kích thích sản xuất.
- Chính phủ thực hiện thúc đẩy tăng trưởng khu vực tư nhân thông qua ưu đãi thuế, miễn phí và giảm gánh nặng hành chính – khuyến khích đổi mới, thu hút đầu tư xanh và cải thiện mức độ thuận lợi trong kinh doanh.
- Bên cạnh các cơ hội thì trong năm 2026, ngành ngân hàng cũng đối diện với những thách thức như: sức ép về biên lợi nhuận trong áp lực thanh khoản gia tăng, rủi ro tỷ giá, nợ xấu, yêu cầu về tuân thủ và đầu tư dài hạn cho công nghệ, chuyển đổi số, ESG, theo đó đòi hỏi các chính sách linh hoạt, thích hợp từ các ngân hàng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Ngân hàng TMCP An Bình luôn sử dụng và quản lý vốn điều lệ và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của ABBank.

Bảng 30: Vốn điều lệ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
1	Tổng số cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	1.035.036.762	1.035.036.762	1.606.783.948
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	1.035.036.762	1.035.036.762	1.606.783.948
3	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	10.350.368	10.350.368	16.067.839

(Nguồn: ABBank)

Bảng 31: Vốn kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
		31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
I	**Nợ phải trả**	**162.682.578**	**203.688.360**	**252.949.789**	**162.688.881**	**203.694.036**
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	3.732.769	6.741.277	1.198.736	3.732.769	6.741.277
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	45.930.839	31.118.108	65.214.774	45.930.839	31.118.108
3	Tiền gửi của khách hàng	90.729.587	133.421.056	152.913.845	90.719.121	133.411.372
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	381.690	11.130	0	381.690	11.130
5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	9.364	3.313	1.391	9.364	3.313
6	Phát hành giấy tờ có giá	19.230.000	27.800.183	27.395.071	19.230.000	27.800.183
7	Các khoản nợ khác	2.668.329	4.593.293	6.225.972	2.685.098	4.608.653
II	**Vốn chủ sở hữu**	**13.936.836**	**16.703.193**	**23.625.321**	**14.024.232**	**16.800.695**
1	Vốn	10.384.647	10.384.647	16.102.118	10.385.641	10.385.641
2	Các quỹ	1.209.735	1.741.302	1.741.302	1.284.297	1.820.157
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0	0	0
4	Lợi nhuận chưa phân phối	2.342.454	4.577.244	5.781.901	2.354.294	4.594.897
	Tổng cộng	**176.619.414**	**220.391.553**	**276.575.110**	**176.713.113**	**220.494.731**

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

Bảng 32: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
		31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
1	Tiền mặt	315.917	493.695	546.059	315.917	493.695
2	Tiền gửi tại NHNNVN	2.669.746	13.021.715	11.268.542	2.669.746	13.021.715
3	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	44.326.927	34.108.018	71.679.631	44.348.075	34.145.605

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
		31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản tài sản tài chính khác	0	0	490.348	0	0
5	Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	118.272	116.752
6	Cho vay khách hàng	97.032.286	112.691.295	132.934.143	97.032.286	112.691.295
7	Hoạt động mua nợ	6.193.062	5.516.553	1.895.675	6.193.062	5.516.553
8	Chứng khoán đầu tư	20.922.414	49.232.255	47.524.358	20.922.414	49.232.255
9	Góp vốn, đầu tư dài hạn	318.791	318.791	58.791	58.791	58.791
10	Tài sản cố định	1.067.014	1.103.384	1.047.011	1.067.133	1.103.445
11	Bất động sản đầu tư	0	0	0	64.996	63.750
12	Tài sản Có khác	3.773.257	3.905.847	9.130.552	3.922.421	4.050.875
	Tổng cộng	**176.619.414**	**220.391.553**	**276.575.110**	**176.713.113**	**220.494.731**

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

2.1.2. *Trích khấu hao tài sản cố định*

Khấu hao và hao mòn của Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Bảng 33: Thời gian trích khấu hao tài sản cố định

Phân loại	Thời gian
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 50 năm
Máy móc thiết bị	3 – 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
Tài sản hữu hình cố định khác	3 – 10 năm

(Nguồn: ABBank)

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng và các công ty con được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. ABBank luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của Pháp luật.

2.1.3. *Mức lương bình quân*

Bảng 34: Mức thu nhập bình quân

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng

STT	Tên Ngân hàng	Thu nhập bình quân		
		Năm 2024	Năm 2025	30/9/2026
1	Vietcombank	38,06	43,76	54,77
2	VietinBank	38,61	46,54	45,42
3	MB	40,07	42,42	59,99
4	Techcombank	48	47	49
5	VPBank	31,07	41,17	34,27
6	ABBank	24,24	34,51	34,10
7	MSB	33,64	33,54	37,13
8	SeABank	30,20	31,66	32,35

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III/2026 của các Ngân hàng; số liệu thu nhập bình quân được tổng hợp trên cơ sở thông tin tại BCTC của từng ngân hàng)

Thu nhập bình quân của CBNV ABBank có xu hướng tăng qua các kỳ, từ 24,24 triệu đồng/người/tháng năm 2024 lên 34,51 triệu đồng/người/tháng năm 2025 và khoảng 34,10 triệu đồng/người/tháng tại 30/09/2026, tương ứng tăng khoảng 42,37% và 40,68% so với năm 2024. So với nhóm ngân hàng tham chiếu, năm 2024 mức thu nhập bình quân của ABBank còn thấp hơn đáng kể so với Vietcombank (38,06 triệu đồng), VietinBank (38,61 triệu đồng), MB (40,07 triệu đồng) và Techcombank (48 triệu đồng); đến năm 2025, khoảng cách đã được thu hẹp lại và cao hơn MSB (33,54 triệu đồng), SeABank (31,66 triệu đồng). Tại 30/09/2026, căn cứ số liệu BCTC riêng lẻ đã công bố trong nhóm có dữ liệu tại thời điểm tổng hợp, thu nhập bình quân của ABBank đạt 34,10 triệu đồng, gần tiệm cận VPBank (34,27 triệu đồng), tuy nhiên vẫn thấp hơn MSB, Techcombank, MB, Vietinbank và Vietcombank.

2.1.4. *Tình hình công nợ*

Bảng 35: Tình hình công nợ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
		31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026	31/12/2024	31/12/2025
1	Tổng giá trị tài sản có	176.619.414	220.391.553	276.575.110	176.713.113	220.494.731
2	Tổng nợ phải trả	162.682.578	203.688.360	252.949.789	162.688.881	203.694.036

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

ABBank luôn chú trọng tuân thủ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đặc biệt là nghĩa vụ tài chính với các cơ quan quản lý theo quy định.

Bảng 36: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
		Năm 2024	Năm 2025	30/9/2026	Năm 2024	Năm 2025
1	Thuế TNDN	50.416	276.779	256.128	53.370	279.738
2	Thuế GTGT	4.313	9.672	25.034	4.862	10.261
3	Các loại thuế khác	8.339	27.848	36.321	8.580	27.907

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

2.1.6. Trích lập, sử dụng các quỹ

ABBank luôn thực hiện trích lập các quỹ đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBank.

Bảng 37: Trích lập các quỹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất	
		Năm 2024	Năm 2025	30/9/2026	Năm 2024	Năm 2025
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	229.669	509.441	509.441	252.736	533.989
2	Quỹ dự phòng tài chính	961.958	1.213.753	1.213.753	961.958	1.213.753
3	Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0	47.129	49.941
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.382	18.064	91.390	39.929	21.419
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.108	18.108	18.108	22.474	22.474
	Tổng	**1.246.117**	**1.759.366**	**1.832.692**	**1.324.226**	**1.841.576**

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC Quý III/2026 của ABBank)

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của ABBank.

2.2. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Chỉ tiêu	ĐVT	Riêng lẻ			Hợp nhất	
			Năm 2024	Năm 2025	30/9/2026	Năm 2024	Năm 2025
1	**Chỉ tiêu về vốn**						
-	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	10.350	10.350	16.068	10.350	10.350
-	Vốn tự có		14.608	21.459	28.236	14.701	21.563
-	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (%)	%	10,03	11,40	12,75	10,07	11,44
2	**Chất lượng tài sản**						
-	Tỷ lệ nợ quá hạn (%) – Theo quy định của NHNN từng thời kỳ	%	3,30	1,00	1,75	3,30	1,00
-	Tỷ lệ nợ xấu (%) – Theo quy định của NHNN từng thời kỳ		2,48	0,53	0,80	2,48	0,53
-	(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/ Tổng tài sản (%)		55,10	51,38	48,66	55,20	51,36
-	Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng (%)		96,19	97,58	96,53	96,15	97,55
3	**Khả năng thanh toán**						
-	Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân (%)	%	14,82	20,81	20,26	14,82	20,81
-	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (%)		25,94	1,77	9,10	25,94	1,77
-	Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (%)		68,02	62,55	55,62	68,02	62,55
4	**Kết quả hoạt động kinh doanh**						
-	Tỷ lệ LNTT/ VCSH bình quân	%	5,70	22,99	28,44	5,40	22,97
-	Tỷ lệ LNTT/ Tổng tài sản bình quân		0,50	1,77	2,31	0,44	1,78
-	Thu nhập lãi cận biên (NIM)		1,85	2,63	2,23	1,87	2,64
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)		0,40	1,41	1,85	0,35	1,41
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên VCSH (ROE)		4,60	18,26	22,75	4,26	18,22
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND	576	2.703	2.604	535	2.714
-	Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	11,54	3,45	9,81	11,06	3,04
-	Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/LNTT		67,88	8,39	17,80	67,15	7,36

(Nguồn: ABBank)

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán: Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị kiểm toán thực hiện các Báo cáo tài chính năm 2024 và Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam được ABBank lựa chọn là đơn vị kiểm toán thực hiện các Báo cáo tài chính năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên 2026.

3.1. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

- *Đối với BCTC riêng năm 2024*

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

- *Đối với BCTC hợp nhất năm 2024*

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

3.2. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

- *Đối với BCTC riêng năm 2025*

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."

- *Đối với BCTC hợp nhất năm 2025*

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán cho các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."

3.3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm đăng ký chào bán của Tổ chức phát hành

"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và

hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ."

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

ĐHĐCĐ thường niên của Ngân hàng TMCP An Bình ngày 28/4/2026 đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

Bảng 39: Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ABBank

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2025
Tổng tài sản	220.392	291.000	132%
Huy động từ khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	161.221	247.417	153%
Dư nợ tín dụng (*)	127.591	138.930	109%
Tỷ lệ nợ xấu (**)	0,5%	<1,5%	
Lợi nhuận trước thuế	3.522	4.500	128%
(*) được tính toán theo quy định của NHNN; điều chỉnh theo room tín dụng do NHNN phân giao từng thời kỳ			
(**) theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024			

(Nguồn: ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ngày 28/4/2026 của ABBank)

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ABBank được triển khai trên tinh thần đồng lòng, kiên định mục tiêu chiến lược, đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số, nhằm tạo ra những kết quả tăng trưởng đột phá, đồng thời đảm bảo phát triển bền vững.

Toàn hệ thống tập trung thực hiện kế hoạch trên cơ sở tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, các quy định của cơ quan quản lý, cũng như các chuẩn mực và quy định về quản trị rủi ro của hệ thống.

Việc xây dựng kế hoạch tăng trưởng năm 2026 đã được triển khai từ quý III năm 2025, qua đó tạo điều kiện để các đơn vị kinh doanh chủ động chuẩn bị nguồn lực, xây dựng phương án triển khai, tiếp cận khách hàng và thị trường từ sớm, đảm bảo khi bước vào năm 2026 có thể triển khai đồng bộ, hiệu quả và đạt được các mục tiêu đề ra.

Hoạt động tín dụng

Năm 2026, hoạt động tín dụng của ABBank định hướng tăng trưởng tích cực ngay từ đầu năm, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các định hướng điều hành của NHNN liên quan đến:

- Kiểm soát chất lượng tín dụng
- Cơ cấu ngành nghề cho vay
- Điều tiết dòng vốn vào các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế

- Thực hiện tăng trưởng tín dụng theo hạn mức và quy định của NHNN

Ngân hàng tập trung ưu tiên nguồn vốn cho các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ và NHNN, bao gồm:

- Nông nghiệp và phát triển nông thôn
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Xuất khẩu
- Công nghiệp hỗ trợ
- Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh tạo giá trị gia tăng cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển trung và dài hạn, ABBank ưu tiên nguồn vốn cho hoạt động bán lẻ, xác định bán lẻ là trụ cột tăng trưởng chủ đạo, hướng tới mục tiêu thu nhập từ hoạt động bán lẻ chiếm khoảng 70% tổng thu nhập của ABBank trong những năm tới.

Hoạt động huy động vốn

ABBank định hướng hoạt động huy động vốn năm 2026 theo nguyên tắc đảm bảo thanh khoản, tối ưu chi phí vốn và tuân thủ định hướng điều hành lãi suất của NHNN. Trong đó, Ngân hàng tập trung:

- Phát triển các sản phẩm huy động vốn hiệu quả
- Gia tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn (CASA) nhằm tối ưu chi phí vốn, phấn đấu đạt tỷ lệ CASA khoảng 30%
- Kiểm soát tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) dưới 70% để đảm bảo an toàn thanh khoản

Ngân hàng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong huy động vốn, nhằm gia tăng tiện ích, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hiệu quả vận hành.

Song song với đó, ABBank phát triển các giải pháp tài chính phù hợp với nhu cầu từng nhóm khách hàng, như: Sản phẩm tài chính dành cho khách hàng hưu trí, Sản phẩm tài chính phục vụ mục tiêu giáo dục, Các sản phẩm đầu tư an toàn, tích lũy dài hạn, …

Chiến lược huy động của ABBank hướng tới triết lý "tích tiểu thành đại", xây dựng nguồn vốn bền vững từ nền tảng khách hàng cá nhân rộng lớn.

Ngân hàng đồng thời đẩy mạnh mở rộng tệp khách hàng thông qua các kênh số, phấn đấu đạt mục tiêu 5 triệu khách hàng cá nhân trong năm 2026, chủ yếu thông qua các nền tảng và công cụ số.

Khai thác hiệu quả nguồn vốn và hoạt động tự doanh

Trong trường hợp nguồn vốn tạm thời dư thừa, ABBank sẽ chủ động khai thác các cơ hội đầu tư tự doanh phù hợp, nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

Hoạt động huy động và đầu tư vào các loại giấy tờ có giá, trái phiếu các định chế tài chính và các công cụ tài chính phù hợp được xem là một trong những kênh tạo thêm nguồn thu nhập cho Ngân hàng, đồng thời góp phần tăng hiệu quả sử dụng vốn và đa dạng hóa nguồn thu nhập.

Phát triển sản phẩm và hợp tác đối tác để tăng trưởng thu nhập từ phí

Ngân hàng tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài hệ sinh thái, nhằm kiến tạo các sản phẩm dịch vụ sáng tạo, có hàm lượng công nghệ và số hóa cao.

Thông qua việc kết hợp với các đối tác chiến lược, Ngân hàng hướng tới cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói, gia tăng tiện ích và trải nghiệm cho khách hàng, từ đó:

- Gia tăng thu nhập từ phí dịch vụ

- Mở rộng tệp khách hàng
- Nâng cao mức độ gắn kết của khách hàng với Ngân hàng.
- Phát triển các sản phẩm thanh toán có giá trị gia tăng cao, tích hợp nhiều tiện ích phục vụ nhu cầu tài chính và tiêu dùng của khách hàng. Mục tiêu phát hành 200.000 thẻ mới trong năm 2026.

Công tác xử lý và kiểm soát nợ

Ngân hàng xác định công tác xử lý nợ và kiểm soát chất lượng tín dụng là nhiệm vụ trọng tâm, cần được ưu tiên nguồn lực và triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống.

Việc xử lý nợ được thực hiện trên cơ sở:

- Đánh giá chủ động từ phía Ngân hàng
- Tăng cường phối hợp với khách hàng
- Áp dụng các giải pháp phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro và thu hồi nợ hiệu quả.

Thông qua các giải pháp đồng bộ, Ngân hàng hướng tới duy trì chất lượng tín dụng ổn định và đảm bảo an toàn hoạt động.

Phát triển nguồn nhân lực

Ngân hàng xác định con người là tài sản quan trọng nhất của tổ chức và là yếu tố quyết định sự phát triển bền vững trong dài hạn. Trong năm 2026, Ngân hàng tập trung:

Tự tổ chức, hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín để xây dựng các chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề, đảm bảo đội ngũ nhân sự có đầy đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng tư vấn khách hàng hiệu quả, tuân thủ pháp luật.

Bên cạnh đó, Ngân hàng chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ, xây dựng lộ trình đào tạo và kế hoạch phát triển dài hạn, tạo cơ hội thăng tiến cho nhân sự tại các vị trí chủ chốt.

Ngân hàng cũng tiếp tục hoàn thiện chính sách đãi ngộ và phúc lợi, đảm bảo phù hợp với năng lực, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp của từng cá nhân, qua đó tạo động lực để đội ngũ nhân sự yên tâm gắn bó và cống hiến lâu dài cho sự phát triển của Ngân hàng.

Phát triển công nghệ và hạ tầng số

Ngân hàng xác định công nghệ là nền tảng quan trọng để hỗ trợ tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn hệ thống.

Trong năm 2026, Ngân hàng tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, an toàn và bảo mật, đảm bảo đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định, hiệu quả, đồng thời phù hợp với tốc độ tăng trưởng và mở rộng quy mô hoạt động của Ngân hàng.

Trọng tâm của chiến lược công nghệ bao gồm:

- Tăng cường năng lực an toàn, bảo mật hệ thống, bảo vệ dữ liệu khách hàng và đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin.
- Phát triển nền tảng công nghệ linh hoạt, có khả năng mở rộng, đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm dịch vụ mới và gia tăng số lượng khách hàng trong tương lai.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh, quản trị và vận hành, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và cải thiện trải nghiệm khách hàng.
- Tăng cường ứng dụng dữ liệu và phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, quản trị rủi ro và phát triển các sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu khách hàng.
- Thông qua việc đầu tư có trọng điểm vào công nghệ, Ngân hàng hướng tới xây dựng hệ sinh thái tài chính số an toàn, hiện đại và thân thiện với khách hàng, tạo nền tảng

vững chắc cho sự phát triển bền vững trong dài hạn để làm chủ công nghệ.

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn (và Tổ chức kiểm toán, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

- Với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP An Bình do Ngân hàng cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Ngân hàng TMCP An Bình đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của ABBank.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình nhận thấy ABBank có đội ngũ cán bộ nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban Lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với Ngân hàng, các dự đoán, nhận định của Ban Lãnh đạo ABBank về thị trường là tương đối phù hợp với thực tế. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của ABBank trong những năm qua tương đối tốt, định hướng phát triển của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của Ngành và các chính sách của Nhà nước.
- Theo đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, kế hoạch kinh doanh của ABBank có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Ngân hàng về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Ngân hàng.
- Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cung cấp. Thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Ngân hàng chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập

Căn cứ quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp: "Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho Cổ đông đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là Cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp này, Cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó". Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đăng ký lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 17/5/1993, do đó tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của Cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện nay, các Cổ đông sáng lập đều không còn sở hữu cổ phần tại ABBank.

2. Thông tin về Cổ đông lớn

2.1. Cổ đông lớn là cá nhân

Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2026 do VSDC cung cấp ABBank không có Cổ đông lớn là cá nhân.

2.2. *Cổ đông lớn là tổ chức*

Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2026 do VSDC cung cấp, Ngân hàng TMCP An Bình hiện có 02 Cổ đông lớn nắm giữ 347.240.075 cổ phiếu, tương ứng với 21,61% vốn điều lệ của Ngân hàng. Thông tin cụ thể như sau:

Bảng 40: Danh sách Cổ đông lớn tại ngày 30/9/2026

STT	Tên	Năm thành lập	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tương đương	Quốc tịch	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Người đại diện theo pháp luật (tên, chức vụ)	Người đại diện theo ủy quyền (tên, chức vụ)
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP (Geleximco)	1993	0100514947	Việt Nam	Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội	10.900.000.000.000 đồng	Ông Vũ Văn Hậu – Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	Ông Vũ Văn Tiền
2	Malayan Banking Berhad (Maybank)	1960	3813-K	Malaysia	Level 70, Menara Merdeka Maybank, Presint Merdeka 118, 50118 Kuala Lumpur, Malaysia	54.882.333.000 Ringgit Malaysia *(theo BCTC 30/6/2026 của Maybank)*	Dato' Khairussaleh Ramli – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn	Ông Syed Ahmad Taufik Abar – Giám đốc điều hành Khối Dịch vụ tài chính cộng đồng

(Nguồn: ABBank)

2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành Cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

STT	Tên	Tại thời điểm trở thành Cổ đông lớn		Tại thời điểm hiện tại (Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2026 do VSDC cung cấp)		Dự kiến sau đợt chào bán		
		Số lượng cổ phần sở hữu, cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần sở hữu, cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần sở hữu, cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	**Geleximco**	**700.000**	**26,12**	**152.103.991**	**9,47**	**228.155.986**	**9,47**	
	Người có liên quan của Geleximco							
1	Vũ Văn Tiền	0	0	4.356.463	0,27	6.534.694	0,27	Cổ đông lớn sở hữu trên 5% VĐL của Geleximco, Người đại diện phần vốn góp của Geleximco tại ABBank, Người có liên quan của Người quản lý của Geleximco
2	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	0	0	1.697.000	0,11	2.545.500	0,11	Chị dâu của Người quản lý của Geleximco
3	Vũ Văn Hậu	0	0	23.308.201	1,45	34.962.301	1,45	Cổ đông lớn sở hữu trên 5% VĐL của Geleximco; Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ, Người đại diện theo pháp luật của Geleximco
4	Đào Mạnh Kháng	0	0	9.537.239	0,59	14.305.858	0,59	Chồng của Phó Chủ tịch

								HĐQT Geleximco
5	Vũ Hương Thảo	0	0	2.099.900	0,13	3.149.850	0,13	Con ruột Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Geleximco
6	Phạm Ngọc Tuân	0	0	308.046	0,02	462.069	0,02	Chồng của Phó TGĐ (Người quản lý) Geleximco
7	Nguyễn Thị Kim Hoa	0	0	56	0,00	84	0,00	Chị dâu của Phó TGĐ (Người quản lý) Geleximco
8	Trần Thị Hải	0	0	900	0,00	1.350	0,00	Chị ruột của Phó TGĐ (Người quản lý) Geleximco
9	Ngô Tuấn Anh	0	0	46.645	0,00	69.517	0,00	Con ruột của Phó TGĐ (Người quản lý) Geleximco
10	Trần Thị Thu Hằng	0	0	59	0,00	88	0,00	Con dâu của Phó TGĐ (Người quản lý) Geleximco
II	**Maybank**	**40.588.235**	**15**	**195.136.084**	**12,14**	**292.704.126**	**12,14**	*Maybank không có người có liên quan sở hữu cổ phiếu tại ABBank*

(Nguồn: ABBank)

Ghi chú:
- *Người có liên quan tại Bản Cáo bạch này được xác định theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.*
- *Người có liên quan theo Danh sách tại Phụ lục 02 đính kèm Phương án tăng mức vốn điều lệ ABBank (Các nội dung sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết ngày 21/8/2026 được xác định theo quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Các TCTD 2024; Số lượng cổ phần sở hữu tại Danh sách này được tính tại thời điểm ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Phương án tăng vốn (21/8/2026).*
- *Số lượng cổ phần sở hữu tại thời điểm hiện tại ở Bản cáo bạch này là số liệu cập nhật tại ngày 30/9/2026 theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2026 do VSDC cung cấp.*

2.4. Đối với Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: nêu thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH với các đối tượng này đến 30/9/2026 (loại giao dịch, giá trị giao dịch, điều khoản quan trọng khác...)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Cổ đông lớn của ABBank, Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Hợp đồng thuê địa điểm làm trụ sở, văn phòng làm việc của ABBank	+ Tòa Geleximco: 3.358 triệu đồng/1 tháng + Tòa Peakview: 3.799 triệu đồng /1 tháng + Tòa Phan Đình Giót: 1.403 triệu đồng/1 tháng	HĐQT
			Hợp đồng hợp tác giới thiệu và cho vay đối với Khách hàng có nhu cầu vay vốn mua BĐS Dự án An Bình Homeland	Giá trị: 0 đồng	HĐQT
2	Ông Vũ Văn Tiền	Đại diện 100% phần vốn góp của Geleximco tại ABBank, Cổ đông lớn của Geleximco, Người có liên quan của Geleximco, Chủ tịch HĐQT ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 01 tỷ đồng	HĐQT
3	Ông Vũ Văn Hậu	Người quản lý của Geleximco, Cổ đông lớn của Geleximco, Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 01 tỷ đồng	HĐQT
			Hợp đồng dịch vụ tư vấn	Mức phí tư vấn hàng tháng tương đương mức lương nằm trong dải thu nhập của vị trí Cố vấn cao cấp được quy định tại Quy chế về hệ thống kiến trúc đãi ngộ CBNV ABBank. Mức phí cụ thể theo tình hình công việc từng thời kỳ.	HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
4	Bà Vũ Thị Hương	Người quản lý của Geleximco, Cổ đông lớn của Geleximco, Người phụ trách Quản trị Công ty của ABBank, Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
5	Bà Vũ Thị Thu Quỳnh	Người quản lý của Geleximco, Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
6	Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch HĐQT của ABBank, Người có liên quan của Geleximco	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
7	Bà Vũ Khánh Linh	Người có liên quan của Geleximco, Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
8	Ông Dương Thành Đạt	Người có liên quan của Geleximco, Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
9	Bà Vũ Châu Tuệ Anh	Người có liên quan của Geleximco, Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
10	Tổng Công ty CP Điện Tử và Tin Học Việt Nam	Người có liên quan của Geleximco (Công ty con), Người có liên quan của Người nội bộ ABBank	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hệ thống CNTT	-Gia hạn License Orchestrator cho hệ thống RPA: 910 triệu đồng, gồm VAT -Hệ thống Container Security Palo Alto: 1 tỷ đồng, gồm VAT -Công cụ dò quét lỗ hổng và đánh giá bảo mật mã nguồn, ứng dụng HCL: 347 triệu đồng, gồm VAT -Hệ thống tường lửa ứng dụng web F5: 2.000 triệu đồng, gồm VAT -Hệ thống tường lửa mạng lõi tại DC và tường lửa mạng biên Fortiner - Palo Alto: 3.600 triệu đồng, gồm VAT -Hệ thống bảo mật giao dịch thẻ HSM Thales: 1.892 triệu đồng, gồm VAT -Phần mềm và dịch vụ kiểm soát truy cập mạng NAC Cisco: 1.800 triệu đồng, gồm VAT -Phần mềm Cloud Workload Security Trellix: 2.460 triệu đồng, gồm VAT -Hệ thống MongoDB Enterprise Advanced: 1.755 triệu đồng, gồm VAT -Phần mềm Red Hat: 2.230 triệu đồng, gồm VAT -Hệ thống Oracle SPARC phục vụ CSDL ngoài core banking và hệ thống thẻ: 3.300 triệu đồng, gồm VAT -Thiết bị lưu trữ SAN/ NAS Netapp – IBM: 4.550 triệu đồng, gồm VAT -Hệ thống quản lý Internet tập trung:	HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
				1.892 triệu đồng, gồm VAT Tổng: 27.736 triệu đồng, gồm VAT	
			Hợp đồng nguyên tắc mua sắm máy móc thiết bị	Tổng giá trị các Hợp đồng: 41.491 triệu đồng, gồm VAT	HĐQT
			Hợp đồng mua các gói bản quyền sử dụng, dịch vụ bảo trì và dịch vụ hỗ trợ cho các hệ thống CNTT Quý 3, 4	Tổng giá trị dự kiến: 57 tỷ đồng	HĐQT
11	Trần Kim Khánh	Người quản lý của Geleximco	Cấp hạn mức tín dụng	Hạn mức vay: 40.580 triệu đồng	Hội đồng Tín dụng *(Đúng cấp thẩm quyền chấp thuận tại thời điểm phê duyệt)*
			Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức: 500 triệu đồng	
			Cấp hạn mức thấu chi	Hạn mức 5 tỷ đồng	HĐQT
12	Nguyễn Yên Dũng	Người quản lý của Geleximco	Cấp hạn mức tín dụng	Hạn mức vay: 84.171 triệu đồng	Ban Tín dụng *(Đúng cấp thẩm quyền chấp thuận tại thời điểm phê duyệt)*
			Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức: 500 triệu đồng	
13	Ngô Anh Trí	Người quản lý của Geleximco	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 300 triệu đồng	Ban Tín dụng *(Đúng cấp thẩm quyền chấp thuận tại thời điểm phê duyệt)*

Ngoài ra, Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của ABBank và những người có liên quan khác chỉ phát sinh các hợp đồng, giao dịch liên quan đến gửi tiết kiệm, rút tiết kiệm và nhận lãi tiền gửi (Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm).

2.5. *Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành*

Lợi ích liên quan giữa Cổ đông lớn và người có liên quan đối với Tổ chức phát hành được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBank và Nghị quyết của HĐQT – *Nội dung chi tiết tại Mục 2.4. Phần này.*

2.6. *Doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan*

2.6.1. *Doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan*

Không có

2.6.2. *Doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan*

Cổ đông lớn Maybank không có lợi ích liên quan đến doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của ABBank.

Doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của ABBank mà Cổ đông lớn Tập đoàn Geleximco – Công ty CP có lợi ích liên quan như sau:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của Geleximco và người liên quan của Geleximco với doanh nghiệp đó			Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
			Số lượng cổ phần sở hữu của Geleximco tại doanh nghiệp (CP)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Mối quan hệ/chức vụ đang nắm giữ của Geleximco và người có liên quan tại doanh nghiệp	
1	Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Viettronics)	Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng; Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và CNTT (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao CNTT, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhan phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước;…	38.529.750	87,97	+ Viettronics là công ty con của Geleximco + Ông Vũ Văn Hậu – Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ, Người đại diện theo pháp luật của Geleximco đồng thời là Thành viên HĐQT, TGĐ, Người đại diện theo pháp luật của Viettronics; + Bà Trần Kim Khánh – Phó TGĐ của Geleximco đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Viettronics	Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Điều lệ và quy định nội bộ của ABBank về thông qua giao dịch với Cổ đông lớn, Cổ đông lớn và người có liên quan

(Nguồn: ABBank)

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

3.1.1. Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Vũ Văn Tiền	1959	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Đào Mạnh Kháng	1969	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông Syed Ahmad Taufik Albar	1972	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)
4	Ông Nguyễn Danh Lương	1957	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà Đỗ Thị Nhung	1960	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Ông Trịnh Thanh Hải	1964	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)

(Nguồn: ABBank)

3.1.2. Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT

❖ **Ông Vũ Văn Tiền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	**Vũ Văn Tiền**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1959
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế hoạch KTQD – Đại học kinh tế quốc dân
Quá trình công tác:	
✓ Từ 9/1986 đến 12/1992	Cán bộ Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp Hà Nội;
✓ Từ 01/1993 đến 2007	Giám đốc Công ty TNHH XNK Tổng Hợp Hà Nội;
✓ Từ 2007 đến 11/2025	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (nay là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP)
✓ Từ 06/2003 đến 03/2005	Thành viên HĐQT ABBank
✓ Từ 3/2005 đến 24/4/2018	Chủ tịch HĐQT ABBank
✓ Từ 01/2010 đến 25/7/2024	Chủ tịch HĐTV ABBA

- ✓ Từ 25/4/2018 đến 13/11/2025 — Phó Chủ tịch HĐQT ABBank
- ✓ Từ 14/11/2025 đến 04/02/2026 — Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của ABBank
- ✓ Từ 05/02/2026 đến nay — Chủ tịch HĐQT ABBank

Ngoài ra, trong quá trình công tác, Ông Vũ Văn Tiền đã từng giữ những vị trí quan trọng tại các công ty khác.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026): 156.460.454 cổ phiếu, chiếm 9,737% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện sở hữu cho Tập đoàn Geleximco – Công ty CP tại ABBank: 152.103.991 cổ phiếu, chiếm 9,466% vốn điều lệ
- ✓ Cá nhân sở hữu: 4.356.463 cổ phiếu, chiếm 0,271% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Người nội bộ của ABBank	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến ngày 30/9/2026	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBank (%)
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Ông Vũ Văn Tiền là Người đại diện phần vốn góp của Geleximco tại ABBank, Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền là Người quản lý của Geleximco	Cổ đông lớn	152.103.991	9,466
2	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Vợ	Không	1.697.000	0,106
3	Vũ Văn Hậu	Em ruột	Không	23.308.201	1,451
4	Đào Mạnh Kháng	Em rể	Phó Chủ tịch HĐQT	9.537.239	0,594
5	Vũ Thị Hương	Em ruột	Người phụ trách quản trị công ty	0	0

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

- ✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Vũ Văn Tiền và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI.*
- ✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:
  - + Năm 2024: 6.140 triệu đồng
  - + Năm 2025: 8.088 triệu đồng
  - + 9 tháng năm 2026: 9.000 triệu đồng
- ✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
  - + Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 568.234 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank: Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank: Không có

❖ **Ông Đào Mạnh Kháng – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	**Đào Mạnh Kháng**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1969
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ 8/1990 đến 12/1992	Kế toán Công ty Gạch bông Bách Khoa
✓ Từ 01/1993 đến 02/2007	Kế toán trưởng Công ty TNHH XNK Tổng hợp Hà Nội (nay là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP)
✓ Từ 12/1995 đến 01/2007	Kế toán trưởng Công ty liên doanh Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy
✓ Từ 8/2005 đến 3/2009	Thành viên Ban Kiểm soát ABBank
✓ Từ 3/2007 đến 4/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội (Nay là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP)
✓ Từ 5/2011 đến 4/2018	Thành viên HĐQT ABBank
✓ Từ 4/2018 đến 13/11/2025	Chủ tịch HĐQT ABBank

✓ Từ 14/11/2025 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT ABBank

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	9.537.239 cổ phiếu, chiếm 0,594% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	9.537.239 cổ phiếu, chiếm 0,594% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Người nội bộ của ABBank	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến ngày 30/9/2026	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBank (%)
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Người có liên quan của Ông Đào Mạnh Kháng là Người quản lý của Geleximco	Cổ đông lớn	152.103.991	9,466
2	Vũ Văn Tiền	Anh vợ	Chủ tịch HĐQT	4.356.463	0,271
3	Vũ Văn Hậu	Anh vợ	Không	23.308.201	1,451
4	Vũ Thị Hương	Vợ	Người phụ trách quản trị công ty	0	0

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Đào Mạnh Kháng và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI.*

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:
- + Năm 2024: 5.932 triệu đồng
- + Năm 2025: 9.170 triệu đồng
- + 9 tháng năm 2026: 6.300 triệu đồng

✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
- + Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;
- + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;

+ Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 1.243.987 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank: Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank: Không có

❖ **Ông Syed Ahmad Taufik Albar – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	**Syed Ahmad Taufik Albar**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1972
Quốc tịch:	Malaysia
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ 10/1996 đến 11/1997:	Giảng viên và Điều phối viên Chương trình – Trường Kinh doanh và Kế toán - Kolej Unitek Malaysia;
✓ Từ 4/1998 đến 10/1999:	Kế toán, Kế hoạch và Đánh giá - Công ty Thương mại Shell Malaysia Sdn Bhd (Shell Malaysia Trading Sdn Bhd);
✓ Từ 11/1999 đến 01/2002:	Tài chính kế toán - Công ty Lọc dầu Shell Bhd (Shell Refining Company Bhd);
✓ Từ 02/2002 đến 01/2004:	Kế toán quản trị (Sản xuất, Cung ứng và Phân phối) - Công ty Shell Úc (Company of Shell Ltd, Australia);
✓ Từ 02/2004 đến 10/2006	Quản lý Tài chính - Công ty lọc dầu Shell, Bhd (Shell Refining Company Bhd);
✓ Từ 11/2006 đến 11/2009:	Điều phối viên Quan hệ Nhà đầu về Thăm dò và Khai thác - Tập đoàn Thăm dò và Khai thác Quốc tế Shell, B.V (Shell International Exploration & Production B.V);
✓ Từ 12/2009 đến 06/2011:	Phó Chủ tịch, Phát triển vùng - Tập đoàn Axiata, Berhad (Axiata Group Berhad);
✓ Từ 07/2011 đến 06/2013:	Phó Chủ tịch cấp cao, Kiểm soát tài chính Công ty - Công ty Celcom Axiata Berhard (Celcom Axiata Berhad);

✓ Từ 07/2013 đến 10/2013:	Giám đốc Tài chính - Công ty Smart Axiata, Campuchia (Smart Axiata, Cambodia);
✓ Từ 11/2013 đến 11/2016:	Giám đốc Tài chính Tập đoàn - Tập đoàn UEM Berhad (UEM Group Berhad);
✓ Từ 12/2016 đến 01/2021	Giám đốc Tài chính của Tập đoàn - Tập đoàn Ngân hàng RHB (RHB Banking Group);
✓ Từ 02/2021 đến 04/2022	Giám đốc Điều hành, Khối Kinh doanh Quốc tế của Tập đoàn - Tập đoàn Ngân hàng RHB (RHB Banking Group);
✓ Từ 05/2022 đến 02/2024	Giám đốc Điều hành, Khối Ngân hàng bán buôn của Tập đoàn - Tập đoàn Ngân hàng RHB (RHB Banking Group);
✓ Từ 03/2024 đến nay	Giám đốc Điều hành Khối Dịch vụ Tài chính Cộng đồng của Tập đoàn - Ngân hàng Malayan Banking Berhad (Maybank).
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Thành viên Hội đồng Quản trị
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Điều hành Khối Dịch vụ Tài chính Cộng đồng của Tập đoàn - Ngân hàng Malayan Banking Berhad (Maybank)
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	195.136.084 cổ phiếu, chiếm 12,144% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu cho Maybank tại ABBank	195.136.084 cổ phiếu, chiếm 12,144% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	Không

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến ngày 30/9/2026	
			Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBank (%)
1	Malayan Banking Berhad (Maybank)	Ông Syed Ahmad Taufik Albar là Người đại diện phần vốn góp của Maybank tại ABBank	195.136.084	12,144

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

- ✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Syed Ahmad Taufik Albar và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI.*
- ✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:
  - + Năm 2024: 0 triệu đồng
  - + Năm 2025: 1.666 triệu đồng
  - + 9 tháng năm 2026: 2.700 triệu đồng
- ✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
  - + Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 0 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank: Không có

❖ **Ông Nguyễn Danh Lương – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	**Nguyễn Danh Lương**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1957
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ tháng 3/1987 đến 3/1991	Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
✓ Từ 4/1991 đến 10/1993	Phó phòng phụ trách - Phòng Vi tính, Vietcombank
✓ Từ 11/1993 đến 04/1994	Phó phòng - Phòng Kế toán tài chính, Vietcombank
✓ Từ 05/1994 đến 12/1994	Phó Phòng - Phòng Kế toán, Sở Giao dịch, Vietcombank
✓ Từ 01/1995 đến 9/1996	Trưởng Phòng - Phòng Kế toán giao dịch, Sở Giao dịch, Vietcombank
✓ Từ 10/1996 đến 7/2001	Phó Giám đốc - Sở Giao dịch Vietcombank
✓ Từ 8/2001 đến 12/2001	Phó Giám đốc phụ trách - Sở Giao dịch Vietcombank
✓ Từ 01/2002 đến 8/2009	Giám đốc - Sở Giao dịch Vietcombank

✓ Từ 8/2009 đến 10/2009	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch, Vietcombank
✓ Từ 11/2009 đến 4/2012	Phó Tổng Giám đốc - Vietcombank
✓ Từ 4/2012 đến 10/2017	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, Vietcombank
✓ Từ 11/2017 đến 12/2021	Thành viên Hội đồng thành viên, Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Bến Thành
✓ Từ tháng 4/2018 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT và Thành viên HĐQT, ABBank.
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Thành viên Hội đồng Quản trị
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	1.851.594 cổ phiếu, chiếm 0,115% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	1.851.594 cổ phiếu, chiếm 0,115% vốn điều lệ
Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:	Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Nguyễn Danh Lương và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	+ Năm 2024: 1.943 triệu đồng + Năm 2025: 2.454 triệu đồng + 9 tháng năm 2026: 2.700 triệu đồng.
✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:	+ Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 1.144.700 cổ phiếu, giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 241.512 cổ phiếu.
Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

❖ **Bà Đỗ Thị Nhung – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	**Đỗ Thị Nhung**
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1960
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ 02/1983 đến 01/1999	Cán bộ kế hoạch tổng hợp, cán bộ tín dụng, Phó trưởng Phòng kinh doanh, Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh thị Trấn Tiền Hải – Chi điếm ngân hàng huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, sau chuyển đổi thành chi nhánh Ngân hàng công thương và tiếp tục chuyển đổi thành chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;
✓ Từ 2/1999 đến 10/2015	Chuyên viên, Phó trưởng Phòng, Trưởng Phòng, Phó vụ trưởng - Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
✓ Từ 1/2016 đến 4/2018	Phó phòng, Trưởng Phòng Giám sát tuân thủ – Ban Pháp chế và tuân thủ, ABBank
✓ Từ 24/4/2018 đến 27/4/2023	Thành viên độc lập HĐQT, Ngân hàng TMCP Tiên Phong
✓ Từ tháng 28/4/2023 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT - ABBank
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	630.660 cổ phần, chiếm 0,039% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	630.660 cổ phần, chiếm 0,039% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:	Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

- ✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Bà Đỗ Thị Nhung và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*
- ✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:
  - + Năm 2024: 1.676 triệu đồng
  - + Năm 2025: 2.188 triệu đồng
  - + Luỹ kế hết Quý III/2026: 2.700 triệu đồng.
- ✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
  - + Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 548.400 cổ phiếu, giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 82.260 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

❖ **Ông Trịnh Thanh Hải – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	**Trịnh Thanh Hải**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1964
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA)
Quá trình công tác:	
✓ Từ 08/1986 đến 10/1995	Chuyên viên bảo hiểm hàng hải/Phó phòng Thị trường Marketing, Công ty Bảo hiểm Hà Nội
✓ Từ 11/1995 đến 05/1997	Phó trưởng Phòng Tổng hợp, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam
✓ Từ 06/1999 đến 12/1999	Chuyên viên đầu tư, Tập đoàn Bảo hiểm Tài chính CIGNA – Mỹ
✓ Từ 01/2000 đến 12/2004	Trưởng Đại diện, VPĐD Tập đoàn New York

	Life tại Việt Nam
✓ Từ 01/2005 đến 07/2007	Trợ lý Phó Chủ tịch, Tập đoàn New York Life – Mỹ
✓ Từ 08/2007 đến 02/2010	Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh và dịch vụ tư vấn Tài chính, Tập đoàn Quản lý đầu tư Indochina Capital
✓ Từ 03/2010 đến 10/2010	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành (Người quản lý, Người điều hành, Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings
✓ Từ 03/2011 đến 03/2016	Giám đốc điều hành, Công ty TransPacific Pathway Link LLC (TPP Link), Mỹ
✓ Từ 04/2016 đến 04/2018	Thành viên độc lập HĐQT, ABBank
✓ Từ 05/2018 đến 04/2022	Thành viên độc lập HĐQT, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
✓ Từ 05/2019 đến 16/10/2026	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT, Công ty CP Đầu tư Văn Phú (Văn Phú Invest)
✓ Từ 07/2022 đến nay	Thành viên HĐQT không điều hành (độc lập), Quỹ Đầu tư Vinacapital Vietnam Opportunity (VOF)
✓ Từ 18/4/2025 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT, ABBank
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT không điều hành (độc lập), Quỹ Đầu tư Vinacapital Vietnam Opportunity (VOF)
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	840.009 cổ phiếu, chiếm 0,052% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	840.009 cổ phiếu, chiếm 0,052% vốn điều lệ
Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:	Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Trịnh Thanh Hải và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác: + Năm 2024: 0 triệu đồng

	+ Năm 2025: 1.553 triệu đồng + 9 tháng năm 2026: 2.700 triệu đồng
✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:	+ Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 548.400 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 109.566 cổ phiếu.
Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

3.2. Ban kiểm soát

3.2.1. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	1972	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Hồng Quang	1977	Thành viên Chuyên trách
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thái	1963	Thành viên bán chuyên trách

(Nguồn: ABBank)

3.2.2. Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban kiểm soát

❖ **Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm - Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Hạnh Tâm**
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1972
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Chứng chỉ Kế toán trưởng; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
✓ Từ 11/1993 đến 6/1998	Giao dịch viên, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
✓ Từ 7/1998 đến 02/2008	Trưởng Phòng Kế toán Tài chính, Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
✓ Từ 3/2008 đến 01/2009	Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Bảo Việt

✓ Từ 02/2009 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát ABBank

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Trưởng Ban Kiểm soát
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	1.455.555 cổ phần, chiếm 0,091% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	1.455.555 cổ phần, chiếm 0,091% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Người nội bộ của ABBank	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2026	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBank (%)
1	Nguyễn Đức Anh	Con ruột	Không	77	0,000
2	Nguyễn Phụng Anh	Em ruột	Không	91.006	0,006

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:
- + Năm 2024: 2.400 triệu đồng
- + Năm 2025: 3.691 triệu đồng
- + 9 tháng năm 2026: 5.400 triệu đồng

✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
- + Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 7.361 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
- + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 1.233.800 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
- + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026:

	189.855 cổ phiếu.
Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

❖ **Ông Nguyễn Hồng Quang - Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên:	**Nguyễn Hồng Quang**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1977
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
✓ Từ 5/2000 đến 5/2002	Cán bộ tín dụng - Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Hà Nội, Hà Nội (Habubank)
✓ Từ 6/2002 đến 3/2010	Nhân viên tín dụng, ABBank Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ 4/2010 đến 4/2012	Phó Giám đốc, ABBank Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ 11/2011 đến 04/2019	Phó Giám đốc ABBank Chi nhánh Hà Nội kiêm Trưởng Phòng Giao dịch Tràng Tiền nay là Phòng Giao dịch Đinh Tiên Hoàng
✓ Từ 05/2019 đến 01/2024	Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), Thành viên Ban Điều hành – ABBank
✓ Từ 01/2024 đến 04/4/2024	Cố vấn Ban Kiểm soát ABBank
✓ Từ 05/4/2024 đến nay	Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát ABBank
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP An Bình
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	1.151.610 cổ phần, chiếm 0,072% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	1.151.610 cổ phần, chiếm 0,072% vốn điều lệ
Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:	Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Nguyễn Hồng Quang và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	+ Năm 2024: 1.350 triệu đồng + Năm 2025: 1.518 triệu đồng + 9 tháng năm 2026: 1.800 triệu đồng
✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:	+ Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 1.001.400 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 150.210 cổ phiếu.
Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

❖ **Bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Thanh Thái**
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1963
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tín dụng
Quá trình công tác:	
✓ Từ 6/1986 đến 5/1999	Cán bộ tín dụng – Ngân hàng Từ Liêm
✓ Từ 6/1999 đến 02/2001	Cán bộ tín dụng – Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thông Việt Nam (Agribank)
✓ Từ 03/2001 đến 5/2003	Phó Phòng Tín dụng – Agribank Chi nhánh Láng Hạ
✓ Từ 6/2003 đến 7/2003	Phó phòng phụ trách, Phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng hạ

✓ Từ 8/2003 đến 6/2008	Trưởng Phòng Tín dụng – Agribank Chi nhánh Láng Hạ
✓ Từ 7/2008 đến 5/2012	Phó Giám đốc – Agribank Chi nhánh Láng Hạ
✓ Từ 6/2012 đến 01/2013	Trưởng Ban trù bị Ban Thẩm định - Agribank
✓ Từ 02/2013 đến 02/2014	Trưởng Ban Thẩm định - Agribank
✓ Từ 3/2014 đến 01/2018	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
✓ Từ năm 4/2018 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát ABBank
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Thành viên Ban Kiểm soát
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	580.589 cổ phần, chiếm 0,0036% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	580.589 cổ phần, chiếm 0,036% vốn điều lệ
Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:	Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Bà Nguyễn Thị Thanh Thái và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:
+ Năm 2024: 1.225 triệu đồng
+ Năm 2025: 1.632 triệu đồng
+ 9 tháng năm 2026: 1.800 triệu đồng

✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
+ Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu;
+ Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 431.700 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
+ Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 75.728 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank: Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank: Không có

3.3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.3.1. Danh sách Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1	Ông Lê Mạnh Hùng	1979	Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Hương	1973	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lại Tất Hà	1978	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đỗ Lam Điền	1973	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Bùi Quốc Việt	1975	Kế toán trưởng

(Nguồn: ABBank)

3.3.2. Sơ yếu lý lịch Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

❖ **Ông Lê Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	**Lê Mạnh Hùng**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1979
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ 7/2002 đến 8/2006	Nhân viên Ngân hàng TMCP Đông Á (nay là Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki)
✓ Từ 9/2006 đến 8/2010	Chuyên viên, Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng – Chi nhánh Quận 4, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, sau đó giữ vị trí Trưởng Bộ phận Tiếp thị Doanh nghiệp và Phó Phòng Tiếp thị và phát triển sản phẩm doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;
✓ Từ 10/2010 đến 13/11/2025	Giám đốc Chi nhánh Bình Dương, ABBank; Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp (nay là Khối Ngân hàng Bán buôn), Thành viên Ban Điều hành – ABBank;

✓ Từ 14/11/2025 đến 04/02/2026	Phó Tổng Giám đốc, đảm nhận nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc ABBank.
✓ Từ 05/02/2026 đến nay	Tổng Giám đốc ABBank
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Tổng Giám đốc
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	2.424.545 cổ phần, chiếm 0,151% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	2.424.545 cổ phần, chiếm 0,151% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank: Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Lê Mạnh Hùng và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Lương và các khoản lợi ích khác:	+ Năm 2024: Ông Lê Mạnh Hùng chưa là Tổng Giám đốc + Năm 2025: 2.000 triệu đồng (kể từ 14/11/2025) + 9 tháng năm 2026: 9.000 triệu đồng
✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:	+ Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 2.108.300 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 316.245 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

❖ **Bà Nguyễn Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Hương**
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1973
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế Phát triển

Quá trình công tác:

✓ Từ 9/1994 đến 7/1997	Chuyên viên - Hội đồng thanh toán Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước
✓ Từ 7/1997 đến 5/2001	Chuyên viên - Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước
✓ Từ 5/2001 đến 10/2007	Phó trưởng Phòng - Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước
✓ Từ 07/2007 đến 03/2011	Phó Giám đốc Khối KDTT & Ngoại hối tại ABBank
✓ Từ 03/2011 đến 01/2016	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư tại ABBank
✓ Từ 01/2016 đến 07/2019	Phó Tổng Giám đốc (kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư) tại ABBank
✓ Từ 07/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc ABBank, Người được ủy quyền công bố thông tin

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Phó Tổng Giám đốc
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	✓ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần EVN Quốc tế; ✓ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư điện lực 3.
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	2.040.961 cổ phiếu, chiếm 0,127% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	2.040.961 cổ phiếu, chiếm 0,127% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank: Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

- ✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Bà Nguyễn Thị Hương và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*
- ✓ Lương và các khoản lợi ích khác:
  - + Năm 2024: 2.427,2 triệu đồng
  - + Năm 2025: 2.664 triệu đồng
  - + 9 tháng năm 2026: 1.998 triệu đồng
- ✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
  - + Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 48.649 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 1.607.300 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
  - + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 272.716 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank: Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank: Không có

❖ **Ông Lại Tất Hà – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	**Lại Tất Hà**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1978
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Tài chính
Quá trình công tác:	
✓ Từ 01/2011 đến 01/2015	Giám đốc Trung tâm Ngoại hối và hàng hóa – Ngân hàng Techcombank
✓ Từ 01/2015 đến 01/2017	Giám đốc Trung tâm kinh doanh và sản phẩm cấu trúc – Ngân hàng Techcombank
✓ Từ 01/2017 đến 07/2019	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính - Ngân hàng SeABank

✓ Từ 07/2019 đến 10/2019	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - ABBank
✓ Từ 10/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc – ABBank

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Phó Tổng Giám đốc
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	1.174.940 cổ phiếu, chiếm 0,073% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	1.174.940 cổ phiếu, chiếm 0,073% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Người nội bộ của ABBank	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2026	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBank (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Lan	Vợ	Không	16.445	0,001

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Lại Tất Hà và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Lương và các khoản lợi ích khác:
- + Năm 2024: 3.087 triệu đồng
- + Năm 2025: 3.263,4 triệu đồng
- + 9 tháng năm 2026: 2.447,5 triệu đồng.

✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:
- + Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 33.412 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
- + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 876.900 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
- + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 153.253 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

❖ **Ông Đỗ Lam Điền – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	**Đỗ Lam Điền**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1973
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ 07/1996 đến 7/2001	Nhân viên tín dụng; Phó Phòng Giao dịch và Trưởng Phòng Giao dịch – Techcombank – Chi nhánh TP.HCM
✓ Từ 7/2001 đến 5/2006	Chuyên viên Tín dụng; Trưởng phòng Tín dụng – Kế hoạch – Chi nhánh cấp II Phú Thọ, Quận 10 – Vietcombank Chi nhánh TP. HCM
✓ Từ 5/2006 đến 4/2010	Giám đốc Chi nhánh Tân Thuận – Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
✓ Từ 4/2010 đến 5/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng Hàng hải Việt Nam, kiêm Giám đốc Vùng 2; từ 2012 – 2013 kiêm nhiệm Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng Phát triển Mekong
✓ Từ 5/2013 đến 5/2015	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc Khối Kinh doanh – Ngân hàng TMCP Phát triển Mekong
✓ Từ 5/2015 đến 4/2016	Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam; Chủ tịch HĐTV Công ty Tài chính MSB
✓ Từ 4/2016 đến 8/2017	Giám đốc Khối KHDN – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
✓ Từ 8/2017 đến 30/01/2024	Phó Tổng Giám đốc ABBank
✓ Từ 02/2024 đến 8/2025	Tham gia giảng dạy tại CFO Việt Nam; Thành viên Hội đồng Khoa học – Khoa Tài chính – Kế toán, Trường Đại học Văn Hiến

✓ Từ 8/2025 đến 14/7/2026	Thành viên BĐH ABBank
✓ Từ 15/7/2026 đến nay	Phó Tổng Giám đốc ABBank

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Phó Tổng Giám đốc
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	1.444.515 cổ phiếu, chiếm 0,090% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu:	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	1.444.515 cổ phiếu, chiếm 0,090% vốn điều lệ

Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank: Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Đỗ Lam Điền và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Lương và các khoản lợi ích khác:	+ Năm 2024: 183,67 triệu đồng (Chấm dứt HĐLĐ với ABBank kể từ ngày 31/01/2024) + Năm 2025: Ông Đỗ Lam Điền không giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc (Tháng 8/2025 được bổ nhiệm Thành viên Ban Điều hành - theo quy định của Điều lệ ABBank, Thành viên Ban Điều hành không tương đương Phó Tổng Giám đốc). + 9 tháng năm 2026: 177 triệu đồng (từ 15/7/2026 được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc).
✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:	+ Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 0 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 1.256.100 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 188.415 cổ phiếu.
Những khoản nợ đối với ABBank:	Không có *(Ngoài hạn mức thẻ tín dụng được cấp tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD)*
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

❖ **Ông Bùi Quốc Việt - Kế toán trưởng**

Họ và tên:	**Bùi Quốc Việt**
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
✓ Từ 11/1997 – 3/1998	Kế toán tổng hợp Công ty Điện lực miền Nam
✓ 4/1998 – 10/2002	Kế toán tổng hợp Điện lực Bình Phú – Công ty điện lực TP. Hồ Chí Minh
✓ 10/2002 – 8/2007	Tổ trưởng tổ kiểm tra – phòng Tài chính kế toán Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh
✓ 01/9/2007 - 31/12/2010	Trưởng Phòng kế toán - Khối Tài chính Kế toán ABBank
✓ 01/01/2011 - 21/11/2012	Giám đốc Khối Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng ABBank
✓ 22/11/2012 - 30/9/2015	Giám đốc Khối Dịch vụ hỗ trợ kiêm Kế toán trưởng ABBank
✓ 01/10/2015 - 28/6/2020	Giám đốc khối Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng ABBank
✓ 29/6/2020 đến nay	Giám đốc Khối Kế toán, Giám đốc Khối Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng và hiện nay là Kế toán trưởng ABBank
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBank:	Kế toán trưởng
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/9/2026):	1.153.014 cổ phiếu, chiếm 0,072% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	1.153.014 cổ phiếu, chiếm 0,072% vốn điều lệ
Những người có liên quan là Cổ đông, người nội bộ của ABBank:	Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBank:

✓ *Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBank, công ty con của ABBank với Ông Bùi Quốc Việt và những người có liên quan (nếu có): Xem tại Mục 3.4. Phần VI*

✓ Lương và các khoản lợi ích khác:	+ Năm 2024: 900 triệu đồng + Năm 2025: 1.050 triệu đồng + 9 tháng năm 2026: 900 triệu đồng
✓ Cổ phiếu được nhận, thực hiện quyền mua theo các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu của ABBank từ 01/01/2024 đến 30/9/2026:	+ Đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu kết thúc vào ngày 03/3/2026: 57.166 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình ESOP kết thúc vào ngày 03/3/2026: 754.900 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu; + Đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho Cổ đông, tỷ lệ 15%, ngày 10/7/2026: 150.393 cổ phiếu.
Những khoản nợ đối với ABBank:	*Xem tại Mục 3.4. Phần VI*
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBank:	Không có

3.4. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ đến 30/9/2026 (loại giao dịch, giá trị giao dịch, điều khoản quan trọng khác…)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Cổ đông lớn của ABBank, Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền và Ông Đào Mạnh Kháng	Hợp đồng thuê địa điểm làm trụ sở, văn phòng làm việc của ABBank	+ Tòa Geleximco: 3.358 triệu đồng/1 tháng + Tòa Peakview: 3.799 triệu đồng /1 tháng + Tòa Phan Đình Giót: 1.403 triệu đồng/1 tháng	HĐQT
			Hợp đồng hợp tác giới thiệu và cho vay đối với Khách hàng có nhu cầu vay vốn mua BĐS Dự án An Bình Homeland	Giá trị: 0 đồng	HĐQT
2	Ông Vũ Văn Tiền	Đại diện 100% phần vốn góp của Geleximco tại ABBank, Cổ đông lớn của Geleximco,	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 01 tỷ đồng	HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
		Người có liên quan của Người quản lý của Geleximco, Chủ tịch HĐQT ABBank			
3	Ông Vũ Văn Hậu	Người quản lý của Geleximco, Cổ đông lớn của Geleximco, Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 01 tỷ đồng	HĐQT
			Hợp đồng dịch vụ tư vấn	Mức phí tư vấn hàng tháng tương đương mức lương nằm trong dải thu nhập của vị trí Cố vấn cao cấp được quy định tại Quy chế về hệ thống kiến trúc đãi ngộ CBNV ABBank. Mức phí cụ thể theo tình hình công việc từng thời kỳ.	HĐQT
4	Bà Vũ Thị Hương	Người quản lý của Geleximco, Cổ đông lớn của Geleixmco, Người phụ trách Quản trị Công ty của ABBank, Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền và Ông Đào Mạnh Kháng	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
5	Bà Vũ Thị Thu Quỳnh	Người quản lý của Geleximco, Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
6	Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch HĐQT của ABBank, Người có liên quan của Geleximco	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
7	Bà Vũ Khánh Linh	Người có liên quan của Geleximco và Ông Vũ Văn Tiền	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
8	Ông Dương Thành Đạt	Người có liên quan của Geleximco và Ông Vũ Văn Tiền	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
9	Bà Vũ Châu Tuệ Anh	Người có liên quan của Geleximco và Ông Vũ Văn Tiền	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
10	Công ty CP Thương mại Sofia	Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền	Hợp đồng thuê địa điểm làm trụ sở, văn phòng làm việc của ABBank	Giá thuê: 1.035 triệu đồng, gồm VAT	HĐQT
11	Công ty CP Khách sạn Dịch vụ Hà Nội Dream	Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền	Hợp đồng thuê địa điểm làm trụ sở, văn phòng làm việc của ABBank	Giá thuê: 1.088 triệu đồng/1 tháng (bao gồm VAT, chưa bao gồm phí dịch vụ)	HĐQT
12	Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Thái Bình	Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền	Hợp đồng thuê địa điểm làm trụ sở, văn phòng làm việc của ABBank	Giá thuê: 145 triệu đồng/tháng, bao gồm VAT	HĐQT
13	Tổng Công ty CP Điện Tử và Tin Học Việt Nam	Người có liên quan của Geleximco và Ông Vũ Văn Tiền	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hệ thống CNTT	- Gia hạn License Orchestrator cho hệ thống RPA: 910 triệu đồng, gồm VAT - Hệ thống Container Security Palo Alto: 1 tỷ đồng, gồm VAT - Công cụ dò quét lỗ hổng và đánh giá bảo mật mã nguồn, ứng dụng HCL: 347 triệu đồng, gồm VAT - Hệ thống tường lửa ứng dụng web F5: 2.000 triệu đồng, gồm VAT - Hệ thống tường lửa mạng lõi tại DC và tường lửa mạng biên Fortiner - Palo Alto: 3.600 triệu đồng, gồm VAT - Hệ thống bảo mật giao dịch thẻ HSM Thales: 1.892 triệu đồng, gồm VAT - Phần mềm và dịch vụ kiểm soát truy cập mạng NAC Cisco: 1.800 triệu đồng, gồm VAT - Phần mềm Cloud Workload Security Trellix: 2.460 triệu đồng, gồm VAT - Hệ thống MongoDB Enterprise	HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
				Advanced: 1.755 triệu đồng, gồm VAT - Phần mềm Red Hat: 2.230 triệu đồng, gồm VAT - Hệ thống Oracle SPARC phục vụ CSDL ngoài core banking và hệ thống thẻ: 3.300 triệu đồng, gồm VAT - Thiết bị lưu trữ SAN/ NAS Netapp – IBM: 4.550 triệu đồng, gồm VAT - Hệ thống quản lý Internet tập trung: 1.892 triệu đồng, gồm VAT Tổng giá trị các Hợp đồng: 27.736 triệu đồng, gồm VAT	
			Hợp đồng nguyên tắc mua sắm máy móc thiết bị	Tổng giá trị các Hợp đồng: 41.491 triệu đồng, gồm VAT	HĐQT
			Hợp đồng mua các gói bản quyền sử dụng, dịch vụ bảo trì và dịch vụ hỗ trợ cho các hệ thống CNTT Quý 3, 4	Tổng giá trị dự kiến: 57 tỷ đồng	HĐQT
14	Công ty CP Gel-O&J	Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức 500 triệu đồng	HĐQT
			Tái cấp và tăng hạn mức	Hạn mức tín dụng: 3.100 tỷ đồng	HĐQT
			Cấp L/C	Hạn mức L/C: 29,43 tỷ đồng	HĐQT
15	Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Trưởng BKS ABBank	Hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức: 300 triệu đồng	HĐQT
16	Ông Lại Tất Hà	Phó Tổng Giám đốc ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức: 500 triệu đồng	HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
17	Công ty CP Viettronics Đống Đa	Người có liên quan của Ông Vũ Văn Tiền	Tu chỉnh bảo lãnh	Hạn mức bảo lãnh: 2.649 triệu đồng	HĐQT
18	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc ABBank, Người được ủy quyền công bố thông tin	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức: 100 triệu đồng	HĐQT
19	Bà Nguyễn Phụng Anh	Người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức: 95 triệu đồng	HĐQT
20	Ông Đỗ Lam Điền	Phó Tổng Giám đốc ABBank	Cấp hạn mức thẻ tín dụng	Hạn mức: 500 triệu đồng	Ban Tín dụng *(Đúng cấp thẩm quyền chấp thuận tại thời điểm phê duyệt)*

(Nguồn: ABBank)

3.5. Doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có lợi ích liên quan

3.5.1. Doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có lợi ích liên quan

Không có

3.5.2. Doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có lợi ích liên quan

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ và người liên quan với doanh nghiệp đó			Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
			Số lượng sở hữu cổ phần (CP)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Mối quan hệ của các đối tượng này và người có liên quan của họ tại doanh nghiệp	
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Thương mại, dịch vụ, bất động sản	1.090.000.000	100	+Ông Vũ Văn Tiền là Cổ đông lớn sở hữu 33,46% VĐL Geleximco; Người đại diện phần vốn góp của Geleximco tại ABBank; +Bà Vũ Thị Hương (em ruột ông Vũ Văn Tiền và vợ ông Đào Mạnh Kháng): là Cổ đông lớn sở hữu 14,48% VĐL Geleximco và là Người quản lý của Geleximco; +Ông Vũ Văn Hậu (em ruột ông Vũ Văn Tiền): là Cổ đông lớn sở hữu 52,06% VĐL Geleximco và là Người quản lý, Người đại diện theo pháp luật của Geleximco; +Bà Vũ Thị Thu Quỳnh (con ruột ông Vũ Văn Tiền): là Người quản lý của Geleximco	Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, Điều lệ và quy định nội bộ của ABBank về thông qua giao dịch với Cổ đông lớn, Cổ đông lớn và người có liên quan

(Nguồn: ABBank)

Các thành viên còn lại không có lợi ích liên quan đến doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của ABBank.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho Cổ đông hiện hữu: 803.391.974 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị chào bán dự kiến (theo mệnh giá): 8.033.919.740.000 VND (Bằng chữ: Tám nghìn, không trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

5. Giá chào bán

Giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

6.1. Nguyên tắc xác định giá:

Đại hội đồng Cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 8 năm 2026 của ABBank đã thông qua giá chào bán là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

6.2. Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2025

$$\text{Giá trị sổ sách/01 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách/01 cổ phiếu ABB tại thời điểm 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 là: 16.232 đồng/cổ phiếu.

Giá đóng cửa của cổ phiếu ABB tại ngày 30/10/2026 là: 17.600 đồng/cổ phiếu.

Để đảm bảo đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu thành công, chào bán được toàn bộ số cổ phần dự kiến, HĐQT đã thống nhất đưa ra giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/01 cổ phiếu. ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua mức giá bán cho Cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/01 cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Việc phát hành tuân thủ quy định tại Khoản 2, Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: *"Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau."*

Phương thức phân phối: theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

7.1. Tỷ lệ phân phối

Số lượng cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ được chào bán ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền tỷ lệ 100:50 (Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cho Cổ đông, Cổ đông nắm giữ 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền và cứ 100 quyền sẽ được mua 50 cổ phần phát hành thêm).

Đợt chào bán này không có bảo lãnh phát hành.

7.2. *Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ, xử lý số cổ phiếu mà Cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua*

Nguyên tắc làm tròn và việc xử lý quyền mua lẻ: Số cổ phiếu chào bán thêm theo tỷ lệ thực hiện quyền mua cho từng Cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (phần lẻ thập phân nếu có sẽ được làm tròn xuống bằng 0).

Ví dụ: Căn cứ danh sách Cổ đông được chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua, Cổ đông A sở hữu 151 cổ phiếu. Số cổ phiếu chào bán thêm theo tỷ lệ thực hiện quyền được tính toán là (151 x 50)/100 = 75,5. Theo đó, số cổ phiếu được làm tròn xuống và Cổ đông A sẽ được mua 75 cổ phiếu chào bán thêm.

Xử lý số cổ phiếu không bán hết và cổ phiếu hình thành từ phần lẻ khi phân bổ theo tỷ lệ thực hiện quyền mua (cổ phiếu lẻ): Trường hợp Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua hết thì số cổ phiếu chào bán còn lại đó và cổ phiếu lẻ sẽ được HĐQT chào bán cho Nhà đầu tư khác (bao gồm cả Cổ đông hiện hữu khác, nếu có) với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu và bảo đảm tuân thủ quy định về giới hạn sở hữu cổ phần của Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan, tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ ABBank hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.

ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT xác định tiêu chí và quyết định lựa chọn Nhà đầu tư có nhu cầu mua để chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. *Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu*

Không quy định

8.2. *Thời hạn nhận đăng ký*

Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, ABBank sẽ công bố thông tin về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật.

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ được công bố cụ thể trong Bản Thông Báo Phát Hành, ABBank đảm bảo thời gian đăng ký mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư tối thiểu 20 (hai mươi) ngày.

8.3. *Chuyển nhượng quyền mua*

Quyền mua được phép chuyển nhượng 01 lần cho Cổ đông hiện hữu hay tổ chức/cá nhân khác (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người khác). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phiếu phải chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng về giới hạn sở hữu cổ phần của Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

8.4. *Phương thức đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua*

Đối với Cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua và/hoặc đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

Đối với Cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua và/hoặc

đăng ký mua được thực hiện tại Trụ sở ABBank vào các ngày làm việc trong tuần và xuất trình thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn hiệu lực.

8.5. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu

Cổ đông mở tài khoản và lưu ký tại Thành viên lưu ký nào sẽ thực hiện quyền mua, nộp tiền theo hướng dẫn tại thành viên lưu ký đó.

Cổ đông chưa lưu ký sẽ nộp tiền vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo thông báo của Tổ chức phát hành (chi tiết về tài khoản phong tỏa theo **Mục 12** dưới đây).

8.6. Chuyển giao cổ phiếu

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành cho Cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung tại SGDCK.

8.7. Quyền lợi của người mua cổ phiếu

Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các Cổ đông phổ thông khác của ABBank kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký Cổ đông.

Cổ đông hiện hữu được quyền nhận cổ phiếu và quyền mua theo tỷ lệ chào bán và có quyền từ chối quyền mua và chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định.

Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ các cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do Cổ đông hiện hữu từ chối mua được HĐQT quyết định tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán).

8.8. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số tiền đặt mua nhiều hơn số cổ phiếu đăng ký mua

ABBank sẽ chuyển trả lại cho người đặt mua trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của ABBank.

8.9. Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng

Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan tham khảo thông tin quy định chi tiết tại **Mục 15 Phần VII** – Thông tin về đợt chào bán.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến: trong vòng 90 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng. Trong trường hợp kéo dài hơn thời gian trên, Ngân hàng sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Trong Quý IV/2026 – Quý I/2027 và sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

Lịch trình dự kiến của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng	T
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và Thông báo chốt danh sách Cổ đông với VSDC và SGDCK	T đến T + 2
3	Công bố Thông báo phát hành theo quy định	T đến T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 10
5	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền	T + 12
6	Nhận danh sách Cổ đông từ VSDC. Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến Cổ đông chưa lưu ký (Cổ đông đã lưu ký nhận thông tin từ thành viên lưu ký)	T+12 đến T + 17
7	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	T+17 đến T+39
8	VSDC gửi danh sách Cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	T+40 đến T+51
9	Thông báo xác nhận danh sách người sở hữu đặt mua cổ phiếu cho VSDC	T+52
10	HĐQT phân bổ số cổ phiếu chưa bán hết (nếu có)	T+52 đến T+55
11	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN; NHNN	T+57
12	Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán thành công	T+58 đến T+68
13	Thực hiện đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các tài liệu khác tương đương); sửa đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ, tổng số cổ phần)	T+58 đến T+68
14	Chuyển giao giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các Cổ đông chưa lưu ký	T+58 đến T+73
15	Cổ phiếu được chào bán thêm chính thức được giao dịch	T+75

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP An Bình sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

10. Phương thức thực hiện quyền

Điều kiện thực hiện quyền: Các Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền (gọi tắt là Danh sách Cổ đông) tại Ngày đăng ký cuối cùng (Ngày chốt danh sách) do VSDC cung cấp. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu.

Thời gian thực hiện quyền: Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến ở trên.

Phương thức thực hiện quyền: Cổ đông đã lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, thực hiện quyền mua cổ phiếu tại các Thành viên Lưu ký nơi Cổ đông mở tài khoản chứng khoán. Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ thực hiện các quyền tương tự trên tại Trụ sở ABBank trong thời gian thực hiện quyền mua được ABBank thông báo tại Bản thông báo phát hành.

Hết thời gian thực hiện quyền mua theo thông báo của ABBank, các Cổ đông không thực hiện quyền mua được xem là từ chối quyền mua. Số lượng cổ phiếu Cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền sẽ được Hội đồng Quản trị phân phối cho Cổ đông/nhà đầu tư khác theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách Cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (do VSDC cung cấp) có quyền chuyển nhượng một số hoặc toàn bộ quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định tại Bản thông báo phát hành.

Quyền mua cổ phần chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng quyền mua một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng lại cho bên thứ ba.

Số lượng cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;

Số lượng cổ phiếu còn dư do Cổ đông hiện hữu không mua hết và cổ phiếu được hình thành từ phần lẻ quyền mua do làm tròn xuống đến hàng đơn vị sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác và số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền đặt mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu của ABBank với thông tin như sau:

Tên Chủ tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Số tài khoản: **8699110066**

Mở tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Loại tiền tài khoản: VND

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Ngày 10/9/2026, NHNN đã có Văn bản số 8295/NHNN-QLGS chấp thuận việc ABBank thực hiện tăng vốn điều lệ theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán này không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài và bảo đảm tuân thủ các giới hạn sở hữu trong đợt chào bán

15.1. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài trong đợt chào bán

Căn cứ theo Công văn số 4735/UBCK-PTTT ngày 27 tháng 8 năm 2025 của UBCKNN về việc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ABBank là 16,5%.

Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của ABBank là phương án phát hành quyền mua cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ. Cổ đông được phân bổ quyền mua theo danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách Cổ đông để thực hiện chào bán thêm cổ phiếu do VSDC cung cấp. HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ nước ngoài cụ thể như sau:

- Việc phân bổ quyền trong đợt chào bán, phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài bảo đảm tuân thủ theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền tại Phương án tăng mức vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Trong quá trình Cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu và phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà Cổ đông hiện hữu được phân bổ quyền mua nhưng không mua (nếu có), ABBank phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với VSDC để theo dõi cập nhật và kiểm soát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của ABBank tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ ABBank.
- Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài bảo đảm trong phạm vi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Khoản 7 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 69/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định 01). ABBank thực hiện công bố/thông báo chi tiết tới các Cổ đông, nhà đầu tư về các yêu cầu tuân thủ để triển khai thống nhất. Đối với các giao dịch do ABBank tiếp nhận và thực hiện xác nhận giao dịch theo quy định của pháp luật, ABBank chỉ xác nhận giao dịch trên cơ sở kiểm tra đối

chiếu với tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo dữ liệu từ VSDC để thực hiện trong phạm vi tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại của ABBank theo thứ tự xử lý giao dịch (để làm rõ, thứ tự xử lý giao dịch ở đây là thứ tự thời gian) và bảo đảm không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định.

- Cổ đông nước ngoài, Cổ đông nước ngoài và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Khoản 7 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị định số 01 (nếu có) không được mua thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định.
- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phần và trở thành Cổ đông lớn của ABBank phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá các tỷ lệ theo quy định của Khoản 7 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị định số 01 và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi thực hiện theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Nghị định 01 và Thông tư 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung).
- Không phân phối số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua hết (nếu có) và cổ phiếu hình thành từ phần lẻ quyền mua cho đối tượng Cổ đông, nhà đầu tư nước ngoài nếu việc này dẫn đến vượt giới hạn sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Nghị định 01.
- Khi tổng hợp kết quả chào bán thêm cổ phiếu, trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phiếu dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của ABBank vượt tỷ lệ tối đa theo quy định (nếu có), ABBank sẽ áp dụng nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự nộp tiền mua đối với quyền mua nhận chuyển nhượng của nhà đầu tư nước ngoài cho đến khi tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài đạt mức tối đa – Theo đó, ABBank sẽ thực hiện hoàn trả lại tiền đặt mua cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài đối với các giao dịch nộp tiền đặt mua muộn hơn. ABBank sẽ thực hiện chuyển trả lại số tiền này cho người đặt mua trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của ABBank.
- Các nội dung biện pháp kiểm soát, bảo đảm khác (nếu có) được áp dụng theo thông báo của HĐQT/Chủ tịch HĐQT ABBank trong quá trình triển khai thực hiện đợt chào bán, phát hành cổ phiếu căn cứ và nhằm bảo đảm tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ ABBank.

15.2. Biện pháp bảo đảm tuân thủ giới hạn sở hữu trong đợt chào bán

Ngoài ra, HĐQT cũng bảo đảm tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần của Cổ đông, Cổ đông và người liên quan; hạn chế sở hữu chéo theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

- Việc phân bổ quyền của đợt chào bán, phát hành cổ phiếu bảo đảm tuân thủ theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền tại Phương án tăng mức vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Việc nhận chuyển nhượng quyền mua của Cổ đông, nhà đầu tư; việc phân phối số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết (nếu có) và cổ phiếu hình thành từ phần lẻ quyền mua phải bảo đảm không dẫn tới việc vi phạm giới hạn sở hữu quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

+ Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của ABBank, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp.

+ Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của ABBank, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp.

+ Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của ABBank, bao gồm cả cổ phần do Cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của Cổ đông đó *(không áp dụng đối với các trường hợp sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài).*

+ Cổ đông lớn và người có liên quan của Cổ đông lớn đó tại tổ chức tín dụng khác không được nhận chuyển nhượng quyền mua để mua thêm dẫn đến việc đồng thời sở hữu từ 5% vốn điều lệ của ABBank trở lên *(không áp dụng đối với các trường hợp sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài).*

- Cổ đông, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phần dẫn đến trở thành Cổ đông lớn của ABBank phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 11/2026/TT-NHNN ngày 19/5/2026).
- Quyền mua không được phép chuyển nhượng cho tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác mà ABBank đang sở hữu cổ phần, phần vốn góp (nếu có) nhằm bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.
- Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng (nếu có) không được tăng thêm cổ

phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định (trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu) căn cứ quy định tại Khoản 11 Điều 210 Luật Các Tổ chức tín dụng.

- Các nội dung biện pháp kiểm soát, bảo đảm khác (nếu có) được áp dụng theo thông báo của HĐQT/Chủ tịch HĐQT ABBank trong quá trình triển khai thực hiện đợt chào bán, phát hành cổ phiếu căn cứ và nhằm bảo đảm tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ ABBank.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Thuế liên quan đến Tổ chức phát hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025, Ngân hàng và Công ty con đang thực hiện áp dụng mức thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuế giá trị gia tăng: Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025, các dịch vụ cấp tín dụng; bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu; kinh doanh ngoại tệ; sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Đối với các dịch vụ khác do Ngân hàng được phép cung cấp chịu thuế GTGT với thuế suất 10%

Các loại thuế khác, lệ phí: Thuế môn bài, lệ phí, các loại thuế khác... của Ngân hàng thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định chung của pháp luật.

16.2. Các loại thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:

+ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và

+ Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu cùng loại thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phẩy một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Căn cứ Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp phải chịu thuế cụ thể như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và

Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm)

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán cổ phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và

Thuế suất: bằng 0,1% (không phẩy một phần trăm)

17. Thông tin về các cam kết

ABBank cam kết:

- Triển khai các thủ tục thực hiện việc đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu được chào bán thêm trên Sở giao dịch chứng khoán ngay sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

- Không thuộc trường hợp đang truy cứu trách nhiệm hình sư hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

- Việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài cũng như tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần của Cổ đông, Cổ đông và người liên quan; hạn chế sở hữu chéo theo quy định của pháp luật.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Tại Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 21/8/2026, ngoài Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 (đã hoàn thành), Phương án phát hành cổ

phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 12% và Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động.

Nội dung Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu và nội dung Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến được triển khai thực hiện trong cùng đợt (cùng ngày chốt danh sách Cổ đông thực hiện quyền) sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và có văn bản thông báo nhận được hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của ABBank.

Ngoài ra, dự kiến ABBank sẽ triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động thành đợt phát hành riêng dự kiến vào Quý I/2027 sau khi đã kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Phương án tăng mức vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 21/8/2026 của Ngân hàng, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được bổ sung nguồn vốn cho ABBank sử dụng để cấp tín dụng cho Khách hàng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Phương án tăng mức vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 21/8/2026 của Ngân hàng và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 36/NQ-HĐQT.26 ngày 21 tháng 9 năm 2026 V/v thông qua chi tiết kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thì toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình là 8.033.919.740.000 đồng (Bằng chữ: Tám nghìn, không trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) được bổ sung ngay vào nguồn vốn của ABBank sử dụng để cấp tín dụng cho Khách hàng, cụ thể:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Cấp tín dụng cho khách hàng	8.033.919.740.000	Trong năm 2027 (ưu tiên giải ngân hết trong Quý I, Quý II năm 2027)
Tổng cộng		**8.033.919.740.000**	

Phương án xử lý trong trường hợp số tiền thu được không đủ như dự kiến: Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán ít hơn so với dự kiến thì sẽ được bù đắp, bổ sung bằng các nguồn vốn huy động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của ABBank.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco – Số 36 Hoàng Cầu – Phường Ô Chợ Dừa – Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3562 4626 Fax: (84-24) 3562 4628

Website: www.abs.vn

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về chào bán:

Bản cáo bạch này được Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình soạn thảo dựa trên các thông tin, số liệu và tài liệu do ABBank cung cấp. Các thông tin và số liệu về ABBank trong Bản cáo bạch này đã được ABBank xác nhận. Bản cáo bạch này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 30/9/2026, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm ký ban hành Bản cáo bạch. Các sự kiện xảy ra sau các mốc thời gian này chưa được xem xét và ABBank, Tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản cáo bạch đối với các sự kiện này. Bản cáo bạch này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về ABBank, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Trụ sở chính: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 1600; Website:http://kpmg.com.vn

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Lầu 20, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 5252; Website: www.ey.com/vi_vn

Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2026

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Văn Tiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Quốc Việt

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Mạnh Hùng

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Đạt

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 28/6/2023; Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018; Quyết định số 1901/QĐ-QLGS5 ngày 06/8/2025; Công văn số 543/QLGS5 ngày 24/02/2026; Quyết định số 38/QĐ-QLGS5 ngày 09/6/2026; Quyết định số 1466/QĐ-NHNN ngày 14/9/2021; Quyết định số 42/QĐ-QLGS5 ngày 22/6/2026; Quyết định số 64/QĐ-QLGS5 ngày 29/6/2026; và Quyết định số 1728/QĐ-NHNN ngày 28/7/2026.
2. Phụ lục II: Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 18/4/2025 được sửa đổi, bổ sung, cập nhật lần gần nhất có hiệu lực từ ngày 28/7/2026.
3. Phụ lục III: Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 28/4/2026 và Phương án tăng mức vốn điều lệ kèm theo và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Phương án tăng vốn điều lệ ngày 21/8/2026 và Phương án tăng mức vốn điều lệ ABBank (các nội dung sửa đổi, bổ sung).
4. Phụ lục IV: Nghị quyết của HĐQT số 35/NQ-HĐQT.26 ngày 21/9/2026 V/v Phương án bảo đảm việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và bảo đảm tuân thủ các giới hạn sở hữu trong chào bán, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP An Bình; Nghị quyết của HĐQT số 36/NQ-HĐQT.26 ngày 21/9/2026 V/v Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.; Nghị quyết của HĐQT số 37/NQ-HĐQT.26 ngày 21/9/2026 V/v Triển khai đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và thực hiện đợt chào bán cổ phiếu của Ngân hàng TMCP An Bình.
5. Phụ lục V: Văn bản số 8295/NHNN-QLGS ngày 10/9/2026 của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ của ABBank.
6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024; Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 và Văn bản đính chính số 8587-1/CV-TGĐ.26 ngày 02/11/2026; Báo cáo tài chính đã được soát xét giữa niên độ năm 2026 và Văn bản đính chính số 8587-1/CV-TGĐ.26 ngày 02/11/2026; Báo cáo tài chính Quý III/2026.
7. Phụ lục VII: Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán (Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu và Văn bản đính chính số 8157/CV-TGĐ.26 ngày 21/10/2026; Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ABBank ngày 16/9/2025 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 05/01/2026 và Văn bản đính chính số 8158/CV-TGĐ.26 ngày 21/10/2026).